

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Phạm Thị Thu Huyền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
XÂY DỰNG BÀI TẬP BỔ TRỢ TRONG DẠY HỌC LUYỆN
TỪ VÀ CÂU, MÔN TIẾNG VIỆT 2, 3

Mã sinh viên: 2652020571

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, (2026)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Phạm Thị Thu Huyền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
XÂY DỰNG BÀI TẬP BỔ TRỢ TRONG DẠY HỌC LUYỆN
TỪ VÀ CÂU, MÔN TIẾNG VIỆT 2, 3

Mã sinh viên: 2652020571

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: ThS. Đỗ Hồng Linh

NINH BÌNH, (2026)

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan kết quả nghiên cứu đề tài “*Xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3*” là kết quả nghiên cứu của chính bản thân tôi dưới sự hướng dẫn của ThS. Đỗ Hồng Lĩnh. Tất cả các tài liệu tham khảo đều có xuất xứ rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm cho lời cam đoan của mình.

Ninh Bình, ngày 26 tháng 05 năm 2026

Người thực hiện

Phạm Thị Thu Huyền

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Đề tài “*Xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3*” là công trình nghiên cứu của sinh viên Phạm Thị Thu Huyền, nội dung trong đề tài chưa công bố trong bất kì công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Ninh Bình, ngày 26 tháng 05 năm 2026

Người hướng dẫn

ThS. Đỗ Hồng Lĩnh

BẢNG KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
CT GDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
GDTH	Giáo dục Tiểu học
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
Nxb	Nhà xuất bản
PP	Phương pháp
PPDH	Phương pháp dạy học
SGK	Sách giáo khoa
VBT	Vở bài tập

DANH MỤC BẢNG BIỂU, ĐỒ THỊ

Tên bảng	Trang
Bảng 1.1. Nội dung dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt lớp 2, 3	18
Bảng 1.2. Nhận thức của giáo viên về bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu	27
Bảng 1.3. Đánh giá mức độ cần thiết của bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3	27
Bảng 1.4. Mức độ xây dựng bài tập bổ trợ của giáo viên trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3	28
Bảng 1.5. Các dạng bài tập bổ trợ được các giáo viên xây dựng trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3	28
Bảng 1.6. Cơ sở xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3	29
Bảng 1.7. Mức độ tuân thủ các nguyên tắc xây dựng bài tập bổ trợ của giáo viên trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3	29
Bảng 1.8. Mức độ sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3	30
Bảng 1.9. Mức độ hứng thú của học sinh khi thực hiện bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3	32
Bảng 1.10. Khó khăn của giáo viên trong xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3	33
Bảng 1.11. Khó khăn trong việc tổ chức thực hiện bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3	34
Biểu đồ 1.1. Các hoạt động sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3 của giáo viên	31
Biểu đồ 1.2. Thời điểm sử dụng bài tập bổ trợ mang lại hiệu quả cao nhất trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3	31
Biểu đồ 1.3. Hiệu quả khi sử dụng bài tập bổ trợ đối với việc dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3	33
Biểu đồ 2.1. Quy trình xây dựng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3	48

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp nghiên cứu	4
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn	5
Chương 1	6
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI	6
1.1 Cơ sở lý luận	6
1.1.1 Khái quát về bài tập trong dạy học Luyện từ và câu	6
1.1.2. Nội dung dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt lớp 2, 3	18
1.1.3. Đặc điểm của học sinh lớp 2, 3 chi phối việc xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt	20
1.2. Cơ sở thực tiễn	25
1.2.1. Khái quát về quá trình khảo sát thực trạng xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3	25
1.2.2. Kết quả khảo sát quá trình xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3	27
Tiểu kết chương 1	35
Chương 2	36
XÂY DỰNG BÀI TẬP BỔ TRỢ TRONG DẠY HỌC LUYỆN TỪ VÀ CÂU, MÔN TIẾNG VIỆT 2, 3	36
2.1. Nguyên tắc xây dựng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3	36
2.1.1. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với nội dung chương trình	36
2.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức và phát huy tính sáng tạo của học sinh	38
2.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống	40
2.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi	42
2.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính tích hợp	44
2.1.6. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa	46
2.2. Quy trình xây dựng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3	48
2.3. Xây dựng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3	50

2.3.1. Nhóm bài tập về từ	50
2.3.2. Nhóm bài tập về câu và giao tiếp	80
2.3.3. Nhóm bài tập về dấu	103
2.4. Lưu ý sự phạm khi xây dựng và sử dụng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3	115
2.4.1. Lưu ý sự phạm khi xây dựng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3	115
2.4.2. Lưu ý sự phạm khi sử dụng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3	116
2.5. Đánh giá hiệu quả các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3	117
2.5.1. Mục đích, đối tượng, nội dung và phương pháp đánh giá	117
2.5.2. Kết quả đánh giá của chuyên gia về hiệu quả của các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3	118
Tiểu kết chương 2	120
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	121
TÀI LIỆU THAM KHẢO	123
PHỤ LỤC	126

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Chương trình giáo dục phổ thông (CT GDPT) môn Ngữ văn 2018 [1] là sự hiện thực hoá quan điểm chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá XI thông qua Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chương trình đã đưa ra các yêu cầu về việc sử dụng phương pháp (PP) giáo dục theo định hướng chung là dạy học tích hợp và phân hoá; đa dạng các hình thức tổ chức, PP và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng của học sinh (HS).

Chương trình đã nhấn mạnh vai trò chủ động, linh hoạt của giáo viên (GV) trong việc xây dựng và tổ chức các bài học theo một số định hướng cụ thể như: *“Tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của HS; dành nhiều thời gian cho HS nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu học tập, luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận về kết quả học tập để HS biết tự đọc, viết, nói và nghe theo những yêu cầu và mức độ khác nhau...”* [2]

CT GDPT môn Ngữ văn đã làm rõ những yêu cầu về năng lực ngôn ngữ đặt ra cho HS tiểu học. Để đạt được những yêu cầu này, các bài tập Tiếng Việt trong sách giáo khoa (SGK) và vở bài tập (VBT) Tiếng Việt đã được xây dựng dựa trên nguyên tắc phù hợp với mục tiêu, đảm bảo tính khoa học, tính thú vị cùng với các bài tập đa dạng nhằm giúp GV và HS có một tài liệu dạy và học hiệu quả. Cũng theo tinh thần của CT GDPT 2018, SGK là một trong những tài liệu giúp GV thực hiện chương trình. Do đó, GV có thể lựa chọn nội dung cũng như phương pháp dạy học (PPDH) đảm bảo theo yêu cầu của CT.

Theo yêu cầu đổi mới của CT GDPT 2018 [2], việc hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cốt lõi cho HS, đặc biệt là năng lực ngôn ngữ, được đặt lên hàng đầu. Với HS tiểu học, môn Tiếng Việt nói chung và nội dung dạy học Luyện từ và câu nói riêng giữ vai trò quan trọng trong việc giúp các em sử dụng thành thạo ngôn ngữ, phát triển kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, mở rộng vốn từ, hiểu và vận dụng đúng các loại từ, cấu tạo câu, dấu câu, cũng như rèn luyện khả năng diễn đạt. Tuy nhiên, để HS nắm vững và vận dụng linh hoạt các kĩ năng này, bên cạnh các bài tập trong SGK, cần có thêm các bài tập bổ trợ giúp các em mở rộng vốn từ và phát triển năng lực ngôn ngữ một cách toàn diện. Điều này đặc biệt cần được chú trọng ở HS lớp 2 và lớp 3 - giai đoạn các em chuyển từ hoạt động giao tiếp tự nhiên sang sử

dụng ngôn ngữ học tập. Qua quá trình học tập và thực tập, thực tế tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, chúng tôi nhận thấy Luyện từ và câu là nội dung thú vị nhưng cũng nhiều thử thách, đòi hỏi HS biết tổng hợp kiến thức, vận dụng vào thực tiễn. Vì vậy, việc GV chủ động xây dựng và áp dụng các bài tập bổ trợ trong dạy học Tiếng Việt nói chung và dạy học Luyện từ và câu nói riêng sẽ góp phần tích cực trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học.

Với tất cả những lí do trên, chúng tôi lựa chọn đề tài “*Xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3*” để thực hiện Khóa luận tốt nghiệp.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Tính đến nay, đã có nhiều những công trình nghiên cứu về dạy học Luyện từ và câu. Các công trình điển hình được chia làm hai hướng, hoặc là những vấn đề lí luận bàn về phương pháp dạy học, hoặc là xây dựng các bài tập bổ trợ được các tác giả nghiên cứu và đưa ra để làm tài liệu tham khảo cho GV lồng ghép, tích hợp trong quá trình dạy học. Sau đây là một số công trình tiêu biểu:

Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 2, 3 (tập một, tập hai - Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) [6], [7] đã thiết kế các bài tập trong mỗi nội dung dạy học Luyện từ và câu. Điều này không chỉ giúp HS ghi nhớ nội dung bài học mà còn giúp các em vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết bài tập.

Và để củng cố kiến thức sau mỗi bài học, *Vở bài tập Tiếng Việt lớp 2, 3* (tập một, tập hai - Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) [11], [12] đã xây dựng những dạng bài tập phù hợp, liên quan đến nội dung từng bài học. Thông qua những dạng bài tập này, vốn từ cũng như năng lực sử dụng ngôn ngữ của HS dần được cải thiện hơn.

Giáo trình *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học* của tác giả Lê Phương Nga, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (2001) [15] đã khẳng định vị trí chiến lược của bài tập trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS. Tác giả không nhìn nhận bài tập như những câu hỏi kiểm tra sau bài học, mà nâng tầm bài tập thành một hình thức tổ chức hoạt động học tập chủ động. Ở đó, bài tập đóng vai trò là cầu nối giúp cụ thể hóa các phạm trù lý thuyết ngôn ngữ trừu tượng thành những ngữ liệu trực quan, sinh động và phù hợp với tiến trình nhận thức của HS.

Cùng với đó, giáo trình *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2* của tác giả Lê Phương Nga, Nxb Đại học Sư phạm 2019 [16] đã cho thấy Luyện từ và câu là một phần quan trọng trong chương trình môn Tiếng Việt tiểu học. Việc dạy học nội dung này vừa giúp HS phát triển ngôn ngữ, rèn luyện tư duy vừa góp phần định hướng xây dựng các bài tập giúp HS mở rộng vốn từ, rèn kỹ năng đặt câu.

Giáo trình *Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở Tiểu học* của tác giả Lê Phương Nga, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội (2016) [14] cũng đề cập đến việc bồi dưỡng hứng thú học tập, vốn sống và các mạch kiến thức, kỹ năng cho HS giỏi Tiếng Việt thông qua một số dạng bài tập Tiếng Việt, bài tập Luyện từ và câu ở mức độ nâng cao. Cuốn giáo trình này hướng dẫn GV xây dựng các dạng bài tập về từ và câu hiệu quả.

Đề tài Thạc sĩ “*Xây dựng bài tập bổ trợ làm giàu vốn từ cho HS lớp 4, 5*” của tác giả Đinh Thị Thủy (2008) [25] đã xây dựng các bài tập bổ trợ làm giàu vốn từ cho HS lớp 4, 5. Trên cơ sở khảo sát nội dung các bài tập mở rộng vốn từ trong SGK Tiếng Việt 4, 5, kết hợp với tình hình dạy học và học bài mở rộng vốn từ ở trường tiểu học, tác giả đã đề xuất các bài tập làm giàu vốn từ, góp phần vào việc dạy và học Luyện từ và câu lớp 4, 5.

Tác giả Đặng Thị Phấn với đề tài Thạc sĩ “*Xây dựng các bài tập mở rộng vốn từ theo chủ điểm trong Luyện từ và câu lớp 2*” (2017) [22] đã hệ thống hóa và tổng hợp một số cơ sở lý thuyết liên quan đến đề tài, từ đó làm căn cứ để xây dựng một số bài tập mở rộng vốn từ đa dạng theo chủ điểm trong chương trình Luyện từ và câu lớp 2.

Cùng chủ đề, đề tài Thạc sĩ *Thiết kế phiếu bài tập bổ trợ môn Tiếng Việt cho HS lớp 5 ở các trường chất lượng cao* của tác giả Hoàng Thị Mai, Đại học Sư Phạm Hà Nội (2015) [13] đã thiết lập quy trình xây dựng phiếu bài tập bổ trợ môn Tiếng Việt cho HS lớp 5 ở các trường chất lượng cao. Đề tài này góp phần không nhỏ trong việc định hướng xây dựng bài tập bổ trợ HS lớp 5 nói riêng và HS tiểu học nói chung.

Bài báo “*Cách thức xây dựng bài tập bổ trợ môn Tiếng Việt nhằm PTNL sử dụng từ ngữ cho HS tiểu học*” của tác giả Lê Hải Huỳnh Chi - Trường Đại học Khánh Hòa (Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ) [3] đã trình bày cách thức xây dựng các bài tập bổ trợ môn Tiếng Việt nhằm PTNL sử dụng từ ngữ cho HS tiểu học. Mục tiêu của bài báo này là giúp GV thiết kế và vận dụng các dạng bài tập phù hợp với đặc điểm, trình độ của HS.

Cuốn sách *40 đề PTNL Tiếng Việt* của tác giả Lê Phương Nga và cô Dương Hằng [18] là tài liệu học tập thiết thực, sinh động cho HS lớp 5 và HS khá giỏi lớp 4. Trong 40 đề, các kiến thức và kỹ năng Tiếng Việt cơ bản ở Tiểu học được bao quát, kèm theo phần gợi ý đáp án rõ ràng, tạo thành nguồn tư liệu tham khảo hữu ích cho HS.

Qua việc tìm hiểu các công trình trên, chúng tôi nhận thấy rằng các tác giả đã có sự nghiên cứu về việc xây dựng các bài tập bổ trợ Tiếng Việt ở tiểu học dưới nhiều khía cạnh. Tuy nhiên, việc nghiên cứu và xây dựng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu cho HS lớp 2, 3 thì chưa có công trình nào nghiên cứu hệ thống và chuyên sâu. Vì vậy, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu vấn đề này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3 nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học, giúp HS củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng sử dụng từ, đặt câu và phát triển tư duy ngôn ngữ.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận về xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3.
- Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng xây dựng và thực hiện bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3.
- Xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung dạy học Luyện từ và câu lớp 2, 3 - Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam (2023).
- Điều tra việc xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3 của các GV ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

PP phân tích - tổng hợp: Sử dụng PP để phân tích, khái quát, thu thập các cơ sở lí luận liên quan đến đề tài nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- PP điều tra: Điều tra, lấy ý kiến của GV lớp 2, 3 về thực trạng xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu.

- PP quan sát: Dự giờ các hoạt động dạy học Luyện từ và câu ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình để tìm hiểu thực trạng xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu.

- PP chuyên gia: Phiếu khảo sát ý kiến chuyên gia (GV một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình) về các bài tập bổ trợ đã xây dựng để đưa ra kết luận.

5.3. Phương pháp thống kê toán học

Thu thập, xử lí kết quả điều tra thực trạng và thống kê, xử lí kết quả khảo sát để đưa ra kết luận.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần khẳng định và làm rõ hơn cơ sở khoa học, nâng cao chất lượng và hiệu quả trong việc dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Làm tài liệu tham khảo cho GV và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong dạy học Tiếng Việt.

- Đề tài nếu được vận dụng một cách đúng đắn, linh hoạt sẽ phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, góp phần thực hiện mục tiêu môn học.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1 Cơ sở lý luận

1.1.1 Khái quát về bài tập trong dạy học Luyện từ và câu

1.1.1.1 Khái niệm bài tập

Theo Từ điển Tiếng Việt [21], bài tập là danh từ chỉ một hoạt động học tập mà trong đó HS hoặc người học phải thực hiện một hoặc nhiều nhiệm vụ cụ thể nhằm củng cố kiến thức đã học. Bài tập có thể được giao trong lớp học, ở nhà hoặc trong các khóa học trực tuyến.

Bài tập có nguồn gốc từ các PP giáo dục cổ điển, nơi mà việc luyện tập và thực hành là cách tốt nhất để ghi nhớ và hiểu sâu kiến thức. Theo thời gian, khái niệm bài tập đã được mở rộng để bao gồm nhiều loại hình thức khác nhau, từ bài tập về nhà, bài kiểm tra đến các dự án nghiên cứu.

Đặc điểm nổi bật của bài tập là tính đa dạng và linh hoạt. Bài tập có thể được thiết kế dưới nhiều hình thức như viết luận, giải toán, thực hiện thí nghiệm hay thậm chí tham gia vào các hoạt động nhóm. Điều này giúp tạo ra môi trường học tập phong phú và hấp dẫn, khuyến khích người học tham gia tích cực hơn.

Theo cuốn Một số vấn đề về dạy học Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học của tác giả Nguyễn Trí đã khẳng định: *“Bài tập là phương tiện chính để học sinh luyện tập, vận dụng các tri thức đã học vào thực tiễn giao tiếp, đồng thời giúp giáo viên kiểm tra, đánh giá định lượng và định tính kết quả học tập của học sinh.”* [27]. Tác giả nhấn mạnh bài tập Tiếng Việt không tồn tại như một công cụ luyện tập tách biệt, mà là phương tiện để HS thực hành và vận dụng tri thức vào thực tiễn giao tiếp sinh động.

Ngoài ra, trong Giáo trình Giáo dục học, bài tập còn được định nghĩa: *“Bài tập là một phương pháp luyện tập, trong đó học sinh lặp đi lặp lại những hành động trí tuệ hoặc thực hành nhất định dưới sự hướng dẫn của giáo viên nhằm hình thành và hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo.”* [19]. Hiểu theo nghĩa này, bài tập không chỉ là những câu hỏi kiểm tra sau bài học, mà còn là một hình thức tổ chức hoạt động học tập chủ động. Bài tập đóng vai trò là cầu nối giúp cụ thể hóa những ngữ liệu trực quan, sinh động và phù hợp với tiến trình nhận thức của người học. Đây cũng là định nghĩa tương thích với định hướng của

CT GDPT môn Ngữ văn/Tiếng Việt 2018.

Tuy nhiên, dưới góc độ tâm lý học và hoạt động, nhiều tác giả chú trọng vào bản chất lặp lại và điều chỉnh để hình thành kỹ năng. Chính vì vậy, bài tập còn được định nghĩa như sau:

Theo A.V. Petrosky định nghĩa trong cuốn Tâm lý học sư phạm và tâm lý học lứa tuổi: *“Bài tập là sự thực hiện nhiều lần các hành động nhất định hoặc những dạng hoạt động lời nói với mục đích nắm vững chúng, dựa trên sự hiểu biết có kèm theo việc kiểm tra và điều chỉnh một cách có ý thức.”* [23].

Theo Jack C. Richards và Richard Schmidt (2010) trong cuốn “Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics” [29]: *bài tập (Exercise) được hiểu là “một thủ tục giảng dạy liên quan đến việc thực hành có kiểm soát, có hướng dẫn hoặc mở đối với một khía cạnh cụ thể (thường dùng trong ngôn ngữ như bài tập điền từ, bài tập mẫu câu)”*.

Như vậy, qua việc tìm hiểu về các định nghĩa bài tập của các công trình, tài liệu trong và ngoài nước, trong phạm vi nghiên cứu, chúng tôi xác định: *Bài tập là một đơn vị của hoạt động học chủ động, đòi hỏi người học thực hiện các nhiệm vụ trí tuệ hoặc thực hành dưới sự hướng dẫn của GV. Thông qua việc tương tác và luyện tập trên các ngữ liệu đa dạng, HS không chỉ củng cố, chiếm lĩnh tri thức để hình thành kỹ năng, mà còn phát triển tư duy độc lập và năng lực cốt lõi theo định hướng giáo dục hiện đại, giúp phát triển năng lực thực tế và khơi gợi hứng thú trong học tập.*

1.1.1.2. Phân loại các dạng bài tập trong dạy học

Trong dạy học có rất nhiều dạng bài tập. Những dạng bài tập này đóng vai trò quan trọng giúp GV kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng của HS trước, trong hoặc sau mỗi tiết học. Các dạng bài tập trong dạy học được phân loại dựa trên nhiều tiêu chí như mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao), chức năng dạy học (hình thành kiến thức, ôn tập và củng cố, rèn luyện kỹ năng, kiểm tra và đánh giá) và nội dung và PP thực hiện (lí thuyết/tự luận, trắc nghiệm khách quan) ... Cụ thể:

a. Phân loại theo mức độ nhận thức

Trước hết, phân loại theo mức độ nhận thức hay còn gọi theo thang Bloom, bài tập được chia ra làm bốn nhóm: Bài tập nhận biết/ghi nhớ dùng để kiểm tra khả năng ghi nhớ cơ bản (ví dụ: định nghĩa, công thức,...); Bài tập thông hiểu nhằm kiểm tra khả năng giải thích, hiểu rõ về bản chất kiến thức; Bài tập vận dụng giúp HS áp dụng kiến thức vào các bài tập cụ thể;

Bài tập vận dụng cao nhằm giải quyết tình huống phức tạp, phân tích và đưa ra giải pháp.

b. Phân loại theo chức năng dạy học

Với cách phân loại này, đầu tiên là bài tập hình thành kiến thức mới, đóng vai trò định hướng để HS tự mình khám phá và chiếm lĩnh tri thức thông qua các hoạt động trải nghiệm. Sau khi tiếp nhận thông tin, bài tập ôn tập và củng cố sẽ giúp người học hệ thống hóa lại các nội dung cốt lõi, từ đó ghi nhớ kiến thức một cách bền vững hơn. Tiếp nối quá trình này, các bài tập rèn luyện kỹ năng được thiết kế để phát triển năng lực thực hành, từ việc tính toán, vẽ hình đến sử dụng ngôn ngữ hay làm thí nghiệm. Cuối cùng là bài tập kiểm tra và đánh giá, đây là công cụ quan trọng giúp GV xác định chính xác mức độ đạt được mục tiêu học tập của HS qua các kì thi hoặc bài kiểm tra định kì.

c. Phân loại theo nội dung và phương thức thực hiện

Ngoài ra bài tập còn được phân loại theo nội dung và phương thức thực hiện. Trước tiên là bài tập lí thuyết/tự luận để HS trả lời câu hỏi, giải thích, viết bài văn. Tiếp đến là bài tập trắc nghiệm khách quan bao gồm các dạng bài cụ thể như: đúng/sai, đa lựa chọn, ghép nối, điền khuyết... Không chỉ vậy, bài tập còn được phân loại theo nhiều cách khác nhằm phục vụ quá trình dạy học của GV.

Trong dạy học, bài tập được chia thành nhiều dạng vận động với các hình thức đa dạng giúp khơi gợi hứng thú của HS trong dạy học. Các hình thức ấy bao gồm:

- Trò chơi học tập: Đây là hình thức học mà chơi, chơi mà học cực kì hiệu quả đối với lứa tuổi HS tiểu học, góp phần quan trọng trong việc giúp các em giải quyết các bài tập và ghi nhớ kiến thức tốt hơn. Với trò chơi học tập, cách thức thực hiện có thể là sử dụng các trò chơi như Rung chuông vàng, Tiếp sức, Ô chữ bí mật hoặc các ứng dụng công nghệ như Plickers, Kahoot, Quizizz. Những trò chơi này giúp giảm áp lực học tập, tăng tính tương tác và tinh thần đồng đội. Ví dụ, trong bài tập Luyện từ và câu, bạn có thể tổ chức trò chơi Tiếp sức để các đội thi nhau tìm từ chỉ sự vật/hoạt động theo chủ đề.

- Vấn đáp (hỏi đáp): Hình thức này giúp GV kiểm tra nhanh kiến thức và rèn luyện tư duy phản biện cho HS. Có hai loại vấn đáp là vấn đáp gợi mở và vấn đáp củng cố nhằm dẫn dắt HS tự tìm ra kiến thức mới và kiểm tra mức độ ghi nhớ bài học. Hình thức này giúp rèn luyện kỹ năng nói, sự tự tin và khả

năng phản xạ ngôn ngữ.

Ví dụ như trước giờ học, GV đặt ra các câu hỏi về kiến thức đã học để kiểm tra bài cũ của HS. Các câu hỏi có thể nằm trong phạm vi bài học hoặc kiến thức mở rộng của bài học đó.

- Trắc nghiệm khách quan: Trắc nghiệm giúp HS làm quen với việc lựa chọn và loại trừ, đồng thời giúp GV chấm chữa bài nhanh chóng. Các loại trắc nghiệm phổ biến như trắc nghiệm đa lựa chọn, trắc nghiệm đúng sai, nối các ý ở hai cột cho phù hợp hay điền khuyết (điền vào chỗ trống). Với dạng bài tập này, HS sẽ được rèn luyện tính chính xác, khả năng phân tích và tổng hợp thông tin trong thời gian ngắn.

Ví dụ, để củng cố kiến thức trong hoạt động củng cố, GV có thể đưa ra các câu hỏi có nhiều đáp án khác nhau, yêu cầu HS lựa chọn đáp án chính xác nhất hoặc khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng.

- Giải câu đố: câu đố là hình thức bài tập mang tính trí tuệ và giàu hình ảnh, rất phù hợp trong dạy học và là cách kích thích tư duy, phản xạ của HS. Nội dung các câu đố đa dạng, phù hợp với các mạch kiến thức. Các câu đố có thể là đố về sự vật, đồ dùng, thời gian, địa điểm... mà HS có thể tận dụng tối đa vốn từ và vốn hiểu biết của mình để tìm ra câu trả lời. Thông qua câu trả lời của các bạn, các em cũng ghi nhớ được các loại từ tốt hơn.

Ví dụ, ngoài các câu hỏi được thiết kế sẵn trong SGK, GV có thể sưu tầm, thiết kế thêm các câu đố liên quan đến bài học và gọi HS trả lời trong giới hạn thời gian cho phép.

- Sơ đồ tư duy: Bài tập sơ đồ tư duy là một dạng tóm tắt nội dung, kiến thức bài học theo dạng ý bằng các nhánh chính và nhánh phụ. Đây là dạng phổ biến nhất để giúp HS ghi nhớ kiến thức sau mỗi bài học (đặc biệt là môn Tiếng Việt). Ở dạng bài tập này, HS triển khai bằng các từ khóa, hình ảnh, thay vì viết cả câu dài, người ta chỉ dùng các từ quan trọng kết hợp với màu sắc, biểu tượng để kích thích trí nhớ. Qua đó, HS vừa rèn luyện khả năng ghi nhớ, khả năng tư duy phân tích, tổng hợp và khái quát vừa phát triển tư duy sáng tạo, thỏa mãn niềm đam mê và trí tưởng tượng của các em. Đồng thời, cũng giúp GV đánh giá hiệu quả học tập và giảng dạy một cách cụ thể, khách quan hơn.

Ví dụ, sau khi học xong một bài học, GV đưa ra nhiệm vụ: “Liệt kê các từ chỉ đặc điểm, tính chất bằng sơ đồ tư duy”. Sau đó, GV giới hạn thời gian hoàn thành nhiệm vụ. Hết thời gian, GV có thể trưng bày sản phẩm bằng cách

chụp bài, trình chiếu hoặc chia sẻ trước lớp.

- Ghép (nối): Ghép nối từ (hay còn gọi là bài tập nối cột) là một dạng bài cực kỳ phổ biến và hiệu quả ở bậc Tiểu học. Đây là dạng bài yêu cầu HS thiết lập mối quan hệ tương ứng giữa hai nhóm đối tượng (thường được chia thành hai cột A và B) dựa trên một quy luật ngữ nghĩa hoặc ngữ pháp nhất định. Các kiểu ghép nối phổ biến như ghép từ với nghĩa tương ứng, ghép các từ ngữ để tạo thành câu hoàn chỉnh... Trong dạy học, dạng bài này được đánh giá là vô cùng quan trọng, bởi đóng vai trò rèn luyện khả năng nhận diện, mở rộng vốn từ và có tính tương tác cao. Thay vì bắt HS tự nghĩ, việc đưa ra sẵn các phương án giúp các bạn dễ dàng tiếp cận và ghi nhớ từ mới hơn, các hoạt động ghép (nối) giống như một trò chơi tìm kiếm giúp cho việc học đạt hiệu quả hơn.

Ví dụ, trong tiết học, GV đưa ra một số từ ngữ cụ thể, yêu cầu HS quan sát, suy nghĩ và ghép các từ đã cho thành các câu thích hợp. GV cũng có thể lưu ý mỗi HS đặt được tối thiểu, tối đa là số câu nhất định.

- Nhìn tranh, nói theo tranh: Dạng bài tập Nhìn tranh, nói theo tranh là một trong những hoạt động/dạng bài tập quan trọng nhất để phát triển năng lực ngôn ngữ và sự tự tin cho các bạn nhỏ. Ở dạng bài này, HS có thể nhìn tranh nêu các nhân vật, sự vật, đồ vật, hoạt động hay nhìn tranh kể lại câu chuyện với các bức tranh đa dạng, sinh động khác nhau. Ngoài ra, dạng bài không chỉ dừng lại ở việc các bạn thấy gì nói nấy, mà còn giúp rèn luyện khả năng quan sát, suy luận và sắp xếp ý tưởng logic. Các em sẽ hình thành thói quen nói có trật tự, sắp xếp ý cần diễn đạt trước khi nói. Đây cũng được xem như là một cách vận dụng để HS vận dụng vốn hiểu biết của mình. Từ đó, giúp GV đánh giá một cách khách quan hơn khả năng và sự tiến bộ của HS qua từng giờ học và hiệu quả giảng dạy.

Ví dụ khi dạy học Luyện từ và câu, GV đưa ra một số bức tranh cụ thể, yêu cầu HS nhìn tranh nêu các đồ vật, hoạt động có trong tranh. Hoặc cũng có thể nâng cao hơn bằng cách đưa ra một loạt hình ảnh có liên quan đến nhau, yêu cầu HS liên kết nội dung các bức tranh và kể lại câu chuyện mà em hiểu qua các bức tranh đó.

- Phân loại (phân nhóm): Trong dạy học, đặc biệt là ở bậc Tiểu học, dạng bài tập phân loại, phân nhóm chính là chìa khóa để giúp HS chuyển từ việc ghi nhớ rời rạc sang việc hệ thống hóa kiến thức một cách logic. Các kiểu bài phân nhóm như xếp các từ vào nhóm thích hợp, tìm điểm khác biệt trong

cùng một nhóm, hay đặt tên cho các nhóm đã được phân loại... Việc hoàn thành các bài tập này sẽ giúp HS khắc sâu ghi nhớ về kiến thức đã học, kích thích khả năng tư duy logic, phân tích, tổng hợp và vận dụng kiến thức của mình. Nhờ đó, GV có thể kiểm tra, đánh giá quá trình học tập, nắm vững kiến thức của HS và giúp tiết dạy đạt hiệu quả.

Ví dụ khi dạy học Luyện từ và câu, GV đưa ra một loạt từ ngữ về cá từ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động, và yêu cầu HS phân loại và sắp xếp các từ sau vào nhóm thích hợp: Từ chỉ sự vật, từ chỉ đặc điểm, từ chỉ hoạt động...

- Đặt câu: Dạng bài tập đặt câu là hoạt động, dạng bài tập mà HS phải tự mình lựa chọn, sắp xếp các từ ngữ (cho sẵn hoặc không) sao cho có đầy đủ hai thành phần chính là chủ ngữ và vị ngữ. Mục tiêu của dạng bài này không chỉ để kiểm tra các em có hiểu nghĩa của từ không mà còn rèn luyện tư duy logic, để các em suy luận, tìm cách để kết nối các từ lại với nhau để diễn đạt được một ý trọn vẹn, giúp người khác hiểu được điều các em muốn nói. Thông qua đó, tạo điều kiện cho GV đánh giá trực tiếp và gián tiếp khả năng vận dụng của các em sau mỗi bài học. Từ đó điều chỉnh PP và hình thức dạy học để HS tiếp thu và áp dụng linh hoạt không chỉ trong việc hoàn thành bài tập mà còn sử dụng trong giao tiếp và thực tế.

Ví dụ, ở dạng bài mở rộng, từ một câu gốc ngắn gọn là “Mưa rơi.”, GV gợi ý để HS thêm vào các chi tiết về thời gian, nơi chốn và âm thanh. Kết quả là các em có thể viết được câu sinh động hơn như: “Ngoài hiên, những hạt mưa rào đang rơi lộp độp trên mái tôn”.

- Tích hợp: Đây là dạng bài tập kết hợp giữa từ và câu. Mục tiêu của bài tập này là để HS vừa hiểu được và hiểu đúng nghĩa của từ trong ngữ cảnh cụ thể, phù hợp. Trên cơ sở đó vận dụng để đặt thành các câu hoàn chỉnh theo yêu cầu. Thông qua đó, HS không chỉ trau dồi vốn từ của mình mà còn sử dụng thành thạo câu trong các tình huống cụ thể và giao tiếp. Nhờ đó, GV đánh giá khả năng tiếp thu và vận dụng kiến thức của HS.

Ví dụ, khi mở rộng cho HS vốn từ về tình cảm gia đình, GV yêu cầu HS kể tên các từ ngữ thể hiện tình cảm của các thành viên trong gia đình với nhau. Sau đó, GV giao nhiệm vụ cho HS đặt câu có sử dụng các từ ngữ đó.

Ngoài ra còn rất nhiều các dạng bài khác được phân loại, sắp xếp và được áp dụng phổ biến trong dạy học. Những dạng bài tập này góp phần mang lại hiệu quả cao trong các tiết dạy, khơi dậy hứng thú, niềm đam mê học tập của HS cũng như giúp GV đa dạng các hình thức bài tập, vận dụng cho

các em khi lên lớp.

Như vậy, dạng bài tập dù được phân loại theo cách nào cũng đều hướng đến sự phát triển của người học, giúp người học làm chủ kiến thức với các mức độ phù hợp với lứa tuổi HS. Dạng bài tập này đóng vai trò quan trọng trong việc giúp GV kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức, hiểu bài. Từ đó có cách sử dụng hoặc thiết kế bài tập phù hợp.

1.1.1.3. Các dạng bài tập trong dạy học Luyện từ và câu

Trong dạy học Luyện từ và câu, các dạng bài tập đa dạng và được sử dụng dưới nhiều hình thức giúp HS nắm vững các đơn vị ngôn ngữ và sử dụng chúng một cách linh hoạt. Các dạng bài tập trong dạy Luyện từ và câu rất đa dạng như đã được thiết kế trong SGK và VBT Tiếng Việt, đó bao gồm các dạng bài tập liên quan đến tìm từ ngữ gắn với các sự vật, hoạt động (có thể là được cho trước trong các văn bản hoặc tìm ngẫu nhiên) và các dạng nhìn tranh tìm từ ngữ, gọi tên các sự vật, đặt câu. Đối với các kiểu câu có các dạng bài như tạo câu bằng cách ghép các từ cho trước hay đặt câu theo yêu cầu. Dạng bài về câu rất đa dạng và linh hoạt trong việc biến đổi thành việc giới thiệu dưới dạng câu kể về những việc đã làm, đã trải qua. Bên cạnh đó còn có các dạng bài tập về dấu, dạng bài tập về dấu gói gọn trong các kiểu bài đặt dấu thích hợp, sửa dấu cho đúng hay thêm dấu cho phù hợp với sắc thái của câu, ngoài ra còn đặt câu với dấu theo yêu cầu, nêu tác dụng của dấu câu. Những dạng bài tập này không phải chỉ là những câu hỏi lí thuyết khô khan mà được thiết kế với nhiều hình thức như ghép (nối), thực hiện nhiệm vụ, phân loại, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan và trò chơi học tập.

Nội dung các dạng bài tập được xây dựng không được quá xa rời thực tế hay tách biệt với các bài tập và mạch kiến thức được thiết kế trong SGK nói riêng và CT GDPT 2018 nói chung. Các bài tập bổ trợ không chỉ củng cố kĩ năng mà còn phải giúp HS ghi nhớ kiến thức đã học, biết vận dụng vào thực tiễn. Vì vậy các bài tập bổ trợ được xây dựng phải bám sát mạch kiến thức nhằm đảm bảo tính hệ thống và logic tư duy, tối ưu hóa khả năng ghi nhớ và kết nối cũng như thuận tiện cho việc đánh giá và điều chỉnh. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, chúng tôi chọn nghiên cứu về việc xây dựng bài tập bổ trợ theo mạch kiến thức.

Các dạng bài tập theo mạch kiến thức, cụ thể:

a. Nhóm bài tập về từ

Các bài tập về từ vựng thường bắt đầu từ mức độ cơ bản nhất là nhận

diện và phân loại, giúp HS biết cách tìm kiếm các từ ngữ theo chủ điểm, đồng thời phân biệt được đặc điểm cấu tạo và chức năng của từ. Trong đó, nhóm bài tập làm giàu vốn từ giữ vai trò quan trọng thông qua các hoạt động dạy nghĩa từ, giúp HS hiểu rõ nội dung và sắc thái biểu cảm của từ ngữ bằng cách giải nghĩa qua tranh ảnh, ngữ cảnh hoặc các tình huống giao tiếp quen thuộc.

Bên cạnh đó, các bài tập hệ thống hóa vốn từ (mở rộng vốn từ) giúp HS biết liên kết các từ ngữ theo chủ điểm hoặc nhóm nghĩa như từ cùng nghĩa, gần nghĩa hay các từ có chung yếu tố cấu tạo. Qua đó, vốn từ của HS ngày càng phong phú và có tính hệ thống hơn. Đồng thời, các bài tập tích cực hóa vốn từ (dạy sử dụng từ) còn giúp HS biết vận dụng từ ngữ vào đặt câu, nói hoặc viết trong những tình huống giao tiếp cụ thể, từ đó nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt một cách linh hoạt và tự nhiên.

Ngoài ra, nhóm bài tập về từ còn hướng đến việc giúp HS nhận biết các lớp từ vựng quen thuộc như từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa hoặc các từ có nghĩa giống nhau, gần giống nhau. Các dạng bài tập này giúp HS hiểu được sự phong phú và tinh tế của tiếng Việt, đồng thời biết lựa chọn từ ngữ phù hợp với mục đích diễn đạt.

Trong chương trình Tiếng Việt lớp 2, 3, HS còn được làm quen với các nhóm từ loại cơ bản như từ chỉ sự vật, từ chỉ đặc điểm, tính chất và từ chỉ hoạt động, trạng thái. Vì vậy, các bài tập nhận diện, phân loại và sử dụng từ theo từng nhóm từ loại sẽ giúp HS hiểu rõ chức năng của từ trong câu, góp phần hình thành nền tảng ban đầu về ngữ pháp và phát triển tư duy ngôn ngữ cho HS tiểu học.

b. Nhóm bài tập về câu

Nhóm bài tập về ngữ pháp tập trung chủ yếu vào việc giúp HS làm chủ cấu trúc câu và vận dụng linh hoạt trong giao tiếp hằng ngày. Trước hết, dạng bài xác định thành phần câu rèn luyện cho người học khả năng phân tích, nhận diện các mẫu câu đã học như câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm để nắm vững cấu trúc của một câu văn đúng chuẩn. Bên cạnh đó, thông qua các bài tập phân loại câu, HS sử dụng câu với mục đích nói như câu kể, câu hỏi, câu khiến và câu cảm để sử dụng đúng ngữ cảnh. Cuối cùng, mức độ cao hơn là dạng bài biến đổi câu, yêu cầu HS thực hành chuyển đổi linh hoạt giữa các kiểu câu hoặc mở rộng câu bằng cách thêm các thành phần phụ, từ đó giúp cách diễn đạt trở nên sinh động, phong phú và chính xác hơn về mặt ý nghĩa.

c. Nhóm bài tập về dấu câu

Nhóm bài tập về dấu câu đóng vai trò quan trọng trong việc giúp HS rèn luyện kỹ năng viết câu vừa đúng quy tắc, vừa có tính thẩm mỹ và sinh động. Cụ thể, thông qua việc sử dụng dấu câu, HS được thực hành điền các dấu phù hợp như dấu phẩy, dấu chấm, hay dấu chấm hỏi... vào đoạn văn, đồng thời học cách phát hiện và chỉnh sửa các lỗi dùng dấu sai để đảm bảo câu văn mạch lạc, rõ nghĩa. Việc nắm vững các biện pháp này không chỉ giúp các em hiểu sâu hơn vẻ đẹp của ngôn ngữ mà còn biết cách vận dụng để làm cho câu văn, đoạn văn trở nên hình ảnh và giàu cảm xúc hơn.

Tóm lại, bài tập trong dạy học Luyện từ và câu cho HS lớp 2, 3 không chỉ để kiểm tra kiến thức mà còn là cầu nối quan trọng giúp các em biến lí thuyết ngôn ngữ thành kĩ năng giao tiếp thực tế. Việc phân chia bài tập theo ba nhóm mạch kiến thức: từ, câu và dấu câu đã tạo nên một sơ đồ kiến thức toàn diện, giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ theo lộ trình từ nhận diện, thông hiểu đến vận dụng sáng tạo.

Sự tương thích giữa các dạng bài tập trực quan (như phân loại, ghép nối) với mạch kiến thức về từ; giữa các mô hình hóa cấu trúc với mạch kiến thức về câu; và giữa kỹ năng phát hiện lỗi sai với mạch kiến thức về dấu câu chính là định hướng để nâng cao tư duy logic cho HS tiểu học. Đây cũng chính là cơ sở khoa học và thực tiễn để chúng tôi triển khai xây dựng các bài tập bổ trợ trong đề tài này, nhằm đảm bảo tính hệ thống, tính sư phạm và tính ứng dụng cao, giúp các em không chỉ nắm vững quy tắc Tiếng Việt mà còn biết yêu và sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, giàu hình ảnh.

1.1.1.4. Đặc điểm của bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu

Bài tập trong SGK, VBT Tiếng Việt và bài tập bổ trợ không chỉ khác nhau về khái niệm mà đặc điểm cũng khác nhau. Trong khi bài tập trong SGK và VBT mang tính đại trà, phổ biến thì bài tập bổ trợ lại mang tính phân hóa, mở rộng hoặc củng cố riêng cho từng đối tượng/địa phương. Điều này góp phần làm rõ tính bổ trợ trong việc sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu cũng như tầm quan trọng của việc sử dụng bài tập bổ trợ.

a. Tính bổ trợ trong mối quan hệ với Sách giáo khoa

Tính bổ trợ của các bài tập trước hết được thể hiện ở vai trò đồng hành và mở rộng so với SGK. Trong CT GDPT 2018, SGK được thiết kế mang tính đại diện, là khung kiến thức chuẩn cho mọi vùng miền, do đó thời lượng và số lượng bài tập thường dừng lại ở mức độ nhận diện cơ bản. Bài tập bổ trợ xuất

hiện nhằm lấp đầy khoảng trống này bằng cách cung cấp thêm các dạng bài thực hành chuyên sâu, giúp HS có thêm cơ hội rèn luyện những đơn vị kiến thức khó như biện pháp tu từ, mở rộng vốn từ theo chủ đề hoặc các kiểu câu phức tạp mà SGK chưa thể khai thác hết do giới hạn về trang giấy.

b. Tính bổ trợ trong việc phân hóa đối tượng học sinh

Có hai ý nghĩa quan trọng mà tính bổ trợ trong việc phân hóa đối tượng HS đã nhấn mạnh nhằm làm rõ đặc điểm của bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu. Thứ nhất chính là phân hóa đối tượng người học để đánh giá đúng năng lực. Các bài tập đưa ra nhằm đảm bảo tất cả HS đều thực hiện được, phù hợp với mọi đối tượng HS. Đối với HS khá - giỏi, GV có thể thiết kế thêm một số bài tập nâng cao. Tuy nhiên, việc xây dựng bài tập bổ trợ để HS hiểu rõ hơn bài học và vận dụng, không phải chỉ để nâng cao cho một đối tượng riêng biệt. Thứ hai chính là tối đa hóa năng lực của HS. Thông qua việc phân hóa, HS không chỉ phát huy khả năng của mình để hoàn thành bài tập chung mà còn cố gắng thực hiện các bài tập phân hóa.

Một trong những đặc điểm cốt lõi của tính bổ trợ chính là khả năng phân hóa. Trong một lớp học, trình độ nhận thức của HS thường không đồng đều. Nếu bài tập SGK dành cho đối tượng đại trà, thì bài tập bổ trợ đóng vai trò là công cụ để GV điều chỉnh mức độ yêu cầu: cung cấp các bài tập gợi mở, củng cố cho HS trung bình - yếu, đồng thời đưa ra các thử thách mang tính sáng tạo, vận dụng cao cho HS khá - giỏi. Như vậy, tính bổ trợ ở đây chính là sự bù đắp về mặt sự phạm để đảm bảo mọi HS đều đạt được chuẩn đầu ra của CT tùy theo năng lực cá nhân.

c. Tính bổ trợ gắn liền với địa phương và thực tế

Bên cạnh đó, tính bổ trợ còn nằm ở khả năng cập nhật ngữ liệu và gắn kết với thực tiễn địa phương. Trong khi ngữ liệu SGK mang tính ổn định lâu dài, bài tập bổ trợ cho phép GV lồng ghép các từ ngữ, hình ảnh về danh lam thắng cảnh, đặc sản hay các câu chuyện thực tế tại Ninh Bình vào dạy học Luyện từ và câu. Việc đưa những yếu tố gần gũi vào bài tập không chỉ giúp HS lớp 2, 3 dễ dàng tiếp nhận kiến thức mà còn tăng cường sự hứng thú, giúp các em thấy được Tiếng Việt không chỉ nằm trong sách mà hiện hữu ngay trong cuộc sống hằng ngày.

d. Tính bổ trợ về hình thức và phương pháp tiếp cận

Cuối cùng, tính bổ trợ được thể hiện qua sự đa dạng hóa hình thức trình bày. Nếu bài tập SGK thường là các lệnh bài đơn giản, thì bài tập bổ

trợ có thể được thiết kế dưới dạng phiếu học tập có hình ảnh minh họa sinh động, sơ đồ tư duy, trò chơi ô chữ hoặc các nhiệm vụ đóng vai... Sự phong phú này giúp thay đổi trạng thái học tập của HS, chuyển từ việc giải quyết bài tập bắt buộc sang việc trải nghiệm ngôn ngữ một cách tự nhiên. Đây chính là yếu tố bổ trợ về mặt PP, giúp hiện thực hóa định hướng phát triển năng lực mà CT mới đề ra.

1.1.1.5. Vai trò và ý nghĩa của bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu lớp 2, 3

a. Đối với học sinh

Việc xây dựng và sử dụng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu cho HS lớp 2 và lớp 3 mang lại những ý nghĩa thiết thực và đa diện. Trước hết, các bài tập này đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố và khắc sâu kiến thức cho người học. Trong bối cảnh thời lượng trên lớp và số lượng bài tập trong SGK đôi khi chưa cho phép khai thác sâu các đơn vị kiến thức, bài tập bổ trợ chính là cơ hội để HS thực hành nhuần nhuyễn hơn về từ vựng (từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm) cũng như các cấu trúc ngữ pháp và biện pháp tu từ trọng tâm. Tuy nhiên, thời gian trên lớp một số tiết còn chưa đủ để dạy hết các bài tập trong SGK, GV cần dựa vào đặc điểm tình hình của lớp học để xây dựng và thiết kế bài tập bổ trợ cũng như sử dụng, lồng ghép linh hoạt trong giờ học. Đó có thể là sử dụng trong hoạt động với mục đích kiểm tra bài cũ, có thể là sử dụng trong hoạt động luyện tập xen kẽ các bài tập trong SGK, cũng có thể là sử dụng trong hoạt động vận dụng để HS ghi nhớ kiến thức. Điều này là vô cùng cần thiết khi đặt trong bối cảnh hiện nay: giảm thời lượng học và đặc biệt không giao bài tập về nhà, bài tập bổ trợ sẽ trở thành công cụ hữu hiệu nếu được xây dựng và sử dụng đúng cách.

Bên cạnh việc củng cố kiến thức, loại hình bài tập này còn là công cụ hữu hiệu để phát triển năng lực ngôn ngữ và tư duy cho HS. Thông qua các hình thức thiết kế đa dạng như giải ô chữ, xây dựng sơ đồ tư duy hay các trò chơi tìm từ nhanh, HS không chỉ được mở rộng vốn từ một cách tự nhiên mà còn hình thành khả năng liên tưởng, so sánh và vận dụng từ ngữ linh hoạt vào các ngữ cảnh giao tiếp thực tế. Song song với đó, bài tập bổ trợ còn góp phần tạo hứng thú và động lực học tập mạnh mẽ. Thay vì những yêu cầu mang tính hàn lâm khô khan, việc lồng ghép hình ảnh sinh động và các tình huống thực tiễn giúp các tiết học Luyện từ và câu trở nên gần gũi, từ đó khơi dậy niềm đam mê học tập môn Tiếng Việt ở các em.

Cuối cùng, một ý nghĩa không thể phủ nhận của bài tập bổ trợ chính là khả năng cá nhân hóa quá trình học tập. Với tính linh hoạt cao, các bài tập này cho phép GV phân hóa đối tượng dạy học một cách hiệu quả: trong khi HS trung bình có thêm học liệu để nắm chắc kiến thức căn bản, thì HS khá giỏi lại có cơ hội thử thách với các bài tập nâng cao nhằm phát huy tối đa tiềm năng ngôn ngữ của bản thân. Chính sự kết hợp hài hòa giữa các giá trị này đã khẳng định vị thế không thể thiếu của bài tập bổ trợ trong việc nâng cao chất lượng dạy học theo định hướng phát triển năng lực hiện nay.

b. Đối với giáo viên

Trong quá trình dạy học Luyện từ và câu, các bài tập bổ trợ đóng vai trò quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học.

Trước hết, đây chính là công cụ hữu hiệu để phân hóa đối tượng dạy học. Trong một lớp học với nhiều trình độ khác nhau, GV có thể linh hoạt lựa chọn hoặc thiết kế các dạng bài tập phù hợp với từng nhóm năng lực, từ đó đảm bảo mọi HS đều có cơ hội phát triển tối đa khả năng của mình.

Đồng thời, việc xây dựng và ứng dụng bài tập bổ trợ còn tạo động lực mạnh mẽ để GV đổi mới PP dạy học. Thay vì lối truyền thụ kiến thức một chiều theo các bài mẫu có sẵn, GV được thúc đẩy để sáng tạo hơn trong việc thiết kế các hoạt động thực hành, trải nghiệm ngôn ngữ. Điều này giúp các tiết học Luyện từ và câu vốn được coi là khô khan trở thành những giờ học sôi nổi, và giúp HS được chủ động khám phá tri thức.

Cuối cùng, bài tập bổ trợ còn hỗ trợ GV trong việc kiểm tra và đánh giá chính xác năng lực HS. Thông qua kết quả thực hiện các bài tập này, GV có thể dễ dàng nhận diện mức độ hiểu bài cũng như khả năng vận dụng ngôn ngữ thực tế của từng em. Những dữ liệu khách quan đó chính là cơ sở quan trọng để người dạy đưa ra những điều chỉnh kịp thời, phù hợp trong kế hoạch giảng dạy, từ đó tối ưu hóa hiệu quả giáo dục cho môn Tiếng Việt lớp 2 và lớp 3.

c. Đối với quá trình dạy học Tiếng Việt

Trên phương diện hệ thống giáo dục, việc xây dựng bài tập bổ trợ còn mang ý nghĩa quan trọng việc góp phần thực hiện mục tiêu của CT GDPT 2018. Thông qua việc lựa chọn ngữ liệu phù hợp, các bài tập này giúp nội dung dạy học trở nên gần gũi hơn với thực tiễn cuộc sống và đặc điểm văn hóa, xã hội của từng địa phương, từ đó giúp HS thấy được sự gắn kết giữa kiến thức nhà trường và thế giới xung quanh.

Đồng thời, sự xuất hiện của các bài tập này còn góp phần hoàn thiện bộ

học liệu trong nhà trường tiểu học. Trong bối cảnh triển khai CT mới, bài tập bổ trợ trở thành nguồn tư liệu phong phú và linh hoạt, hỗ trợ đắc lực cho SGK. Nó không chỉ lấp đầy những khoảng trống về thời lượng thực hành mà còn giúp nâng cao chất lượng dạy và học môn Tiếng Việt 2, 3 một cách toàn diện. Có thể khẳng định rằng, bài tập bổ trợ chính là một phần không thể tách rời trong tiến trình đổi mới giáo dục, hướng tới mục tiêu phát triển tối đa năng lực ngôn ngữ cho HS.

1.1.2. Nội dung dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt lớp 2, 3

1.1.2.1 Nội dung dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt lớp 2, 3

Nội dung dạy học Luyện từ và câu trong môn Tiếng Việt lớp 2, 3 được xây dựng theo hướng phát triển dần từ nhận diện, hiểu kiến thức đến vận dụng trong giao tiếp và học tập. Các mạch kiến thức được sắp xếp phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS ở từng lớp, góp phần hình thành và phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt. Bảng 1.1 dưới đây thể hiện cụ thể nội dung dạy học Luyện từ và câu ở lớp 2 và lớp 3 theo từng mạch kiến thức theo căn cứ CT GDPT 2018 [1] và mạch kiến thức được triển khai trong SGK Tiếng Việt 2, 3 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống).

Bảng 1.1. Nội dung dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt lớp 2, 3

MẠCH KIẾN THỨC	LỚP 2 <i>(Mức độ cơ bản/Nhận diện)</i>	LỚP 3 <i>(Mức độ mở rộng/Vận dụng)</i>
Mở rộng vốn từ và cấu tạo từ	- Vốn từ theo chủ điểm. - Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất.	- Vốn từ theo chủ điểm. - Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau. - Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất. - Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng.
Kiểu câu (ngữ pháp)	- Câu giới thiệu. - Câu nêu hoạt động. - Câu nêu đặc điểm.	- Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu.
Dấu câu	- Công dụng của dấu chấm, dấu	- Công dụng của dấu gạch

	chấm hỏi, dấu chấm than: đánh dấu kết thúc câu; dấu phẩy: tách các bộ phận đồng chức trong câu.	ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê).
Biện pháp tu từ		- Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng.

1.1.2.2. Đặc điểm nội dung theo khối lớp

Trong CT GDPT 2018 môn Tiếng Việt cấp Tiểu học, mạch kiến thức Luyện từ và câu ở mỗi khối lớp được xây dựng theo mô hình đồng tâm đồng thời có sự phát triển tịnh tiến, phù hợp với đặc điểm nhận thức và tâm sinh lí của HS ở từng giai đoạn. Vì vậy, việc làm rõ đặc điểm nội dung của từng khối lớp là cơ sở để xây dựng bài tập bổ trợ vừa sức, khoa học và phát huy tối đa hiệu quả dạy học.

Đối với lớp 2: Nội dung Luyện từ và câu ở khối lớp này chủ yếu xoay quanh việc giúp HS bước đầu gọi tên thế giới xung quanh. Ở lứa tuổi này, tư duy của các em vẫn mang đậm tính trực quan cụ thể, do đó, bài tập bổ trợ thường dừng lại ở mức độ nhận diện, phân loại từ ngữ và đặt các kiểu câu đơn giản (như câu giới thiệu, câu tả hoạt động, câu tả đặc điểm) để diễn đạt ý muốn, nhu cầu hay cảm xúc cơ bản của bản thân. Ngữ liệu được lựa chọn để thiết kế bài tập cần đảm bảo tính gần gũi, gắn liền với không gian sinh hoạt hằng ngày của HS như gia đình, trường lớp, bạn bè và thế giới tự nhiên quen thuộc. Mục tiêu cốt lõi của nội dung ở giai đoạn này là giúp học sinh làm giàu vốn từ biểu thị các sự vật, hoạt động, đặc điểm, đồng thời hình thành phản xạ ngôn ngữ tự nhiên, chuẩn xác trong giao tiếp hằng ngày.

Đối với lớp 3: Bước sang lớp 3, nội dung kiến thức có sự chuyển biến rõ rệt về chất, yêu cầu HS không chỉ dừng lại ở mức độ nhận biết mà bắt đầu có sự chau chuốt, định hình tính thẩm mỹ trong việc đặt câu và sử dụng câu. Điểm nhấn đặc trưng trong chương trình Luyện từ và câu lớp 3 là việc đưa vào các biện pháp nghệ thuật tu từ, cụ thể là biện pháp so sánh. Lúc này, HS không chỉ học từ ngữ để hiểu nghĩa bề mặt mà còn phải học cách dùng từ sao cho hay, sinh động và có sức gợi tả thông qua các mối quan hệ so sánh đối chiếu hay làm sinh động các vật vô tri. Nội dung này đóng vai trò là một bước đệm, một chiếc cầu nối vô cùng quan trọng, giúp học sinh tích lũy công cụ ngôn ngữ để viết các đoạn văn, bài văn miêu tả giàu hình ảnh và cảm xúc hơn ở

các khối lớp tiếp theo (như lớp 4, 5).

Sự khác biệt mang tính kế thừa giữa hai khối lớp đặt ra yêu cầu cho người giáo viên: khi xây dựng bài tập bổ trợ cho lớp 2, cần ưu tiên các dạng bài mang tính chất nhận diện, tái hiện trực quan (như nối từ, tìm từ theo chủ đề quen thuộc) ; còn đối với lớp 3, hệ thống bài tập cần tăng cường tính phân tích, sáng tạo và vận dụng cao thông qua việc lựa chọn các ngữ cảnh.

1.1.3. Đặc điểm của học sinh lớp 2, 3 chi phối việc xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt

1.1.3.1. Đặc điểm của học sinh lớp 2, 3

Giai đoạn lớp 2 và lớp 3 (từ 7 đến 9 tuổi) được coi là giai đoạn then chốt, mang tính quyết định của bậc Tiểu học, đánh dấu sự chuyển mình quan trọng từ nét hồn nhiên, cảm tính sang sự hình thành tư duy logic và ý thức cá nhân rõ rệt. Việc nắm vững các đặc điểm tâm sinh lý ở giai đoạn này là cơ sở khoa học để thiết kế các bài tập bổ trợ Luyện từ và câu vừa sức, hấp dẫn.

Đối với lớp 2, 3, HS có một số đặc điểm cụ thể như sau:

a. Về đời sống cảm xúc và tình cảm

Ở lứa tuổi này, thế giới tình cảm của các em rất phong phú và nhạy cảm. các em không còn chỉ biết đến bản thân mà đã bắt đầu biết quan tâm, chia sẻ và thấu hiểu cho mọi người xung quanh. Tuy nhiên, vì các em còn nhỏ nên cảm xúc thường đến nhanh, đi nhanh và rất dễ bị ảnh hưởng bởi thái độ của thầy cô, cha mẹ. Một lời động viên đúng lúc sẽ giúp các em hào hứng học tập, nhưng ngược lại, những lời chê trách quá lời có thể làm các em buồn bã và tự ti. Chính vì vậy, khi biên soạn các bài tập Tiếng Việt, chúng ta nên lồng ghép những lời khen ngợi, khuyến khích để tạo không khí vui vẻ, giúp các em cảm thấy việc học thật nhẹ nhàng và gần gũi.

b. Về cách nhìn nhận và trí nhớ

Khả năng quan sát của HS lớp 2 và lớp 3 đã tiến bộ rõ rệt; các em nhìn nhận màu sắc, hình dáng hay kích thước của mọi vật xung quanh một cách chính xác hơn. Thay vì chỉ học thuộc lòng, các em đã bắt đầu biết cách ghi nhớ có chọn lọc và hiểu rõ vấn đề mình đang học. Đặc biệt, so với lớp 2 thì HS lớp 3 đã có thể ngồi tập trung nghe giảng lâu hơn. Ở lứa tuổi này, các em vẫn rất ham thích những gì mới lạ, giàu hình ảnh và thích tưởng tượng mình là các nhân vật trong truyện. Tận dụng đặc điểm này, GV có thể biến các bài tập Luyện từ và câu thành những trò chơi học tập hoặc sử dụng hình ảnh sinh động để các em ghi nhớ kiến thức tự nhiên mà không cảm thấy gò bó trong

việc học.

c. Về cách suy nghĩ và cách dùng từ

Về mặt tư duy, các em đang trong giai đoạn chuyển mình quan trọng: từ chỗ chỉ hiểu những gì nhìn thấy trước mắt sang việc biết suy luận và hiểu các vấn đề trừu tượng hơn, như cách sắp xếp thời gian hay vì sao sự việc này lại dẫn đến kết quả kia. Cùng với đó, khả năng ngôn ngữ của các em cũng phát triển mạnh mẽ, các em biết cách dùng từ ngữ để diễn đạt ý muốn của mình một cách rõ ràng, trôi chảy hơn. Nếu lớp 2 các em mới chỉ học những từ ngữ đơn giản về người và vật, thì lên lớp 3, các em đã có thể làm quen với những kiểu câu phức tạp và cách dùng từ tinh tế hơn. Đây là thời điểm vàng để GV đưa ra các bài tập gợi mở, giúp các em rèn luyện cách suy nghĩ logic và làm giàu thêm vốn từ vựng của mình.

Tóm lại, HS lớp 2 và lớp 3 đang ở giai đoạn chuyển mình quan trọng, giao thoa giữa nét hồn nhiên, cảm tính với sự hình thành tư duy logic và ý thức cá nhân. việc nắm vững những đặc điểm tâm sinh lý phức tạp này không chỉ giúp GV lựa chọn được PP giáo dục phù hợp mà còn là cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng bài tập bổ trợ Luyện từ và câu vừa sức, hấp dẫn và sát thực tế. Đây chính là nền tảng vững chắc để thúc đẩy sự phát triển toàn diện về trí tuệ, đồng thời giúp các em phát triển năng lực ngôn ngữ một cách tự nhiên và bền vững nhất ngay từ những năm đầu cấp.

1.1.3.2. Đặc điểm của học sinh lớp 2, 3 chi phối việc xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt

HS lớp 2 và lớp 3 đang ở giai đoạn đầu của bậc tiểu học, với những đặc điểm tâm lý đặc trưng về cảm xúc, nhận thức, tư duy và hành vi. Những đặc điểm này có ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn nội dung, hình thức và mức độ của các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu môn Tiếng Việt. Việc xây dựng bài tập phù hợp với đặc điểm tâm lý của HS không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức mà còn góp phần hình thành và PTNL ngôn ngữ cho các em.

Đặc biệt với CT GDPT 2018 hiện nay, đặc điểm của HS lớp 2, 3 chi phối rất nhiều đến việc xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu môn Tiếng Việt.

CT GDPT 2018 xác định mục tiêu GDTH là hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi, trong đó năng lực ngôn ngữ giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Luyện từ và câu trong môn Tiếng Việt không

chỉ cung cấp tri thức ngôn ngữ mà còn góp phần PTNL sử dụng Tiếng Việt cho HS trong học tập và giao tiếp. Vì vậy, việc xây dựng các bài tập bổ trợ trong Luyện từ và câu cần xuất phát từ đặc điểm tâm lý của HS lớp 2, 3, đồng thời đáp ứng yêu cầu PTNL theo định hướng của CT GDPT 2018.

a. Đặc điểm tâm, sinh lý của học sinh lớp 2, 3 chi phối việc xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt

Thứ nhất, trí tưởng tượng và tư duy trực quan chi phối hình thức thể hiện của bài tập. Vì HS lớp 2, 3 vẫn còn mang đậm dấu ấn của tư duy hình ảnh và rất ham thích những điều mới lạ, nên các bài tập bổ trợ không nên chỉ tồn tại dưới dạng những dòng chữ khô khan. Thay vào đó, GV cần thêm các hình ảnh vào nội dung kiến thức. Chẳng hạn, khi xây dựng bài tập về mở rộng vốn từ, thay vì yêu cầu liệt kê đơn thuần, có thể thiết kế dưới dạng sơ đồ tư duy hình bông hoa, cây xanh hoặc các mảnh ghép tranh ảnh. Việc lồng ghép các yếu tố thẩm mỹ và hình ảnh sinh động này không chỉ giúp các em dễ dàng nhận diện thuộc tính của sự vật mà còn kích thích trí tưởng tượng, giúp việc ghi nhớ từ ngữ trở nên tự nhiên và bền vững hơn.

Thứ hai, nhu cầu khẳng định bản thân và tính cách hiếu động chi phối phương thức tổ chức bài tập. HS giai đoạn này bắt đầu có sự mong muốn được thầy cô, bạn bè công nhận năng lực. Đặc biệt, xu hướng thích cạnh tranh và làm việc nhóm ở lớp 3 trở nên rất rõ rệt. Đặc điểm này đòi hỏi các bài tập bổ trợ Luyện từ và câu cần hạn chế việc cho HS làm việc cá nhân trên giấy mà chuyển sang hình thức đòi hỏi nhiều sự tương tác. Các bài tập nên được thiết kế như những thử thách trong trò chơi (giải đố, tiếp sức, tìm thẻ từ...) hoặc các hoạt động thảo luận nhóm. Khi bài tập được thiết kế như một cuộc thi đấu nhẹ nhàng, các em sẽ nỗ lực hết mình để khẳng định bản thân, từ đó nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng dùng từ, đặt câu mà không cảm thấy áp lực.

Thứ ba, sự nhạy cảm trong cảm xúc chi phối nội dung và cách đánh giá bài tập. Do HS dễ bị tác động bởi thái độ của người lớn và luôn cần sự khích lệ, nội dung các bài tập bổ trợ cần mang tính nhân văn, gần gũi với cuộc sống hàng ngày để tạo sự đồng cảm. Thay vì những câu lệnh cứng nhắc, GV có thể sử dụng những lời dẫn dắt tình cảm, mang tính gợi mở. Quan trọng hơn, bài tập bổ trợ phải đi kèm với quá trình đánh giá tích cực. Thay vì chỉ chấm điểm số, GV nên sử dụng các hình thức thưởng như nhãn dán (sticker), lời khen ngợi hoặc các biểu tượng vui vẻ. Sự công nhận kịp thời này giúp các em duy trì hứng thú và nuôi dưỡng tình yêu với môn Tiếng Việt.

Thứ tư, tư duy và ngôn ngữ chi phối mức độ phân hóa của bài tập. Sự phát triển từ tư duy hình tượng sang suy luận logic đơn giản đòi hỏi bài tập phải có độ mức độ phân hóa khoa học, hợp lí. Với lớp 2, bài tập cần tập trung vào việc nhận diện và gọi tên (từ chỉ sự vật, hoạt động). Tuy nhiên, lên lớp 3, bài tập bổ trợ cần được mở rộng sang các yêu cầu mang tính phân tích, tổng hợp hơn như tìm mối quan hệ giữa các từ ngữ, đặt câu theo mục đích nói hoặc bước đầu giải thích nghĩa của từ. Việc xây dựng bài tập có tính phân hóa không chỉ phù hợp với sự phát triển trí tuệ mà còn giúp mỗi HS đều có thể hoàn thành mức độ của riêng mình, đúng với nhu cầu được tôn trọng năng lực cá nhân ở lứa tuổi này.

b. Đặc điểm nhận thức và tư duy của học sinh lớp 2, 3 chi phối việc xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt

Thứ nhất, cách các em suy nghĩ từ hình ảnh sang suy luận giúp định hướng nội dung bài tập. HS lớp 2 và lớp 3 đang dần chuyển từ cách hiểu đơn giản theo những gì nhìn thấy sang việc biết so sánh và phân tích ở mức độ đơn giản. Vì vậy, thay vì chỉ yêu cầu các em chép lại hay chọn từ đúng, bài tập nên giúp các em biết cách sắp xếp từ ngữ. Ví dụ, GV có thể thiết kế các trò chơi như “Ô chữ bí ẩn” hoặc bài tập sắp xếp các từ ngữ cho sẵn, HS sẽ phải tự mình xếp các từ chỉ người, từ chỉ đồ vật hay con vật vào đúng vị trí hoặc tạo câu. Cách làm này không chỉ khiến HS thấy thú vị mà còn giúp các em học được cách tư duy, sắp xếp và hiểu rõ hơn về ý nghĩa của các từ ngữ trong Tiếng Việt.

Thứ hai, thời gian tập trung và khả năng ghi nhớ của các em ảnh hưởng đến độ dài của bài tập. Dù lên lớp 3 HS đã có thể tập trung nghe giảng lâu hơn, nhưng các em vẫn rất nhanh chán nếu phải làm những việc lặp đi lặp lại. Do đó, các bài tập bổ trợ cần được chia nhỏ thành nhiều nhiệm vụ ngắn và rõ ràng. Thay vì đưa một tờ giấy đầy ắp câu hỏi, thầy cô nên chia thành các nhiệm vụ nhỏ. Mỗi khi hoàn thành một phần, các em nhận được một hình dán khen thưởng hoặc một lời động viên. Việc chia nhỏ này giúp các em không cảm thấy sợ khi nhìn vào bài tập, đồng thời giữ cho trí não luôn hào hứng và ghi nhớ kiến thức lâu hơn.

Thứ ba, sự yêu thích tưởng tượng của các em giúp bài tập trở nên sinh động hơn. HS ở độ tuổi này thường coi thế giới xung quanh như một câu chuyện đầy màu sắc. Vì thế, các bài tập Luyện từ và câu sẽ hấp dẫn hơn nhiều nếu được lồng ghép vào các tình huống thực tế hoặc các câu chuyện kể.

Chẳng hạn, thay vì yêu cầu “Đặt câu với từ *giúp đỡ*.”, có thể đặt tình huống: “Em hãy làm một chú kiến nhỏ để viết lời nhắn cảm ơn bạn mình đã giúp đỡ mình trong học tập”. Khi được hóa thân vào làm nhân vật, các em sẽ cảm thấy việc đặt câu giống như đang trò chuyện và chơi đùa, từ đó cách dùng từ của các em cũng sẽ tự nhiên và giàu cảm xúc hơn.

Cuối cùng, khả năng quan sát chi tiết giúp việc dùng hình ảnh trong bài tập hiệu quả hơn. HS giai đoạn này nhìn nhận màu sắc và hình dáng rất nhanh và chính xác. Vì vậy, các hình ảnh minh họa trong bài tập không chỉ để cho đẹp mà còn là gợi ý quan trọng giúp các em tìm từ. Việc sử dụng những bức ảnh rõ nét, những sơ đồ có màu sắc phân biệt rõ ràng sẽ giúp HS dễ dàng liên tưởng. Khi nhìn vào một bức tranh sinh động, vốn từ của các em sẽ được khơi gợi nhanh hơn, giúp việc học từ ngữ không còn là việc học thuộc lòng khô khan mà trở thành việc gọi tên thế giới mà các em đang quan sát được.

c. Đặc điểm ngôn ngữ và giao tiếp của học sinh lớp 2, 3 chi phối việc xây dựng bài tập hỗ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt

Thứ nhất, vốn từ của HS ở độ tuổi này đang giàu lên và các em muốn biểu đạt rõ ý mình hơn. Ở lứa tuổi này, các em không chỉ biết gọi tên món đồ hay con vật mà đã bắt đầu muốn dùng lời nói để kể chuyện, khoe về một món đồ chơi mới hay nói lên cảm xúc của mình. Vì vậy, thay vì chỉ bắt các em tìm những từ rời rạc, GV nên xây dựng các bài tập mà ở đó các em được dùng từ để kể một câu chuyện ngắn hoặc mô tả một sự việc mình đã chứng kiến. Chẳng hạn, thay vì hỏi “Tìm từ chỉ hoạt động của bạn nhỏ”, hãy yêu cầu “Em hãy dùng những từ vừa tìm được để kể cho bạn nghe về một việc tốt em đã làm”. Cách này giúp các em thấy từ ngữ rất có ích trong việc giúp người khác hiểu mình.

Thứ hai, các em rất thích trò chuyện, kết bạn và thích được chú ý giữa đám đông. HS lớp 2 và lớp 3 thường rất hiếu động, thích được nói và chơi cùng bạn bè. Vì thế, bài tập Tiếng Việt không nên lúc nào cũng là việc ngồi yên một chỗ và viết vào vở. Thay vào đó, GV nên tổ chức các trò chơi thực tế như: đố vui về từ ngữ, cùng bạn đóng vai các nhân vật trong một tình huống hay thi tài ai dùng từ hay hơn. Khi được học thông qua việc trò chuyện và chơi cùng bạn, các em sẽ thấy tự tin hơn, bớt nhút nhát và học được cách chọn lời nói sao cho phù hợp với hoàn cảnh.

Thứ ba, các em đang tập thói quen chuyển từ cách nói hằng ngày sang cách viết rõ ràng hơn. Nhiều khi các em nói rất hay nhưng khi viết lại lúng

túng hoặc viết như đang nói chuyện ở nhà. Bài tập bổ trợ sẽ đóng vai trò là công cụ giúp các em viết câu văn chau chuốt hơn. Thầy cô có thể đưa ra các bài tập như “Em hãy giúp bạn nhỏ sửa lại câu văn này cho hay hơn”: từ một câu nói đơn giản, hãy hướng dẫn các em thêm vào những từ ngữ gợi tả sinh động. Việc này giúp các em làm quen dần với việc dùng từ tinh tế và chuẩn bị tốt cho việc viết những đoạn văn hay sau này.

Cuối cùng, các em rất thích thi đua và muốn mình là người giỏi nhất. Trong các hoạt động nhóm hay trò chơi, bạn nhỏ nào cũng muốn mình hoặc đội mình giành chiến thắng. GV có thể tận dụng tâm lý này để biến các bài tập Luyện từ và câu thành những cuộc thi nhỏ, những trò chơi nhỏ đầy hào hứng. Việc tặng một cái nhãn dán xinh xắn, một lời khen trước cả lớp cho bạn nào tìm được từ hay hay đặt được câu văn lạ sẽ khiến các em vô cùng phấn khích. Khi niềm vui được khen ngợi gắn liền với việc học, các em sẽ tự giác tìm tòi thêm nhiều từ ngữ mới để khoe tài với thầy cô và bạn bè.

Như vậy, qua phân tích, việc xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu cho HS lớp 2, 3 theo CT GDPT 2018 cần dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về đặc điểm tâm lý lứa tuổi và định hướng PTNL. Các bài tập được thiết kế phù hợp sẽ góp phần hình thành và PTNL ngôn ngữ, đồng thời giúp HS sử dụng Tiếng Việt một cách hiệu quả trong học tập và đời sống hằng ngày.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Khái quát về quá trình khảo sát thực trạng xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3

1.2.1.1. Mục tiêu khảo sát

- Nhằm đánh giá thực trạng GV xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3.

- Nhằm đánh giá thực trạng GV sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3.

Với những mục tiêu trên, chúng tôi tiến hành điều tra và trên cơ sở đó xác lập cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu các nguyên tắc và quy trình xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3; từ đó thiết kế các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3.

1.2.1.2. Đối tượng khảo sát

Để tìm hiểu thực trạng xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3, chúng tôi đã tiến hành khảo sát

bằng phiếu với 46 GV dạy lớp 2, 3 tại một số trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, cụ thể:

- Phường Hoa Lư:
 - + Trường Tiểu học Lý Tự Trọng (5 GV)
 - + Trường Tiểu học Tân Thành (5 GV)
 - + Trường Tiểu học Thanh Bình (5 GV)
 - + Trường Tiểu học Thiên Tôn (5 GV)
- Phường Nam Hoa Lư:
 - + Trường Tiểu học Ninh Vân (8 GV)
 - + Trường Tiểu học Ninh Hải (5 GV)
 - + Trường Tiểu học Ninh An (5 GV)
- Phường Tây Hoa Lư:
 - + Trường Tiểu học Trường Yên (4 GV)
- Xã Khánh Thiện:
 - + Trường Tiểu học Khánh Lợi (4 GV)

1.2.1.3. Phương pháp khảo sát

Những PP chủ yếu được sử dụng trong quá trình khảo sát:

- PP khảo sát bằng phiếu khảo sát: Chúng tôi đã xây dựng Phiếu khảo sát với các câu hỏi có sẵn các phương án lựa chọn và các câu hỏi mở.
- PP phỏng vấn trực tiếp: GV và HS chia sẻ thêm một số thông tin về nội dung được khảo sát.
- PP thống kê toán học: Chúng tôi đã thu thập, xử lý và phân tích các số liệu khảo sát.

Bên cạnh đó, chúng tôi quan sát, dự giờ một số tiết dạy Luyện từ và câu lớp 2, 3 nhằm có cái nhìn khách quan và toàn diện hơn.

1.2.1.4. Nội dung khảo sát.

Với phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi tiến hành khảo sát và điều tra các GV, HS một số vấn đề cơ bản sau:

* Về phía GV:

- Nhận thức, hiểu biết của GV về bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu.
- Thực trạng xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu.

* Về phía HS:

- Mức độ hứng thú và thực trạng thực hiện bài tập bổ trợ trong dạy học

Luyện từ và câu.

1.2.2. Kết quả khảo sát quá trình xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3

Tôi dựa trên kết quả điều tra từ 46 phiếu được phát ra, tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá và kết quả thu được như sau:

Để tìm hiểu thực trạng xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Thầy (Cô) hiểu thế nào là bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu ở tiểu học?” trong phiếu điều tra. Kết quả thu được được trình bày ở Bảng 1.2.

Bảng 1.2. Nhận thức của giáo viên về bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu.

Mức độ nhận thức	Số GV	Tỉ lệ
Nhận thức đúng về bài tập bổ trợ	38	82,6
Nhận thức chưa đầy đủ	8	17,4

Qua khảo sát cho thấy, đa số GV đã có nhận thức đúng đắn về bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu. Cụ thể, có 82,6% GV lựa chọn đáp án thể hiện đầy đủ vai trò của bài tập bổ trợ trong việc củng cố, mở rộng kiến thức và phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS. Tuy nhiên, vẫn còn một số GV chưa hiểu đầy đủ bản chất của bài tập bổ trợ, chủ yếu xem đây là hình thức luyện tập thêm hoặc kiểm tra mức độ ghi nhớ kiến thức.

Để đánh giá mức độ cần thiết của bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Thầy (Cô) đánh giá mức độ cần thiết của việc sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu như thế nào?” trong phiếu điều tra. Kết quả thu được được trình bày ở Bảng 1.3.

Bảng 1.3. Đánh giá mức độ cần thiết của bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3

Mức độ	Số GV	Tỉ lệ
Rất cần thiết/Cần thiết	41	89,1
Bình thường	5	10,9
Không cần thiết	0	0

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn GV nhận thức được tầm quan trọng của bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu. Có tới 89,1% GV cho rằng việc sử dụng bài tập bổ trợ là cần thiết hoặc rất cần thiết. Điều này cho thấy GV đã bước đầu quan tâm đến việc đổi mới hình thức luyện tập nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS. Tuy nhiên, 10,9% còn lại vẫn chưa thực sự cho rằng việc sử dụng bài tập bổ trợ là cần thiết.

Để tìm hiểu về mức độ xây dựng bài tập bổ trợ của GV trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Thầy (Cô) có thường xuyên xây dựng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu không?” trong phiếu điều tra. Kết quả thu được được trình bày ở Bảng 1.4.

Bảng 1.4. Mức độ xây dựng bài tập bổ trợ của giáo viên trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3

Mức độ	Số GV	Tỉ lệ
Rất thường xuyên	0	0
Thường xuyên	6	13
Bình thường	5	10,8
Không thường xuyên	35	86,2

Mặc dù đa số GV đánh giá cao vai trò của bài tập bổ trợ nhưng số GV thường xuyên tự xây dựng bài tập còn rất ít. Chỉ có 13% GV thường xuyên xây dựng bài tập bổ trợ, trong khi 86,2% GV chưa thực hiện thường xuyên. Điều này cho thấy việc thiết kế bài tập bổ trợ trong thực tế dạy học còn nhiều hạn chế.

Để tìm hiểu về các dạng bài tập bổ trợ được các GV xây dựng trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Thầy (Cô) thường xây dựng các dạng bài tập bổ trợ nào trong dạy học Luyện từ và câu cho HS lớp 2, 3?” trong phiếu điều tra. Kết quả thu được được trình bày ở Bảng 1.5.

Bảng 1.5. Các dạng bài tập bổ trợ được các giáo viên xây dựng trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3

Nhóm bài tập	Số GV	Tỉ lệ
Nhóm bài tập Luyện viết và nhận diện từ (nghe - viết, tìm từ theo mẫu)	35	76,0
Nhóm bài tập Hiểu nghĩa của từ (giải nghĩa, tìm từ đồng nghĩa/trái nghĩa).	38	82,6

Nhóm bài tập Mở rộng vốn từ (theo chủ điểm, theo cấu tạo từ).	39	84,7
Nhóm bài tập Tích cực hóa vốn từ (đặt câu, hoàn thiện văn bản, thực hành giao tiếp)	31	67,4
Khác	2	4,3

Qua khảo sát, các dạng bài tập hỗ trợ được GV xây dựng rất đa dạng, tập trung mạnh nhất vào nhóm bài tập Mở rộng vốn từ, Hiểu nghĩa của từ, Luyện viết và nhận diện từ với tỉ lệ lần lượt là 84,7%, 82,6% và 76,0%. Mặc dù nhóm bài tập Tích cực hóa vốn từ có tỉ lệ thấp hơn (67,4%), nhưng nhìn chung, đại đa số GV đều chú trọng phát triển toàn diện các kỹ năng từ nhận diện đến vận dụng ngôn ngữ cho HS thông qua các bài tập hỗ trợ.

Để tìm hiểu về cơ sở xây dựng bài tập hỗ trợ của GV trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Theo thầy (cô), việc xây dựng bài tập hỗ trợ trong dạy học Luyện từ và câu cho HS lớp 2, 3 cần dựa trên những cơ sở nào?” trong phiếu điều tra. Kết quả thu được được trình bày ở Bảng 1.6.

Bảng 1.6. Cơ sở xây dựng bài tập hỗ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3

Cơ sở xây dựng bài tập hỗ trợ	Số GV	Tỉ lệ
Mục tiêu CT GDPT 2018	46	100
Nội dung SGK Tiếng Việt	46	100
Đặc điểm tâm lí HS	46	100
Yêu cầu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp cho HS lớp 2, 3.	46	100

Kết quả khảo sát cho thấy tất cả GV đều cho rằng việc xây dựng bài tập hỗ trợ cần dựa trên mục tiêu CT, nội dung SGK, đặc điểm nhận thức của HS và yêu cầu phát triển năng lực giao tiếp (chiếm 100%). Điều này thể hiện sự thống nhất cao trong nhận thức nghề nghiệp của GV.

Để tìm hiểu về mức độ tuân thủ các nguyên tắc xây dựng bài tập hỗ trợ của GV trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Khi xây dựng bài tập, thầy cô tuân thủ các nguyên tắc sau theo mức độ nào?” trong phiếu điều tra. Kết quả thu được được trình bày

ở Bảng 1.7.

Bảng 1.7. Mức độ tuân thủ các nguyên tắc xây dựng bài tập bổ trợ của giáo viên trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3

Mức độ	Số GV	Tỉ lệ
Tuyệt đối tuân thủ	0	0
Thường xuyên tuân thủ	40	87
Thỉnh thoảng tuân thủ	6	13
Không tuân thủ	0	0

Trong số những nguyên tắc được đưa ra, nguyên tắc đảm bảo tính tích hợp (gắn với bài đọc, chủ điểm), nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và tính vừa sức và nguyên tắc phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS là ba nguyên tắc được 40 GV thường xuyên tuân thủ, (chiếm khoảng 87%). Điều này cho thấy đa số GV đã chú ý xây dựng bài tập theo hướng tích hợp, vừa sức và phát huy tính tích cực của HS. Tuy nhiên, số ít Gv còn lại (chiếm khoảng 13%) vẫn chưa thực sự tuân thủ các nguyên tắc này.

Để tìm hiểu về mức độ sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Thầy (Cô) có thường xuyên sử dụng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu không?” trong phiếu điều tra. Kết quả thu được được trình bày ở Bảng 1.8.

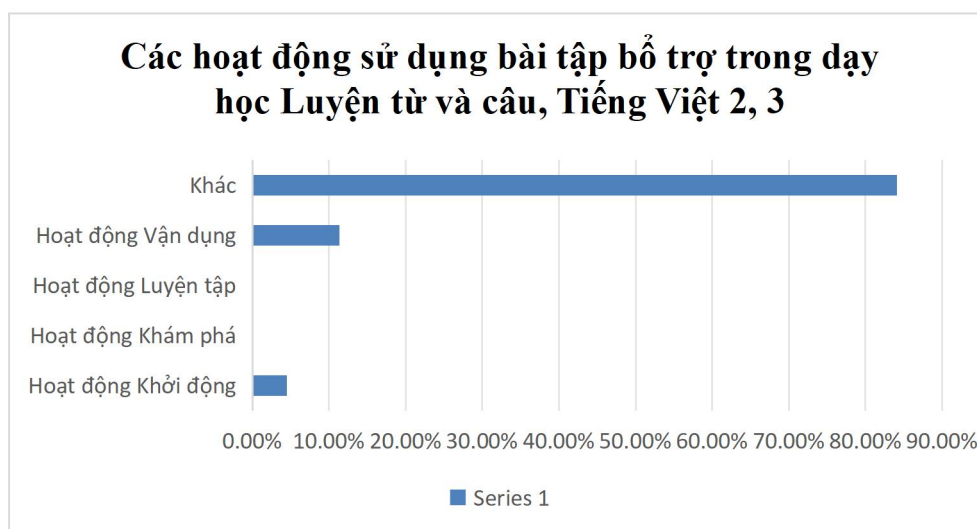
Bảng 1.8. Mức độ sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3

Mức độ	Số GV	Tỉ lệ
Rất thường xuyên	0	0
Thường xuyên	42	91,3
Bình thường	0	0
Không thường xuyên	4	8,7

Kết quả khảo sát cho thấy đa số GV đã sử dụng bài tập bổ trợ trong quá trình dạy học Luyện từ và câu (chiếm khoảng 91,3%), số ít GV vẫn chưa thường xuyên áp dụng bài tập bổ trợ cho những tiết dạy. Điều này cho thấy phần lớn GV đã nhận thức được vai trò và hiệu quả của bài tập bổ trợ. Tuy nhiên, vẫn còn một số GV chưa sử dụng thường xuyên (chiếm khoảng 8,7%), do hạn chế về thời gian, tài liệu tham khảo hoặc chưa thật sự linh hoạt trong

việc xây dựng và tổ chức các dạng bài tập phù hợp với HS.

Để tìm hiểu về các hoạt động có sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3 của GV, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Thầy (Cô) sử dụng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu ở các hoạt động dạy học nào?” trong phiếu điều tra. Kết quả thu được được trình bày ở Biểu đồ 1.1.



Biểu đồ 1.1. Các hoạt động sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3 của giáo viên

Biểu đồ cho thấy sự chênh lệch lớn khi hoạt động Khác chiếm tỷ lệ (84,1%), chủ yếu các GV vận dụng vào hoạt động sau giờ học. Trong khi đó, các hoạt động dạy học chính thức có tỷ lệ rất thấp: Vận dụng chiếm 11,4%, Khởi động chiếm 4,5%, còn lại là hoạt động Khám phá và Luyện tập gần như không được sử dụng. Kết quả này phản ánh bài tập bổ trợ chủ yếu dùng cho mục đích phụ, chưa được chú trọng trong tiến trình giảng dạy cốt lõi trên lớp.

Để tìm hiểu về thời điểm nào sử dụng bài tập bổ trợ mang lại hiệu quả cao nhất trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Theo thầy (cô), thời điểm nào sử dụng bài tập bổ trợ mang lại hiệu quả cao nhất?” trong phiếu điều tra. Kết quả thu được được trình bày ở Biểu đồ 1.2.



Biểu đồ 1.2. Thời điểm sử dụng bài tập bổ trợ mang lại hiệu quả cao nhất trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3

Biểu đồ 1.2 cho thấy 86,4% GV cho rằng bài tập bổ trợ hiệu quả nhất khi sử dụng làm Hoạt động ở nhà hoặc ngoài giờ. Ngược lại, các thời điểm trong tiết học chiếm tỷ lệ rất thấp: Cuối giờ (9%), Đầu giờ (4,6%) và Giữa giờ (0%). Số liệu này phản ánh xu hướng coi bài tập bổ trợ là công cụ tự học ngoài giờ thay vì lồng ghép trực tiếp vào tiến trình bài dạy trên lớp.

Để tìm hiểu về mức độ hứng thú của HS khi thực hiện bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Thầy (Cô) đánh giá mức độ hứng thú của HS khi thực hiện các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu như thế nào?” trong phiếu điều tra. Kết quả thu được được trình bày ở Bảng 1.9.

Bảng 1.9. Mức độ hứng thú của học sinh khi thực hiện bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3

Mức độ	Tỉ lệ
Rất hứng thú	0
Hứng thú	0
Bình thường	100
Không hứng thú	0

Theo ý kiến của GV, mức độ hứng thú của học sinh khi thực hiện bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu còn chưa cao. Cụ thể, 100% học sinh được đánh giá ở mức “bình thường”, trong khi các mức “rất hứng thú”, “hứng thú” và “không hứng thú” đều chiếm 0%. Điều này cho thấy các bài tập bổ trợ chưa thực sự tạo được sự hấp dẫn và lôi cuốn đối với học sinh trong

quá trình học tập.

Để tìm hiểu về hiệu quả khi sử dụng bài tập bổ trợ đối với việc dạy học Luyện từ và câu cho HS lớp 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Theo thầy (cô), hiệu quả khi sử dụng bài tập bổ trợ đối với việc dạy học Luyện từ và câu cho HS lớp 2, 3 là” trong phiếu điều tra. Kết quả thu được được trình bày ở Biểu đồ 1.3.



**Biểu đồ 1.3. Hiệu quả khi sử dụng bài tập bổ trợ đối với việc
dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3**

Theo khảo sát, 88,6% GV đánh giá hiệu quả lớn nhất của bài tập bổ trợ là giúp HS ghi nhớ từ vựng và cấu trúc câu tốt hơn. Các hiệu quả khác chiếm tỷ lệ rất thấp: HS vận dụng từ ngữ đúng ngữ cảnh đạt 6,8% và tăng cường tư duy logic chỉ chiếm 4,6%. Các mục tiêu về sáng tạo, tự tin hay ý kiến Khác đều ở mức 0%. Điều này cho thấy bài tập bổ trợ hiện chủ yếu phục vụ mục đích ghi nhớ kiến thức hơn là phát triển kỹ năng và tư duy.

Để tìm hiểu về khó khăn của GV trong xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Thầy (Cô) gặp khó khăn gì trong việc xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu?”. Kết quả thu được được trình bày ở Bảng 1.10.

Bảng 1.10. Khó khăn của giáo viên trong xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3

Khó khăn chủ yếu	Số GV	Tỉ lệ
Việc xác định mục tiêu và mức độ bài tập còn chưa hiệu quả.	37	80,4
Việc thiết kế bài tập còn chưa phù hợp với đối tượng HS.	12	26

Hạn chế về thời gian thiết kế bài tập do khối lượng công việc của GV nhiều.	41	89,1
Hạn chế về nguồn tài liệu hướng dẫn xây dựng.	15	32,6
Hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế các bài tập đa phương tiện, có tính tương tác.	34	73,9
Chưa đảm bảo tính thực tiễn và hấp dẫn.	11	23,9
Chưa đảm bảo tích hợp phát triển năng lực người học.	13	28,2
Việc đánh giá hiệu quả của bài tập bổ trợ còn chưa hiệu quả.	31	67,4

Kết quả khảo sát cho thấy khó khăn lớn nhất là áp lực thời gian với tỉ lệ 89,1%. Về chuyên môn và kỹ năng, có 80,4% GV lúng túng khi xác định mục tiêu bài tập, 73,9% hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin và 67,4% chưa đánh giá hiệu quả sử dụng một cách tốt nhất. Số liệu này minh chứng GV đang rất cần những công cụ hỗ trợ thiết kế tối ưu để giảm tải áp lực và nâng cao chất lượng dạy học.

Để tìm hiểu về khó khăn trong việc tổ chức thực hiện bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3, tôi đã tiến hành điều tra thông qua câu hỏi: “Thầy (Cô) gặp khó khăn gì trong việc tổ chức thực hiện bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu?”. Kết quả thu được được trình bày ở Bảng 1.11.

Bảng 1.11. Khó khăn trong việc tổ chức thực hiện bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, Tiếng Việt 2, 3

Khó khăn	Số GV	Tỉ lệ
Khó bố trí thời gian hợp lý để cho HS thực hiện bài tập bổ trợ.	39	84,7
Sự chênh lệch trình độ HS khiến khó khăn khi giao nhiệm vụ phù hợp cho tất cả HS.	36	78,2
Khó khăn trong việc đánh giá hiệu quả của bài tập bổ trợ.	32	69,5
Khác	2	4,3

Theo khảo sát, khó khăn lớn nhất là bố trí thời gian (84,7%), tiếp đó là trở ngại từ sự chênh lệch trình độ HS (78,2%) và việc đánh giá hiệu quả bài tập (69,5%). Các số liệu này phản ánh áp lực lớn về thời lượng và tính phân

hóa trong tổ chức dạy học Luyện từ và câu hiện nay.

Từ thực trạng trên cho thấy việc nghiên cứu và xây dựng bài tập bổ trợ phù hợp với đặc điểm HS lớp 2, 3 là cần thiết. Đây cũng chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề tài đề xuất quy trình và các bài tập bổ trợ trong chương tiếp theo.

Tiểu kết chương 1

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng bài tập Luyện từ và câu giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS tiểu học, đặc biệt với HS lớp 2 và lớp 3 là một yêu cầu cấp thiết, có cơ sở lí luận và thực tiễn vững chắc.

Về mặt lí luận, đặc điểm tâm lí của HS độ tuổi này đang chuyển dần từ tư duy trực quan sinh động sang tư duy trừu tượng, đòi hỏi các hình thức học tập đa dạng, sinh động để duy trì hứng thú. Đồng thời, các yêu cầu từ CT GDPT 2018 đặt ra mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ đòi hỏi HS không chỉ hiểu mà còn phải vận dụng linh hoạt từ ngữ vào giao tiếp.

Về mặt thực tiễn, qua khảo sát tại các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, mặc dù GV đã có ý thức đổi mới nhưng nguồn bài tập trong SGK đôi khi còn mang tính khái quát, chưa bao quát hết các đối tượng HS hoặc chưa cập nhật sát với thực tế địa phương. Thực trạng này dẫn đến việc HS còn lúng túng khi thực hiện các bài tập mở rộng vốn từ hoặc đặt câu sáng tạo.

Chính vì vậy, việc thiết kế một các bài tập bổ trợ khoa học, phong phú không chỉ giúp củng cố kiến thức nền tảng mà còn là công cụ hữu ích giúp GV phân hóa đối tượng dạy học, nâng cao chất lượng môn Tiếng Việt 2, 3 tại địa phương.

Chương 2

XÂY DỰNG BÀI TẬP BỔ TRỢ TRONG DẠY HỌC LUYỆN TỪ VÀ CÂU, MÔN TIẾNG VIỆT 2, 3

2.1. Nguyên tắc xây dựng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3

CT GDPT 2018 đối với môn Tiếng Việt bậc Tiểu học, đặc biệt là ở khối lớp 2 và lớp 3, được định hướng rõ nét theo tinh thần tích hợp. Trong cấu trúc của mỗi chủ điểm, bài đọc không chỉ đơn thuần là công cụ để rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, mà còn đóng vai trò định hướng, là điểm xuất phát chung cho tất cả các kỹ năng khác như Viết, Nói và nghe, và đặc biệt là Luyện từ và câu. Giữa các nguyên tắc này tồn tại một mối quan hệ hữu cơ, gắn kết chặt chẽ; trong đó, bài đọc cung cấp ngữ liệu, bối cảnh và chất liệu ngôn ngữ để HS khai thác, rèn luyện tư duy ngôn từ một cách tự nhiên nhất.

Việc dạy học Luyện từ và câu, vì vậy, không thể tách rời khỏi chỉnh thể này. Để giúp HS nắm vững kiến thức về từ vựng và ngữ pháp mà không cảm thấy khô khan. Cụ thể, việc xây dựng các bài tập này sẽ được triển khai dựa trên 6 nguyên tắc then chốt sau đây:

- Nguyên tắc đảm bảo phù hợp nội dung chương trình.
- Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức, phát huy tính sáng tạo của học sinh.
- Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống.
- Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi.
- Nguyên tắc đảm bảo tính tích hợp.
- Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa.

2.1.1. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với nội dung chương trình

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực, việc thiết lập một các bài tập bổ trợ không chỉ đơn thuần là cung cấp thêm tư liệu thực hành mà quan trọng hơn là phải tạo ra một nguồn tài nguyên học tập có tính định hướng cao. Đối với nội dung Luyện từ và câu lớp 2 và lớp 3, việc

bám sát khung CT GDPT hiện hành là yêu cầu tiên quyết, đảm bảo tính chuẩn mực và hiệu quả sư phạm. Nguyên tắc này đòi hỏi toàn bộ các bài tập được thiết kế phải có sự liên kết chặt chẽ với nội dung đào tạo trong SGK, đồng thời đảm bảo đáp ứng đầy đủ và chính xác các yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ mà HS cần chiếm lĩnh sau khi hoàn thành CT học.

Sự phù hợp với CT trước hết thể hiện ở việc tuân thủ nghiêm ngặt lộ trình giảng dạy và hệ thống các chủ điểm kiến thức. Đối với môn Tiếng Việt cấp Tiểu học, đặc biệt là bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”, nội dung được cấu trúc theo mô hình xoáy ốc. Do đó, bài tập bổ trợ phải bám sát các mạch kiến thức về từ vựng (từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm) và ngữ pháp (các kiểu câu, dấu câu, biện pháp tu từ) theo đúng tiến độ thời gian của kế hoạch giáo dục nhà trường. Việc thiết kế bài tập cần phải soi chiếu dựa trên văn bản CT môn Ngữ văn (Tiếng Việt) để đảm bảo không vượt quá mức độ nhận thức của HS nhưng cũng không quá đơn giản dẫn đến triệt tiêu động lực tư duy. Chẳng hạn, khi xây dựng bài tập bổ trợ cho nội dung “Từ ngữ chỉ đặc điểm” ở lớp 2, bài tập phải tập trung vào các đặc điểm ngoại hình, màu sắc trực quan theo đúng yêu cầu CT, tránh đưa vào các khái niệm trừu tượng thuộc phạm trù kiến thức của các lớp trên.

Bên cạnh đó, nguyên tắc này đòi hỏi sự chính xác và chuẩn mực tuyệt đối về mặt kiến thức chuyên môn trong phạm vi CT giáo dục. Các bài tập bổ trợ cần sử dụng ngôn ngữ mẫu mực, trong sáng, phù hợp với thuần phong mỹ tục và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi. Đặc biệt, các bài tập phải đảm bảo bám sát, phù hợp với nội dung CT và làm phong phú thêm các ngữ liệu đã có trong SGK. Việc lựa chọn ngữ liệu cho bài tập bổ trợ không được tùy tiện mà phải có sự chọn lọc để tương thích với các chủ điểm như “Những màu sắc thiên nhiên”, hay “Trái Đất của chúng mình”. Ví dụ, khi thiết kế bài tập cho chủ điểm “Những màu sắc thiên nhiên” ở lớp 3, GV cần bám sát các từ ngữ về cảnh vật thiên nhiên, sự vật... đã được định hướng trong CT, từ đó xây dựng các dạng bài như điền từ vào chỗ trống hoặc đặt câu khiến phù hợp với ngữ cảnh trải nghiệm của HS.

Ngoài ra, tính phù hợp còn được thể hiện thông qua việc cập nhật các hình thức đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của CT 2018. Thay vì những câu hỏi yêu cầu HS tái hiện lý thuyết một cách máy móc (như “Thế nào là câu nêu hoạt động?”), các bài tập phải được chuyển đổi sang dạng các tình huống giao tiếp thực tiễn. Điều này yêu cầu bài tập bổ trợ phải mang tính

ứng dụng cao, giúp HS rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ để giải quyết các nhiệm vụ trong đời sống hàng ngày. Việc đảm bảo sự phù hợp và chính xác về mặt chuyên môn trong phạm vi CT không chỉ nâng cao tính khả thi của đề tài nghiên cứu mà còn hỗ trợ GV đặc lực trong việc đổi mới PP dạy học, giúp HS tiểu học chiếm lĩnh tri thức ngôn ngữ một cách bài bản, đúng lộ trình và đạt hiệu quả tối ưu.

Vận dụng nguyên tắc này vào xây dựng bài tập, ta cần:

- Đối chiếu yêu cầu cần đạt: Rà soát kỹ mục tiêu về năng lực ngôn ngữ của CT 2018 theo từng khối lớp để đảm bảo bài tập không vượt quá hoặc thấp hơn trình độ HS.

- Lựa chọn ngữ liệu đồng bộ: Bám sát các chủ điểm trong SGK (như gia đình, nhà trường, thiên nhiên...) nhằm tạo sự gần gũi và củng cố kiến thức trên lớp.

- Đa dạng hóa hình thức: Thiết kế các dạng bài phù hợp với tâm lý lứa tuổi như nối thẻ, giải ô chữ, hoặc bài tập tương tác trên Plickers để tăng sức hấp dẫn mà vẫn đảm bảo mục tiêu sư phạm.

- Đảm bảo tính chuẩn mực và trong sáng: Ngữ liệu bổ trợ phải được chọn lọc khắt khe về mặt ngôn đạo đức và thẩm mỹ, phù hợp với thuần phong mỹ tục, giúp hình thành nhân cách và bồi đắp tình yêu tiếng Việt cho HS.

Tóm lại nguyên tắc phù hợp với nội dung CT chính là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình xây dựng bài tập bổ trợ. Nó đảm bảo rằng mọi nỗ lực sáng tạo của sinh viên nghiên cứu đều nằm trong quỹ đạo chung của giáo dục quốc gia, giúp các bài tập thực sự trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho cả GV và HS trong việc hiện thực hóa các mục tiêu của CT GDPT 2018.

2.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức và phát huy tính sáng tạo của học sinh

Trong lý luận dạy học tiểu học, tính vừa sức không đơn thuần là việc cắt giảm khối lượng kiến thức mà là nghệ thuật thiết lập sự tương thích tối ưu giữa bài tập bổ trợ với đặc điểm tâm sinh lý và năng lực nhận thức thực tế của HS lớp 2, 3. Theo quan điểm của các nhà tâm lý học giáo dục, đặc biệt là lý thuyết về “Vùng phát triển gần nhất” của L.S. Vygotsky, một bài tập có giá trị sư phạm thực sự phải nằm ở ngưỡng mà HS không thể tự giải quyết ngay lập tức bằng kiến thức cũ, nhưng có thể hoàn thành nếu có sự nỗ lực tư duy hoặc sự gợi mở từ GV. Nếu thử thách quá thấp, bài tập trở nên đơn điệu, giảm bớt động lực khám phá; ngược lại, nếu bài tập vượt quá tầm kiểm soát của tư duy,

HS dễ rơi vào trạng thái chán nản, tự ti, dẫn đến sự đứt gãy trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Vì vậy, các bài tập bổ trợ trong đề tài này được xây dựng dựa trên sự cân bằng động giữa khả năng tiếp thu hiện tại và mục tiêu khơi gợi những tiềm năng tiềm ẩn của người học.

Sự vừa sức trong dạy học Luyện từ và câu còn gắn liền với việc phân hóa đối tượng HS một cách tinh tế. Trong một lớp học đa trình độ, các bài tập bổ trợ phải được thiết kế theo cấu trúc phân tầng: từ mức độ nhận biết (tái hiện kiến thức) đến mức độ vận dụng (thực hành kỹ năng). Ở khối lớp 2 và 3, tư duy của các em đang chuyển dịch từ trực quan sinh động sang tư duy logic sơ khai, do đó các bài tập vừa sức cần sử dụng ngữ liệu gần gũi, hình ảnh minh họa sinh động để làm nền tảng cho tư duy. Chẳng hạn, khi xây dựng bài tập về Bài 4: “Từ ngữ chỉ đặc điểm” Tiếng Việt 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống), thay vì đưa ra các từ ngữ trừu tượng, GV có thể trích dẫn đoạn văn tả cảnh đẹp thiên nhiên trong bài đọc tuần đó, yêu cầu HS tìm các tính từ chỉ màu sắc, hình dáng mà các em có thể quan sát được trong thực tế. Đây chính là cách đảm bảo thực tiễn và hiệu quả trong hoạt động giảng dạy, giúp mọi HS đều có cơ hội hoàn thành nhiệm vụ học tập phù hợp với sức mình.

Bên cạnh đó, khi thiết kế các bài tập bổ trợ, GV cần chú ý đến mục tiêu phát huy tính sáng tạo của người học. Đây cũng chính là một thể hiện tính mới trong CT GDPT 2018. Sáng tạo ở lứa tuổi tiểu học không nhất thiết phải là những phát kiến mới lạ về mặt khoa học, mà là việc HS biết cách sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, giàu hình ảnh và mang đậm dấu ấn cá nhân trong những tình huống giao tiếp cụ thể. Các bài tập bổ trợ cần thoát ly khỏi các câu lệnh đóng - mở. Thay vì yêu cầu HS điền từ vào chỗ trống theo mẫu, GV có thể thiết kế các bài tập tình huống, khuyến khích các em tìm ra nhiều cách diễn đạt khác nhau.

Ví dụ cụ thể cho sự kết hợp giữa tính vừa sức và tính sáng tạo có thể thấy rõ trong chủ điểm “Trái Đất của chúng mình” của Tiếng Việt 3 (Bộ Kết nối tri thức). Để đảm bảo tính vừa sức, bài tập yêu cầu HS tìm các từ ngữ chỉ hoạt động bảo vệ môi trường đã xuất hiện trong bài học. Tuy nhiên, để phát huy tối đa tính sáng tạo, bài tập bổ trợ sẽ mở rộng: “Nếu em được mời làm đại sứ môi trường nhí, hãy viết một lời kêu gọi ngắn gọn (khoảng 1-2 câu) sử dụng kiểu câu cảm hoặc câu khiến để thuyết phục các bạn cùng tham gia ngày hội dọn rác”. HS không chỉ được củng cố kiến thức về từ loại và mẫu câu mà còn được tự do thể hiện quan điểm, cá tính và trí tưởng tượng của mình.

Từ nguyên tắc này, để xây dựng bài tập bổ trợ ta cần:

- Sắp xếp bài tập theo mạch kiến thức: Sắp xếp linh hoạt từ nhận biết, hiểu nghĩa đến biết dùng từ để đặt câu để HS nào cũng có thể bắt nhịp và hoàn thành được.

- Đưa vào hình ảnh và ví dụ gần gũi: Sử dụng tranh vẽ và những câu chuyện thực tế hằng ngày để các em dễ hình dung, giúp việc học không còn khô khan.

- Dùng câu hỏi gợi mở: Thay vì chỉ có một đáp án đúng duy nhất, nên tạo ra các bài tập cho phép các em tự chọn từ ngữ và cách diễn đạt theo ý thích riêng của mình.

- Đưa vào các tình huống thực tế: Thiết kế bài tập gắn liền với đời sống (như đóng vai nhân vật, xử lý tình huống giao tiếp) để các em biết cách dùng từ linh hoạt và sinh động.

- Vận dụng trò chơi học tập: Lồng ghép kiến thức vào các trò chơi như giải ô chữ, nối từ hoặc dùng các ứng dụng trên điện thoại, máy tính để các em hào hứng sáng tạo hơn.

Như vậy, việc quán triệt nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức gắn liền với phát huy tính sáng tạo giúp các bài tập bổ trợ đạt được sự hài hòa giữa việc củng cố nền tảng tri thức và thúc đẩy năng lực bứt phá của HS. Đây là tiền đề quan trọng để chuyển đổi từ lối dạy học truyền thụ một chiều sang lối dạy học kiến tạo, nơi mỗi bài tập Luyện từ và câu không còn là gánh nặng mà trở thành một cơ hội để HS lớp 2, 3 được trải nghiệm, khám phá và tự tin khẳng định bản sắc cá nhân thông qua ngôn từ. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục ngôn ngữ cùng tư duy độc lập và sáng tạo.

2.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

Trong khoa học giáo dục, tính hệ thống được xem là cốt lõi để tổ chức nội dung dạy học, giúp kiến thức không tồn tại dưới dạng những thực thể rời rạc mà kết nối thành một chỉnh thể logic. Về mặt lý thuyết, hệ thống được định nghĩa là một tập hợp các yếu tố liên kết chặt chẽ, có sự tương tác và quy định lẫn nhau để tạo thành một cấu trúc thống nhất nhằm thực hiện những mục tiêu giáo dục nhất định.

Đối với HS tiểu học, đặc biệt là giai đoạn lớp 2 và lớp 3, tư duy của các em đang chuyển dần từ trực quan sinh động sang tư duy logic sơ đồ. Do đó, việc quán triệt nguyên tắc hệ thống trong xây dựng bài tập bổ trợ Luyện từ và câu không chỉ giúp các em nắm vững kiến thức mà còn góp phần hình thành

PP tư duy khoa học. Trong đề tài này, tính hệ thống được hiện thực hóa thông qua hai phương diện cốt lõi.

2.1.3.1 Tính hệ thống về mặt hình thức

Tính hệ thống về mặt hình thức yêu cầu các bài tập phải được tổ chức theo một trật tự phân cấp rõ ràng, nhất quán từ tên gọi đến cách thức triển khai. Điều này giúp GV dễ dàng quản lý tiến trình dạy học và HS hình thành được các kịch bản nhận thức đối với từng dạng bài.

Phân loại theo cấp độ tư duy: Các bài tập không được sắp xếp ngẫu nhiên mà phải tuân theo thang đo nhận thức (như thang Bloom cải tiến). Hệ thống bắt đầu bằng các bài tập nhận diện (như tìm từ, gạch dưới), chuyển sang thông hiểu (như phân loại nhóm từ, giải nghĩa từ) và cuối cùng là vận dụng (như đặt câu, sử dụng từ trong các bài tập vừa tìm được). Ví dụ, trong Bài 2: “Từ chỉ sự vật, hoạt động”, Tiếng Việt 3 tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 14), tính hệ thống hình thức bắt buộc HS phải nhận diện được danh từ trong văn bản trước khi yêu cầu các em phân loại chúng vào các nhóm người, đồ vật hay con vật.

Việc xây dựng các dạng bài tập lặp lại có tính chu kỳ (như trò chơi ngôn ngữ, phiếu học tập, sơ đồ tư duy) giúp HS làm quen với PP làm việc. Sự ổn định này giúp giảm bớt sức nặng lý thuyết về mặt hình thức, cho phép HS tập trung tối đa vào nội dung kiến thức cần chiếm lĩnh. Đây chính là sự nhất quán về mặt hình thức.

2.1.3.2. Tính hệ thống về mặt nội dung

Đây là khía cạnh quan trọng nhất, đảm bảo tính liên thông và bền vững của tri thức ngôn ngữ. Nội dung bài tập bổ trợ phải bám sát trục chủ điểm của SGK Tiếng Việt 2, 3 bộ “Kết nối tri thức với cuộc sống”, tạo nên một lộ trình đồng tâm và phát triển.

Cấu trúc đồng tâm và xoáy ốc: Kiến thức được thiết kế theo hướng sau bao trùm lên trước và mở rộng hơn. Chẳng hạn, nội dung về “Kiểu câu” được triển khai xuyên suốt: Ở lớp 2, HS làm quen với cấu trúc cơ bản của câu giới thiệu (Ai là gì?), câu nêu hoạt động (Ai làm gì?). Sang lớp 3, tính hệ thống nội dung yêu cầu các bài tập bổ trợ không chỉ ôn lại các kiểu câu này mà còn phải mở rộng thêm với các biện pháp tu từ như so sánh để làm câu văn sinh động hơn.

Sự gắn kết giữa các mạch kiến thức: Tính hệ thống còn thể hiện ở việc kết nối giữa từ vựng và cấu trúc. Mỗi từ ngữ được mở rộng theo chủ điểm (như trường học, gia đình, thiên nhiên) đều phải là thành phần trực tiếp cho việc rèn luyện các mẫu câu tương ứng. Ví dụ, khi học chủ điểm “Những màu

sắc thiên nhiên” (Tiếng Việt 3, tập hai), nội dung bài tập sẽ dẫn dắt HS từ việc tìm các từ chỉ hoạt động bảo vệ môi trường (trồng cây, nhặt rác, tưới nước) đến việc sử dụng chính các từ đó để đặt câu khiến hoặc câu cảm nhằm thể hiện ý thức bảo vệ trái đất.

Ví dụ, trong Bài 4: “Từ chỉ đặc điểm; câu nêu đặc điểm”, Tiếng Việt 3, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 23), tính hệ thống được thể hiện rõ qua sự kế thừa giữa hai khối lớp. Ở lớp 2, bài tập bổ trợ tập trung vào các đặc điểm ngoại hình trực quan (màu sắc, hình dáng: xanh, tròn, cao). Đến lớp 3, hệ thống này mở rộng sang các đặc điểm tính chất, trạng thái bao quát hơn (chăm chỉ, thông minh, rục rờ) và tích hợp chúng vào bài tập so sánh sự vật. Điều này đảm bảo rằng HS không bao giờ phải tiếp nhận một kiến thức hoàn toàn xa lạ mà luôn có nền tảng từ những gì đã học trước đó.

Hiểu nguyên tắc này trong xây dựng bài tập bổ trợ, ta cần:

Các mạch kiến thức có sự kết nối: Thiết kế bài tập theo các mạch kiến thức từ lớp 2 lên lớp 3 để bài tập bổ trợ luôn có sự kết nối, tránh rời rạc.

- Duy trì sự ổn định về dạng bài: Thiết kế các bài tập hoặc trò chơi có quy tắc lặp lại (như giải ô chữ, sơ đồ tư duy) giúp HS quen thuộc cách làm, tập trung vào nội dung kiến thức có trong bài tập.

- Sắp xếp bài tập theo mức độ nhận thức: Từ nhận diện từ đến thông hiểu (phân loại) đến vận dụng (đặt câu).

Như vậy, việc quán triệt nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống giúp bộ bài tập bổ trợ trở thành một công cụ sư phạm có cấu trúc vững chắc, tránh tình trạng dạy học theo kiểu học trước quên sau. Đảm bảo kiến thức Luyện từ và câu dạy cho HS đều giúp các em phát triển năng lực ngôn ngữ một cách logic, toàn diện và đáp ứng yêu cầu đổi mới của CT GDPT 2018.

2.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Trong nghiên cứu khoa học giáo dục, tính khả thi không chỉ là một yêu cầu kỹ thuật mà còn là căn cứ để đánh giá giá trị thực tiễn của một đề tài. Một bài tập dù có hàm lượng tri thức cao đến đâu nhưng nếu không thể triển khai trong điều kiện thực tế của lớp học, hoặc gây quá tải cho cả thầy và trò, thì chỉ dừng lại ở mức độ lý thuyết. Để đạt được mục tiêu của CT GDPT 2018, bài tập bổ trợ Luyện từ và câu lớp 2 và lớp 3 phải đảm bảo tính thực tiễn, có khả năng vận dụng hiệu quả vào quy trình dạy và học thực tế nhằm mang lại kết quả dạy học.

Sự khả thi của bài tập trước hết được xem xét ở thời lượng và cấu trúc

tiết học. Thực trạng cho thấy, GV tiểu học phải đối mặt với áp lực hoàn thành CT rất lớn, do đó bài tập bổ trợ được thiết kế theo hướng tinh gọn, trọng tâm, tránh câu lệnh rườm rà. Chẳng hạn, với bài 26: “Từ ngữ chỉ đặc điểm; câu nêu đặc điểm” Tiếng Việt 2 tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 29), thay vì đưa ra một danh sách dài các từ vựng ngẫu nhiên, bài tập bổ trợ tập trung vào 3-4 từ khóa xuất hiện ngay trong bài đọc “Ngày hôm qua đâu rồi”. HS có thể hoàn thành việc nối từ chỉ đặc điểm với sự vật tương ứng ngay tại lớp trong hoạt động củng cố, giúp GV kiểm soát mức độ hiểu bài mà không làm ảnh hưởng đến tiến trình dạy học.

Thứ hai, tính khả thi nằm ở sự tương thích với điều kiện cơ sở vật chất và phương pháp và hình thức dạy học đa dạng. Các bài tập trong đề tài được thiết kế với độ mở cao, không chỉ tồn tại dưới dạng phiếu bài tập giấy truyền thống mà còn dễ dàng chuyển đổi thành các slide trình chiếu hoặc trò chơi tương tác. Ví dụ, bài 6: “Biện pháp so sánh” Tiếng Việt 3 tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 29) được thiết kế theo dạng sơ đồ khuyết thiếu. GV có thể cho HS làm cá nhân trên giấy hoặc tổ chức dưới dạng trò chơi kéo thả trên bảng tương tác. Sự linh hoạt này giúp bài tập có thể ứng dụng tại nhiều trường học khác nhau, từ thành thị đến các điểm trường còn hạn chế về hạ tầng công nghệ.

Cuối cùng, tính khả thi còn được kiểm chứng bởi tính vừa sức của ngữ liệu và sự gần gũi với thực tiễn. Ngữ liệu được lựa chọn phải đảm bảo sự trong sáng, gắn liền với vốn từ vựng và trải nghiệm thực tế của các em em lứa tuổi 7-9. Ví dụ, trong chủ điểm “Hành tinh xanh của em” Tiếng Việt 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống), thay vì những thông điệp trừu tượng, bài tập đưa ra tình huống: “Hãy đặt một câu khiến để nhắc bạn bỏ rác vào thùng”. Vì đây là tình huống xảy ra hàng ngày, HS sẽ cảm thấy tự tin thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn tối thiểu. Khi các em thấy việc học gắn liền với việc ứng dụng, tính khả thi của đề tài sẽ được khẳng định rõ nét nhất thông qua kết quả học tập và sự hào hứng trong mỗi giờ học.

Từ nguyên tắc này, để xây dựng bài tập bổ trợ, ta cần:

- Câu lệnh ngắn gọn, rõ ràng: Cần sử dụng những câu lệnh ngắn, rõ ràng (như: tìm, nối, khoanh tròn, đặt câu). Việc này giúp HS hiểu ngay nhiệm vụ mà không mất thời gian hỏi lại GV.

- Đa dạng các hình thức trình bày: Thiết kế bài tập đa dạng, có thể in ra giấy làm phiếu học tập, nhưng cũng có thể nhanh chóng biến thành một trò

chơi trên slide PowerPoint hoặc một câu hỏi thảo luận nhóm.

- Lựa chọn tình huống thực tế: Luôn đặt câu hỏi liên quan đến trải nghiệm hằng ngày của HS. Chỉ khi các em thấy quen thuộc, bài tập mới thực sự dễ thực hiện và mang lại hiệu quả.

2.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính tích hợp

Khái niệm tích hợp được hiểu là sự kết nối hài hòa giữa nhiều mảng kiến thức và kỹ năng bổ trợ cho nhau ngay trong cùng một bài tập, tiết học hay hoạt động học. PP này không chỉ giúp tối ưu hóa thời gian học tập mà còn nâng cao đáng kể chất lượng giáo dục.

Quán triệt tinh thần này, CT Tiếng Việt cấp tiểu học, đặc biệt là lớp 2, 3, đã tạo nên một chỉnh thể thống nhất. Trong đó, các bài tập đọc đóng vai trò định hướng chủ đề chung cho toàn bộ quá trình giảng dạy.

Chính vì vậy, nội dung Luyện từ và câu luôn gắn bó với cấu trúc tích hợp nêu trên. Bài tập trong đề tài này được thiết kế dựa trên nền tảng chủ đề các bài tập đọc, đảm bảo bám sát và tuân thủ tuyệt đối các chủ điểm có trong SGK Tiếng Việt 2, 3.

2.1.5.1. Tích hợp nội môn

Tích hợp nội môn là hình thức then chốt, đóng vai trò là sợi dây liên kết, kết nối các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe trong một quy trình thống nhất. Lý thuyết sư phạm khẳng định rằng ngôn ngữ chỉ thực sự được chiếm lĩnh khi nó đặt trong một văn cảnh sống động. Trong cấu trúc SGK Tiếng Việt 2, 3 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, các bài đọc đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp ngữ liệu mẫu chuẩn mực.

Các bài tập bổ trợ Luyện từ và câu cần khai thác tối đa chất liệu ngôn ngữ từ các văn bản này để tạo ra sự đồng bộ. Việc tái sử dụng các câu văn, từ ngữ mà HS vừa được khám phá trong bài đọc không chỉ giúp các em củng cố nội dung ý nghĩa văn bản (tích hợp ngang) mà còn giúp nhận diện các kiểu ngôn ngữ (từ loại, kiểu câu, biện pháp tu từ) một cách tự nhiên. Thông qua việc mở rộng vốn từ và rèn luyện kỹ năng đặt câu theo chủ điểm, bài tập Luyện từ và câu cung cấp thành phần và cấu trúc thiết yếu để HS tự tin tạo lập văn bản ở giai đoạn sau.

Ví dụ khi học giờ Luyện từ và câu, bài 4: *“Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động”*, Tiếng Việt 2 tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 22), thay vì đưa ra các từ vựng ngẫu nhiên, bài tập bổ trợ sẽ yêu cầu HS tìm từ bài đọc các từ chỉ bộ phận của đồ dùng học tập và các từ chỉ đặc điểm tương ứng (ví dụ:

ngăn bàn - rộng rãi, mặt bàn - nhẵn bóng). Những từ ngữ này không chỉ giúp các em nắm chắc về từ loại mà còn là kho vốn từ sẵn có để các em hoàn thành bài viết đoạn văn tả đồ dùng học tập ở tiết học tiếp theo một cách trôi chảy, logic.

2.1.5.2. Tích hợp liên môn

Việc tích hợp với các môn học khác như Toán, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức... giúp HS nhận thức được sự hiện diện và sức mạnh của ngôn ngữ ở mọi lĩnh vực tri thức. Tri thức ngôn ngữ lúc này thoát li khỏi những khái niệm trừu tượng để trở thành phương tiện hữu hiệu giúp HS khám phá và giải đáp về thế giới xung quanh.

Khi xây dựng bài tập bổ trợ, việc khéo léo lồng ghép nội dung các môn học khác vào câu lệnh hoặc ngữ liệu sẽ giúp HS hình thành tư duy liên kết. Điều này không chỉ làm phong phú vốn từ cho HS mà còn giúp các em làm quen với việc sử dụng Tiếng Việt để diễn đạt các khái niệm khoa học, logic.

Ví dụ khi dạy học Luyện từ và câu bài 10: *“Mở rộng vốn từ về muông thú”*, Tiếng Việt 2 tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 44), GV có thể tích hợp bài học này bằng cách lồng ghép với môn Tự nhiên xã hội lớp 3 trong chủ đề “Thực vật và động vật”. Thông qua việc thiết kế bài tập Luyện từ và câu yêu cầu HS sử dụng mẫu câu Ai thế nào? để mô tả đặc điểm sinh trưởng của một loài cây. Chẳng hạn: “Thân cây dừa cao, gồ ghề và có nhiều đốt”. Bài tập này yêu cầu HS phải huy động cả kiến thức quan sát khoa học và kỹ năng về cấu trúc câu. Kết quả là các em vừa nắm vững cấu trúc, vừa khắc sâu kiến thức thực tế về thiên nhiên, từ đó phát triển tư duy hệ thống.

2.1.5.3. Tích hợp đa môn và giáo dục phẩm chất

Ở cấp độ cao nhất, tích hợp hướng tới việc giáo dục các vấn đề mang tính giá trị và nhân văn như: bảo vệ môi trường, kỹ năng sống, lòng nhân ái và tình yêu quê hương. Đây là sự giao thoa giữa kiến thức ngôn ngữ và việc hình thành các phẩm chất chủ yếu theo yêu cầu của CT 2018. Các bài tập bổ trợ lúc này đóng vai trò là những tình huống giả định, hướng HS đến việc sử dụng ngôn ngữ không chỉ đúng quy tắc mà còn phải chuẩn mực và có đạo đức.

Các chủ điểm trong SGK như “Hành tinh xanh” hay “Mái ấm gia đình” cung cấp một không gian lí tưởng để triển khai cấp độ tích hợp này. Ngôn ngữ được HS sử dụng phải phản ánh được thái độ, trách nhiệm và tình cảm của các em đối với cộng đồng và môi trường.

Ví dụ khi dạy Luyện từ và câu, bài 6: *“Từ ngữ chỉ hoạt động; câu nêu*

hoạt động” Tiếng Việt 3 tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 32), thay vì yêu cầu HS liệt kê từ một cách máy móc, bài tập có thể đưa ra nhiệm vụ: “Em hãy tìm 3 từ chỉ hoạt động thể hiện sự chăm sóc của em đối với cây xanh trong trường (như: tưới nước, bắt sâu, rào cây) và viết một câu khiến để khuyến khích các bạn cùng chung tay bảo vệ môi trường”. Qua đó, kiến thức về từ loại và kiểu câu được lồng ghép chặt chẽ với giáo dục ý thức công dân, giúp bài học trở nên gần gũi và đầy tính nhân văn.

Từ đây, để xây dựng bài tập bổ trợ, ta cần:

- Khai thác ngữ liệu từ bài đọc: Chọn lọc những từ ngữ, câu văn ngay trong bài tập đọc mà HS vừa học để thiết kế bài tập. Điều này giúp các em vừa ôn lại nội dung bài, vừa hiểu sâu về cách dùng từ.

- Tích hợp kiến thức linh hoạt với các môn học khác: Tìm kiếm những điểm chung giữa Tiếng Việt và các môn như Tự nhiên và Xã hội để đưa vào ngữ liệu. Ví dụ: dùng kiến thức về các loài vật đã học ở môn Tự nhiên và Xã hội để làm bài tập đặt câu nêu đặc điểm, hoạt động.

- Lồng ghép thông điệp giáo dục: Mỗi bài tập cần hướng đến một giá trị sống cụ thể (như yêu gia đình, yêu thiên nhiên) thông qua các tình huống thực tế, giúp HS vừa học chữ, vừa học làm người.

Tóm lại, việc quán triệt triệt để nguyên tắc tích hợp giúp bài tập bổ trợ trở nên hiệu quả hơn, chuyển trọng tâm từ dạy cái gì sang dạy cách vận dụng như thế nào. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa thời gian dạy học bằng cách giải quyết nhiều mục tiêu trong một hoạt động, mà còn giúp HS thấy được sự hữu ích, sống động của môn Tiếng Việt. Đây chính là nền tảng bền vững để khơi gợi hứng thú học tập, giúp HS tiểu học hình thành năng lực ngôn ngữ một cách tự nhiên, linh hoạt và đáp ứng trọn vẹn yêu cầu đổi mới của GDPT hiện nay.

2.1.6. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa

Trong nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học giáo dục nói riêng, việc tiếp nối và phát triển dựa trên thành quả của những người đi trước không chỉ là một yêu cầu tất yếu mà còn là quy luật vận động của tri thức. Khái niệm kế thừa tại đây được hiểu là quá trình tiếp thu có chọn lọc, kế thừa các giá trị cốt lõi và điều chỉnh những kết quả nghiên cứu sẵn có để tạo ra một mô hình mới phù hợp hơn với thực tiễn hiện đại. Vận dụng tinh thần đó, bài tập trong đề tài đã kế thừa một cách khoa học các dạng bài tập, PP luận từ các tác giả tiền bối và các bộ SGK, từ đó làm nền tảng để xây dựng nên các bài tập bổ trợ vừa mang tính truyền thống, vừa có tính đổi mới.

Sự kế thừa trước hết thể hiện ở việc tiếp thu các dạng bài tập Luyện từ và câu đã được khẳng định về giá trị sư phạm qua nhiều thế hệ. Những dạng bài như: điền từ vào chỗ trống, giải câu đố tìm từ, nối các cột tương ứng hay phát hiện từ khác loại... là những công cụ rèn luyện tư duy ngôn ngữ vô cùng hiệu quả cho HS tiểu học. Tuy nhiên, nguyên tắc kế thừa trong đề tài này không dừng lại ở việc lặp lại nguyên mẫu mà tập trung vào việc cải tiến và hiện đại hóa. Các bài tập đã giữ lại cấu trúc logic của các dạng bài này nhưng thay đổi về mặt ngữ liệu. Các câu văn, đoạn văn không còn phù hợp được thay thế bằng những ngữ liệu mới mẻ, bám sát các chủ điểm của bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống” như “Hành tinh xanh của em”, “Công trường rộng mở”, giúp HS vừa được rèn kỹ năng đã học, vừa được tiếp cận thông tin mới.

Bên cạnh đó, tính kế thừa còn được thể hiện rõ nét qua việc duy trì tính liên thông kiến thức giữa các cấp độ học và khối lớp. Các bài tập dành cho lớp 3 được thiết kế dựa trên sự kế thừa trực tiếp và nâng cao từ nền tảng kiến thức của lớp 2. Ví dụ, khi xây dựng bài “*Biện pháp tu từ so sánh*” Tiếng Việt 3 tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 29), đề tài đã kế thừa mạch kiến thức về “Từ chỉ đặc điểm” và “Từ chỉ sự vật” ở lớp 2. Sự kế thừa này giúp HS có một điểm tựa vững chắc; các em không phải tiếp nhận kiến thức mới dưới dạng những mảnh rời rạc mà thấy được sự phát triển đi lên của ngôn ngữ. Việc kế thừa có lộ trình như vậy giúp giảm thiểu rào cản nhận thức, tạo ra sự tự tin cho HS khi đối mặt với những yêu cầu phức tạp hơn của CT 2018.

Ngoài ra, xây dựng các bài tập bổ trợ, một mặt cần đảm bảo tính kế thừa các thành tựu từ những công trình nghiên cứu uy tín của các tác giả đi trước, một mặt cần đổi mới về hình thức trình bày và cách đặt yêu cầu bài tập (lệnh) để đảm bảo phù hợp với đặc điểm của HS lớp 2, 3.

Vận dụng nguyên tắc này vào xây dựng bài tập bổ trợ, ta cần:

- Chọn lọc các kiểu bài quen thuộc: Sử dụng lại những dạng bài dễ hiểu, để HS tập trung hoàn toàn vào suy nghĩ kiến thức.

- Cập nhật ngữ liệu mới: Thay thế các ví dụ đã cũ bằng những câu chuyện, sự việc thực tế gắn liền với các chủ điểm như “Hành tinh xanh của em” hay “Công trường rộng mở”.

- Xây dựng tính liên kết giữa các khối lớp: Khi soạn bài lớp 3, cần khéo léo nhắc lại kiến thức lớp 2 để tạo điểm tựa cho HS, giúp các em không bị choáng ngợp trước kiến thức mới.

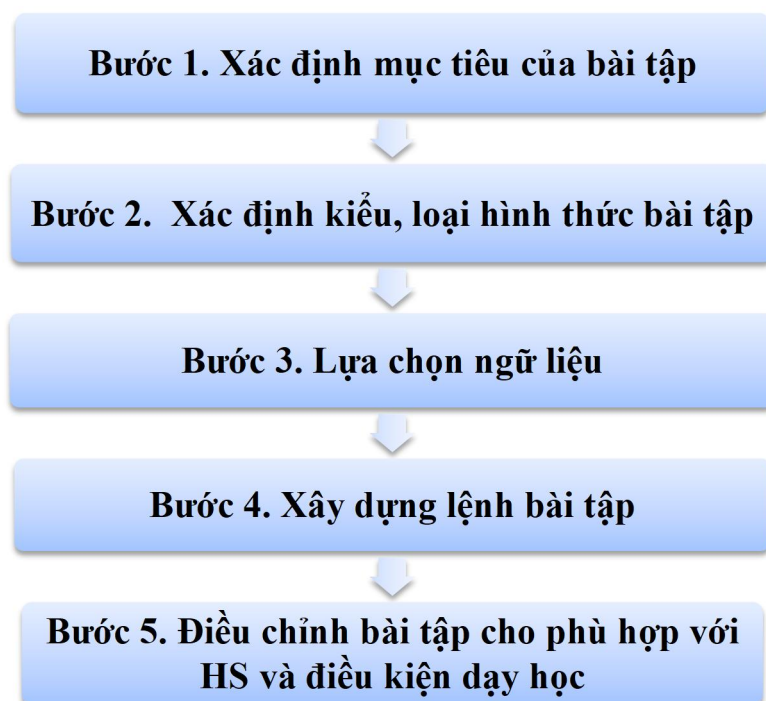
Như vậy, việc quán triệt nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa giúp các bài

tập bổ trợ có được sự vững chãi về mặt khoa học. Sự kết hợp hài hòa giữa việc giữ gìn các giá trị giáo dục tinh hoa của các tác giả đi trước và sự đổi mới sáng tạo để thích ứng với yêu cầu phát triển năng lực của CT GDPT 2018. Đây chính là chìa khóa để bộ bài tập trong khóa luận đạt được tính khả thi và hiệu quả cao nhất trong thực tiễn giảng dạy.

Tóm lại, toàn bộ bài tập bổ trợ được trình bày trên đây là kết quả của việc nghiên cứu, dung hòa và vận dụng đồng bộ 06 nguyên tắc cốt lõi: tính tích hợp, tính hệ thống, sự phù hợp với CT, tính vừa sức và sáng tạo, tính kế thừa và cuối cùng là tính khả thi. Sáu nguyên tắc này không tồn tại biệt lập mà có mối quan hệ biện chứng, bổ trợ và quy định lẫn nhau. Nếu tính hệ thống và sự phù hợp CT tạo nên nền tảng khoa học vững chắc, thì tính tích hợp và kế thừa tạo nên chiều sâu nội dung; trong khi tính vừa sức, sáng tạo và tính khả thi chính là động lực để các bài tập trở thành một công cụ hữu ích.

2.2. Quy trình xây dựng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3

Để xây dựng các bài tập bổ trợ phù hợp và phát huy hiệu quả trong dạy học Luyện từ và câu, GV cần thực hiện theo một quy trình khoa học, đảm bảo bám sát mục tiêu bài học và đặc điểm nhận thức của HS lớp 2, 3. Quy trình này không chỉ giúp bài tập có tính hệ thống, phù hợp với yêu cầu của CT GDPT 2018 mà còn góp phần nâng cao hứng thú học tập và năng lực sử dụng tiếng Việt cho HS. Biểu đồ 2.1 đã thể hiện các bước xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3.



Biểu đồ 2.1. Quy trình xây dựng các bài tập hỗ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3

Dưới đây là sự phân tích và làm rõ quy trình các bước.

- Bước 1. Xác định mục tiêu của bài tập

Đây là bước định hướng cho toàn bộ quá trình xây dựng bài tập. GV cần xác định rõ bài tập nhằm củng cố kiến thức, mở rộng vốn từ, rèn luyện kỹ năng đặt câu hay phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS. Mục tiêu bài tập phải bám sát yêu cầu cần đạt của CT GDPT 2018 và nội dung bài học trong SGK Tiếng Việt lớp 2, 3.

- Bước 2. Xác định kiểu, loại, hình thức bài tập

Sau khi xác định mục tiêu, GV lựa chọn dạng bài tập phù hợp như: nhận diện, phân loại, ghép nối, điền khuyết, đặt câu hay mở rộng vốn từ. Đồng thời, cần đa dạng hóa hình thức tổ chức như trò chơi học tập, phiếu học tập, nhìn tranh, hoạt động nhóm... nhằm tạo hứng thú và phát huy tính tích cực của HS.

- Bước 3. Lựa chọn ngữ liệu

Ngữ liệu sử dụng trong bài tập cần phù hợp với nội dung bài học, gần gũi với đời sống của HS lớp 2, 3 và có tính giáo dục. GV có thể lựa chọn ngữ liệu từ SGK, truyện thiếu nhi, tranh ảnh hoặc các tình huống thực tế gần gũi với địa phương để giúp HS dễ tiếp cận và vận dụng kiến thức.

- Bước 4. Xây dựng lệnh bài tập

Lệnh bài tập cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với khả năng nhận thức của HS tiểu học. Câu lệnh nên mang tính gợi mở, khuyến khích HS suy nghĩ và tham gia tích cực vào hoạt động học tập. Ví dụ: “Hãy tìm các từ chỉ hoạt động trong tranh” hoặc “Em hãy đặt một câu với từ đã cho”.

- Bước 5. Điều chỉnh bài tập phù hợp với HS và điều kiện dạy học

Sau khi xây dựng, GV cần điều chỉnh bài tập dựa trên trình độ HS, thời lượng tiết học và điều kiện thực tế của lớp học. Có thể tăng hoặc giảm độ khó, bổ sung gợi ý hoặc phân hóa nhiệm vụ để phù hợp với từng nhóm HS, giúp nâng cao hiệu quả sử dụng bài tập hỗ trợ trong dạy học.

2.3. Xây dựng các bài tập hỗ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3

Bài tập hỗ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt lớp 2, 3 được xây dựng dựa trên việc tuân thủ các nguyên tắc đã đề ra như: đảm bảo tính tích hợp, tính hệ thống, tính vừa sức, phát huy tính tích cực và phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS tiểu học. Đồng thời, quá trình xây dựng bài tập cũng bám sát quy trình gồm các bước: xác định mục tiêu, lựa chọn dạng bài tập, lựa chọn ngữ liệu, xây dựng câu lệnh và điều chỉnh bài tập phù hợp với đối tượng HS.

Các bài tập được triển khai theo ba mạch kiến thức chính trong dạy học Luyện từ và câu gồm: bài tập về từ, bài tập về câu và giao tiếp, bài tập về dấu câu. Các mạch bài tập được sắp xếp theo hướng từ đơn vị ngôn ngữ nhỏ đến lớn, từ nhận biết đến vận dụng, giúp HS từng bước hình thành và phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt trong học tập và giao tiếp hằng ngày.

2.3.1. Nhóm bài tập về từ

Trong nhiều nghiên cứu, nhóm bài tập này thường không đứng riêng lẻ mà hay được lồng ghép chung với việc giải thích nghĩa của từ. Với HS lớp 2 và lớp 3, đây là giai đoạn quan trọng để các em làm quen và bắt đầu tích lũy những vốn từ đầu tiên cho mình.

Vì vậy, GV cần chủ động xây dựng các bài tập hỗ trợ để giúp HS nắm chắc cách gọi tên và đặc điểm của từ ngữ. Những bài tập này không chỉ giúp các em nhớ mặt chữ mà còn là cầu nối để các em hiểu đúng ý nghĩa và biết cách dùng từ sao cho phù hợp với hoàn cảnh. GV có thể đưa các hoạt động này vào bài dạy mỗi ngày, nhất là khi giới thiệu từ mới, phân loại các nhóm từ (như từ chỉ người, vật, hay từ chỉ hoạt động, tính chất) để giúp vốn từ của các em thêm phong phú và sinh động hơn.

2.3.1.1. Mục tiêu xây dựng bài tập về từ

Mục tiêu của các bài tập này là giúp HS lớp 2, 3 hiểu rõ ý nghĩa của từ ngữ để không còn học vẹt hay dùng từ sai. Khi nắm chắc một từ tương ứng với sự vật hay hành động nào trong đời sống, các em sẽ tự tin hơn và biết cách chọn từ phù hợp với từng câu nói, đoạn văn cụ thể. Quan trọng hơn, việc hiểu sâu nghĩa của từ giúp các em làm giàu vốn từ vựng, biết cách sử dụng những từ ngữ sinh động và giàu hình ảnh để lời nói, bài viết trở nên hay và truyền cảm hơn.

2.3.1.2. Đặc điểm bài tập về từ

Đặc điểm nổi bật nhất của các bài tập dạy nghĩa từ cho lớp 2 và 3 là tính trực quan và sự gần gũi. Vì tư duy của các em ở độ tuổi này vẫn thiên về hình ảnh, nên bài tập thường đi kèm với tranh ảnh sinh động, sơ đồ hoặc vật thật để giải thích ý nghĩa. Nội dung các bài tập không hề xa lạ mà luôn xoay quanh những chủ điểm thân thuộc như gia đình, trường lớp hay thiên nhiên, giúp các em dễ dàng liên hệ giữa từ ngữ trong sách vở với thế giới thực tế xung quanh mình.

Bên cạnh đó, các bài tập này luôn gắn liền với ngữ cảnh thực tế thay vì những định nghĩa khô khan. Thay vì bắt HS học thuộc lòng ý nghĩa của từ, GV thường đặt từ ngữ vào trong một câu văn, đoạn văn hoặc một tình huống giao tiếp cụ thể. Cách thiết kế này giúp HS tự khám phá ra sắc thái biểu cảm và cách dùng từ đúng lúc, đúng chỗ, từ đó rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt, tự nhiên.

Các bài tập dạy nghĩa từ ở lứa tuổi này thường mang tính tương tác và vận động cao. Các dạng bài không chỉ dừng lại ở việc viết trên giấy mà thường được biến hóa thành các trò chơi thú vị như nối từ, giải ô chữ, tìm từ đồng nghĩa hay thi đố theo nhóm. Việc vừa học vừa chơi không chỉ giúp giải tỏa áp lực học tập mà còn kích thích sự hứng thú, giúp các em ghi nhớ nghĩa của từ lâu hơn và thêm yêu mến môn Tiếng Việt.

2.3.1.3. Các dạng bài tập cụ thể

Trong CT lớp 2 và 3, kiến thức về từ không chỉ dừng lại ở việc ghi nhớ mặt chữ mà quan trọng hơn là khả năng phân loại và hiểu rõ ý nghĩa. Khởi đầu cho mạch kiến thức này là các bài tập dạy nghĩa từ, giúp HS làm quen với ba nhóm từ loại cơ bản: từ chỉ sự vật, hoạt động và đặc điểm. Thông qua những hoạt động thực hành, các em được rèn luyện cách quan sát thế giới xung quanh và gọi tên chúng một cách chính xác. Việc xếp các thẻ từ vào

đúng nhóm chức năng chính là bước đầu giúp các em hình thành tư duy hệ thống và nắm vững đặc tính của ngôn ngữ.

Tiếp đến là nhóm bài tập giải nghĩa và mở rộng vốn từ theo chủ điểm, được xây dựng trên nguyên lý mở rộng dần từ những gì gần gũi trong gia đình đến thế giới rộng lớn hơn. Thay vì học thuộc lòng khô khan, HS sẽ được nối từ với lời giải nghĩa hoặc tìm các cặp từ đồng nghĩa để nhận ra sự khác biệt về sắc thái biểu cảm. Chẳng hạn, khi biết thêm từ “ngoan” để so sánh với từ “hiền”, các em sẽ tự xây dựng được một vốn từ phong phú, tạo nguồn tư liệu quý giá cho việc viết văn và diễn đạt sau này khi lên các lớp cao hơn.

Cuối cùng, mạch kiến thức được hoàn thiện thông qua các bài tập hệ thống hóa và vận dụng vốn từ. Đây là mức độ cao nhất, yêu cầu HS đưa từ vựng vào ngữ cảnh giao tiếp thực tế theo nguyên tắc từ trong văn cảnh. Thay vì đứng riêng lẻ, từ ngữ sẽ được đặt vào các bài tập điền từ hoặc chọn từ phù hợp để hoàn thiện đoạn văn. Điều này giúp HS lớp 2, 3 hiểu rõ sức mạnh của từ ngữ, từ đó biết cách chọn lựa từ sao cho lời nói và bài viết trở nên sinh động, thuyết phục và giàu hình ảnh hơn.

Để xây dựng các bài tập cụ thể, dựa vào quy trình xây dựng theo các bước sau:

- Bước 1. Xác định mục tiêu của bài tập về từ

Trước hết, GV cần xác định rõ mục tiêu của bài tập nhằm giúp HS: Nhận biết và phân loại được các nhóm từ cơ bản; Hiểu đúng nghĩa của từ; Mở rộng vốn từ theo chủ điểm; Biết sử dụng từ phù hợp trong giao tiếp và học tập. Đặc biệt, mục tiêu bài tập cần bám sát yêu cầu cần đạt của CT Tiếng Việt lớp 2, 3 và phù hợp với khả năng nhận thức của HS tiểu học.

- Bước 2. Xác định kiểu, loại và hình thức bài tập

Dựa vào mục tiêu đã xác định, GV lựa chọn các dạng bài tập phù hợp như: Tìm từ theo yêu cầu; Phân loại từ; Nối từ với nghĩa; Điền từ vào chỗ trống; Tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa; Đặt câu với từ cho trước.

Bên cạnh đó, GV có thể tổ chức bài tập dưới nhiều hình thức khác nhau như trò chơi học tập, hoạt động nhóm, phiếu học tập hoặc nhìn tranh - tìm từ nhằm tạo hứng thú cho HS trong quá trình học tập.

- Bước 3. Lựa chọn ngữ liệu

Ngữ liệu sử dụng trong bài tập cần gần gũi với đời sống của HS lớp 2, 3 và phù hợp với các chủ điểm quen thuộc như gia đình, trường học, thiên nhiên hay bạn bè. GV có thể sử dụng tranh ảnh, đoạn văn ngắn hoặc tình

huống giao tiếp thực tế để giúp HS dễ hiểu và dễ ghi nhớ nghĩa của từ. Việc lựa chọn ngữ liệu phù hợp sẽ giúp HS liên hệ kiến thức với thực tế, từ đó mở rộng và sử dụng vốn từ một cách tự nhiên hơn.

- Bước 4. Xây dựng lệnh bài tập

Lệnh bài tập cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với trình độ của HS tiểu học. Câu lệnh nên mang tính gợi mở để khuyến khích HS suy nghĩ và tham gia tích cực vào hoạt động học tập. Ví dụ: “Hãy tìm các từ chỉ hoạt động trong tranh.” hay “Em hãy nói từ với nghĩa thích hợp.”. Câu lệnh càng ngắn gọn, dễ hiểu, HS sẽ càng hiểu nhiệm vụ và tập trung hoàn thành hơn.

- Bước 5. Điều chỉnh bài tập phù hợp với HS và điều kiện dạy học

Sau khi xây dựng bài tập, GV cần điều chỉnh để phù hợp với trình độ của HS và điều kiện thực tế của lớp học. Với HS còn hạn chế, GV có thể giảm số lượng yêu cầu hoặc bổ sung gợi ý; với HS khá giỏi, có thể mở rộng bằng các bài tập vận dụng hoặc sáng tạo.

Ngoài ra, GV cũng cần linh hoạt thay đổi hình thức tổ chức nhằm tạo không khí học tập tích cực, giúp HS hứng thú và chủ động hơn trong việc học từ ngữ.

a. Dạng bài tập Dạy nghĩa của từ

Trong CT lớp 2 và 3, các bài tập dạy nghĩa từ giúp HS hiểu rõ bản chất ngôn ngữ thay vì học thuộc lòng máy móc. Để đạt hiệu quả cao nhất, GV cần triển khai các hoạt động này định kỳ trong các tiết Luyện từ và câu hoặc tiết tăng cường Tiếng Việt. Đối với HS ở độ tuổi này, cách tiếp cận tốt nhất là sử dụng hình ảnh trực quan hoặc vật thật. Khi bắt đầu bài học, GV dành 5-7 phút cho hoạt động quan sát, giúp HS kết nối ngay lập tức giữa tên gọi và sự vật thực tế, từ đó ghi nhớ vốn từ một cách tự nhiên và sinh động hơn.

Việc giải nghĩa từ thông qua ngữ cảnh cần được thực hiện thông qua các phiếu học tập hoặc thảo luận nhóm. GV có thể đưa ra một câu văn cụ thể và hướng dẫn các em tự suy đoán ý nghĩa từ ngữ dựa trên các thông tin xung quanh. Cách làm này không chỉ rèn luyện tư duy nhạy bén mà còn giúp các em biết cách vận dụng từ vựng linh hoạt, đúng lúc, đúng chỗ vào thực tế.

Để củng cố kiến thức, các bài tập nên được lồng ghép dưới hình thức trò chơi giải đố hoặc giải ô chữ trong 10 phút cuối tiết. GV nên tổ chức cho HS thi đua theo tổ để nói từ hoặc tìm từ tương ứng, khuyến khích các em chủ động khám phá ngôn ngữ. Sau mỗi hoạt động, việc thống kê kết quả và lấy ý kiến nhanh từ HS là bước quan trọng để GV kịp thời điều chỉnh độ khó, đảm

bảo các em nắm vững nghĩa của từ và tự tin hơn khi tạo lập những câu văn giàu cảm xúc.

Đặc biệt, dạng bài tập này có thể dùng cho mọi đối tượng HS, tức là HS cả lớp. Bài tập đưa ra yêu cầu tất cả các em đều hoàn thành được. Đây là mức tối thiểu đối với mức độ đánh giá HS của GV.

Ở dạng bài tập Dạy nghĩa của từ có thể thiết kế theo dạng sau:

1. Trò chơi học tập									
Bài tập 1: <i>Tìm từ điền vào ô trống theo các gợi ý dưới đây.</i>									
<i>- Lưu ý:</i>									
+ <i>Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về thiên nhiên</i>									
+ <i>Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp HS hứng thú, kích thích tư duy và giúp các em ghi nhớ các từ ngữ về chủ điểm.</i>									
+ <i>Dành cho đối tượng: HS đại trà.</i>									
+ <i>Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.</i>									
+ <i>Cách thức thực hiện: Sau khi HS thực hiện các bài tập trong SGK, GV tổ chức Trò chơi ô chữ cho HS ở hoạt động Vận dụng. GV chia lớp thành 2 đội chơi và lần lượt đưa ra các gợi ý để 2 đội tranh quyền trả lời.</i>									
1	G					N		Ó	
2				Ô					
3		C				Đ			G
4		Ò		G			N		
5	C			T			U		
6	V		C			Á			
7		T			N				M
8			Ờ	N			Y		

Gợi ý:

Hàng số 1: Chỗ đào sâu xuống lòng đất, miệng có hình tròn.

Hàng số 2: Loài cây lương thực có bắp.

Hàng số 3: Nơi người dân trồng lúa, không gian rộng lớn, mênh mông.

Hàng số 4: Nơi chứa nước tự nhiên tương đối lớn, chảy thường xuyên trên mặt đất, thuyền bè thường đi lại được.

Hàng số 5: Con vật nuôi để cày ruộng.

Hàng số 6: Nơi núi dựng đứng như những bức tường sừng sững giữa trời.

Hàng số 7: Khu dân cư ở nông thôn, có đời sống riêng về nhiều mặt.

Hàng số 8: Khu đất thường sát nhà, để trồng trọt lấy hoa quả.

Cho biết, từ khóa hàng dọc là gì?

Đáp án:

1	G	I	Ế	N	G	N	Ư	Ố	C
2		N	G	Ô					
3		C	Á	N	H	Đ	Ồ	N	G
4	D	Ò	N	G	S	Ô	N	G	
5	C	O	N	T	R	Â	U		
6	V	Á	C	H	Đ	Á			
7		T	H	Ô	N	X	Ó	M	
8	V	Ư	Ờ	N	C	Â	Y		

→ Từ khóa hàng dọc: ***nông thôn***

- Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về muông thú.

- Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp HS hứng thú, kích thích tư duy và giúp các em ghi nhớ các từ ngữ về chủ điểm này.

- Dành cho đối tượng: HS khá - giỏi.

- Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.

- Cách thức thực hiện: Sau khi đưa ra đề bài 1, GV có thể giao thêm đề bài 2 để HS khá-giỏi hoàn thành và chữa bài.

Bài tập 2: Tìm từ điền vào ô trống theo các gợi ý dưới đây

Gợi ý:

Hàng số 1: Thú dữ lớn, cùng họ với hổ, lông màu vàng hung, con đực có bờm.

Hàng số 2: Con gì có gạc trên đầu, lông đốm sao, tính tình nhút nhát?

Hàng số 3: Con gì cùng họ với hươu, không có đốm sao, mắt tròn ngơ ngác?

Hàng số 4: Con gì đuôi ngắn tai to, mắt hí, mũi khụt, ăn no lại nằm?

Hàng số 5: Con gì hai sừng cong vút, chăm chỉ giúp bác nông dân cày ruộng suốt ngày?

Hàng số 6: Con gì lông vằn da sọc, vuốt nanh, tiếng gầm vang dội?

1					
2					
3					
4					
5					
6					

Đáp án:

1					
2					
3					
4					
5					
6					

→ Từ khóa hàng dọc: **sơn lâm**

2. Vấn đáp

Bài tập 1:

- Lưu ý:

- + Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ chỉ đặc điểm (Tiếng Việt 2, 3)
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp kích thích tư duy HS trong thời gian ngắn và giúp các em ghi nhớ các từ ngữ chỉ đặc điểm mà các em trả lời được.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà (câu 1, 2); HS khá-giỏi (câu 3)
- + Thời điểm: Hoạt động Khởi động.
- + Cách thức thực hiện: Trước khi vào bài mới, GV kiểm tra bài cũ bằng cách đưa ra một số câu hỏi vấn đáp và gọi HS trả lời.

Câu 1: Trong các từ sau: “gan dạ, thông minh, hiền lành”, từ nào có nghĩa gần giống với từ “dũng cảm”?

→**Đáp án:** gan dạ

Câu 2: Em hãy thử thay thế từ “chăm chỉ” bằng một từ khác mà ý nghĩa của

→**Đáp án:** cần cù

câu sau vẫn không thay đổi: “ <i>Những bác nông dân đang chăm chỉ gặt lúa dưới cái nắng gay gắt của mùa hè.</i> ”	
Câu 3: Hai từ “gan dạ” và “liều lĩnh”, đều chỉ việc không sợ nguy hiểm. Theo em, khi muốn khen ngợi một người dũng cảm cứu người, ta nên dùng từ nào? Vì sao?	→ Đáp án: + Dùng từ “gan dạ”. + Vì “gan dạ” mang sắc thái tích cực, khen ngợi sự bản lĩnh. Còn “liều lĩnh” mang sắc thái tiêu cực, chỉ việc làm thiếu suy nghĩ, bất chấp hậu quả.
Bài tập 2: - Lưu ý: + Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ chỉ hoạt động (Tiếng Việt 2, 3) + Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp kích thích tư duy HS trong thời gian ngắn và giúp các em ghi nhớ các từ ngữ chỉ hoạt động mà các em trả lời được. + Dành cho đối tượng: HS đại trà (câu 1, 2); HS khá-giỏi (câu 3). + Thời điểm: Hoạt động Khởi động + Cách thức thực hiện: Tương tự đề 1	
Câu hỏi 1: Trong câu “Bạn Lan đang viết bài”, từ nào chỉ hoạt động của Lan?	→ Đáp án: viết
Câu hỏi 2: Khi ở nhà, em thấy mẹ thường làm những việc gì để chăm sóc gia đình?	→ Đáp án: nấu cơm, quét dọn, giặt quần áo, chăm sóc mọi người...
Câu hỏi 3: Từ “suy nghĩ” có phải là từ chỉ hoạt động không? Vì sao?	→ Đáp án: + Từ “suy nghĩ” là từ chỉ hoạt động. + Vì nó là hoạt động của trí óc để tìm hiểu và giải quyết vấn đề.
3. Câu đố Bài tập 1: - Lưu ý: + Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ chỉ sự vật (Tiếng Việt 2, 3) + Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp các em hứng thú trong việc suy nghĩ tìm câu trả lời và ghi nhớ các từ ngữ chỉ sự vật mà các em trả lời được.	

+ <i>Dành cho đối tượng: HS đại trà.</i> + <i>Thời điểm: Hoạt động Khởi động.</i> + <i>Cách thức thực hiện: Trước khi vào bài mới, GV kiểm tra bài cũ hoặc dẫn dắt bằng cách đố HS các câu đố từ ngữ về chủ đề đã học.</i>	
Câu 1: Da đủ sắc, ruột đen thâu Đi đến đâu, bảo chữ cho nhau đến đó. (Là cái gì?)	→ Đáp án: bút chì
Câu 2: Chẳng có chân, chẳng có tay Mà sao lại biết đi ngày đi đêm? (Là cái gì?)	→ Đáp án: đồng hồ
Đề bài 2 - <i>Lưu ý:</i> + <i>Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về hoạt động thể thao, vui chơi (Tiếng Việt 2, 3)</i> + <i>Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp kích thích tư duy HS trong thời gian ngắn để tìm câu trả lời và ghi nhớ nhóm từ về hoạt động thể thao, vui chơi.</i> + <i>Dành cho đối tượng: HS khá - giỏi.</i> + <i>Thời điểm: Hoạt động Khởi động.</i> + <i>Cách thức thực hiện: GV đưa ra thêm hai câu đố dành cho HS khá - giỏi.</i>	
Câu 1: Hai đội đuổi theo một quả tròn Chân chuyên, chân sút, chạy lon ton Lưới rung, khán giả reo hò lớn Đố bạn hoạt động ấy tên là gì?	Câu 2: Chẳng cần đôi cánh vẫn vút cao? Không phải đâu, tó ở dưới ao Tay quạt, chân đạp, mình lướt sóng Đố bạn hoạt động này là sao?
<i>Đáp án: đá bóng</i>	<i>Đáp án: bơi</i>
4. Trắc nghiệm khách quan Đề bài 1 <i>Lưu ý:</i> + <i>Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ có nghĩa giống nhau (Tiếng Việt 3)</i> + <i>Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp HS nhận diện, vận dụng được các cặp từ có nghĩa giống nhau.</i>	

A. ngăn nắp	C. tối tăm
B. sạch sẽ	D. bừa bãi

→ **Đáp án: D**

Câu 3: Tại sao tác giả lại dùng cặp từ trái nghĩa “nhỏ” và “lớn” trong câu: “Việc nhỏ nghĩa lớn”?

- A. Để câu văn dài hơn và khó đọc hơn.
- B. Để nhấn mạnh rằng dù hành động nhỏ nhưng mang lại giá trị rất cao đẹp.
- C. Vì tác giả không tìm được từ nào khác.
- D. Để trẻ em dễ học thuộc lòng hơn.

→ **Đáp án: B**

5. Ghép (nối)

Lưu ý:

- + Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ chỉ sự vật, hoạt động (Tiếng Việt 2, 3)
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: HS nhận biết và ghi nhớ các từ chỉ sự vật, hoạt động.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà (câu 1); HS khá - giỏi (câu 2)
- + Thời điểm: Hoạt động Luyện tập
- + Cách thức thực hiện: GV lồng ghép bài tập bổ trợ cùng với các bài tập trong SGK, gọi HS lên bảng làm bài.

Đề bài 1: Nối từ chỉ hoạt động ở cột A với nghĩa tương ứng ở cột B.

Câu 1:

A	Nối	B
1. Chạy		a. là hoạt động di chuyển bằng chân với tốc độ nhanh.
2. Đứng		b. là tư thế chân thẳng, chỉ có chân đặt trên mặt nền, chống đỡ cả toàn thân, phân biệt với nằm, ngồi.
3. Bơi		c. phát ra âm thanh theo giai điệu bằng giọng nói.
4. Hát		d. là di chuyển trong nước hoặc di chuyển nổi trên mặt nước bằng cử động của cơ thể.

Câu 2:

A	B	Nối
1. Đi bộ	a. Di chuyển cực nhanh, thường là để đuổi kịp cái gì đó.	

2. Lao	b. Di chuyển từng bước trên mặt đất với tốc độ bình thường.	
3. Rượt đuổi	c. Di chuyển nhanh, mạnh về phía trước như một mũi tên.	

Câu 1: → Đáp án: 1-a, 2-b, 3-d, 4-c

Câu 2: → Đáp án: 1-b, 2-c, 3-a

Bài tập 2:

Câu 1: Nối nhóm sự vật ở cột A với các từ ngữ tương ứng ở cột B.

A	B	Nối
1. đồ dùng học tập	a. bố, mẹ, thầy giáo, bạn bè.	
2. loài vật	b. hoa hồng, cây bàng, cây phượng.	
3. con người	c. thước kẻ, bút chì, cặp sách.	
4. cây cối	d. con mèo, chú voi, chim sẻ.	

Câu 2: Nối sự vật ở cột A với mô tả tương ứng ở cột B sao cho phù hợp nhất.

A	B	Nối
1. Cầu vồng	a. là dòng nước chảy từ trên cao xuống, trắng xóa.	
2. Ngọn thác	b. là dải màu xuất hiện trên bầu trời sau cơn mưa.	

Câu 1: → Đáp án: 1-c, 2-d, 3-a, 4-b

Câu 2: → Đáp án: 1-b, 2-a

6. Nhìn tranh, trả lời câu hỏi

Bài tập 1

- Lưu ý:

+ Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về nghề nghiệp (Tiếng Việt 2, 3)

+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS các từ về chủ đề nghề nghiệp.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà và HS khá-giỏi.

+ Thời điểm: Hoạt động Luyện tập

+ Cách thức thực hiện: GV lồng ghép bài tập bổ trợ cùng với các bài tập trong SGK, phát phiếu cho HS làm bài.

Câu 1: Viết các từ chỉ nghề nghiệp được mô tả trong các tranh sau:



.....



.....



.....

Câu hỏi (dành cho HS khá-giỏi): Em hãy đặt câu có các từ chỉ nghề nghiệp vừa tìm được.

→ **Đáp án:**

- + bác sĩ, giáo viên, lính cứu hỏa.
- + Gợi ý: Ước mơ của em là trở thành bác sĩ để chữa bệnh cứu người.

Bài tập 2:

- Lưu ý:

- + Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về các hiện tượng tự nhiên (Tiếng Việt 2, 3)
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng các từ về chủ đề hiện tượng tự nhiên.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà
- + Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.
- + Cách thực hiện: GV lồng ghép bài tập bổ trợ cùng với các bài tập trong SGK, phát phiếu cho HS làm bài.

Bài 1: Nhìn tranh, viết các từ chỉ hiện tượng tự nhiên.



.....



.....



.....

Bài 2: Từ các hiện tượng tự nhiên ở bài 1, em hãy:

- a. Kể tên ít nhất 3 từ chỉ hiện tượng tự nhiên khác:
- b. Tìm một số từ chỉ đặc điểm của một trong số các hiện tượng tự nhiên em vừa kể (dành cho HS khá-giỏi)

Bài 1: → Đáp án: nắng, mưa, sấm sét.

Bài 2: → Đáp án:

- a. lốc xoáy, bão, động đất...
- b. Gợi ý: Bão: ào ạt, nguy hiểm...

7. Phân loại

Bài tập 1

- Lưu ý:

+ Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm (Tiếng Việt 2, 3)

+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp HS phân biệt được các từ chỉ hoạt động, đặc điểm.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà và HS khá - giỏi.

+ Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.

+ Cách thức thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cùng các bài tập trong SGK, gọi HS trả lời.

Bài 1: Sắp xếp các từ sau vào nhóm từ phù hợp: quét, trắng tinh, mùa, cao lớn, nấu, xinh xắn, nhảy, tròn xoe.

Từ chỉ hoạt động	Từ chỉ đặc điểm

Bài 2: (Dành cho HS khá-giỏi)

Em hãy gạch một gạch dưới từ chỉ hoạt động và gạch hai gạch dưới từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn sau:

“Mặt trời tỏa nắng rực rỡ xuống cánh đồng, những bông lúa vàng óng uốn câu vì nặng hạt. Thấp thoáng trên biển lúa vàng, các bác nông dân đang hăng hái gặt lúa.”

Câu 1:

→ Đáp án:

Từ chỉ hoạt động	Từ chỉ đặc điểm
quét, mùa, nấu, nhảy	trắng tinh, cao lớn, xinh xắn, tròn xoe

Câu 2:

→ Đáp án:

“Mặt trời tỏa nắng rực rõ xuống cánh đồng, những bông lúa vàng óng uốn câu vì nặng hạt. Thấp thoáng trên biển lúa vàng, các bác nông dân đang hăng hái gặt lúa.”

Đề bài 2:

- Lưu ý:

+ Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ ngữ chỉ sự vật (Tiếng Việt 2, 3)

+ <i>Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp HS phân biệt được các từ chỉ sự vật; sắp xếp và phân loại các nhóm từ ngữ.</i> + <i>Dành cho đối tượng: HS đại trà và HS khá - giỏi.</i> + <i>Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.</i> + <i>Cách thức thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cũng các bài tập trong SGK, gọi HS trả lời.</i>
Bài 1: Tìm các từ theo yêu cầu sau: - Các từ chỉ hoạt động: - Các từ chỉ đặc điểm: Bài 2: (Dành cho HS khá - giỏi) Trong đoạn văn sau có rất nhiều từ chỉ sự vật. Em hãy phân loại chúng thành hai nhóm: Từ chỉ người/vật và Từ chỉ thời gian: “Cái đồng hồ tích tắc, tích tắc, báo phút, báo giờ. Con gà trống gáy vang ò ó o, báo cho mọi người biết trời sắp sáng, mau mau thức dậy. Con tu hú kêu tu hú, tu hú. Thế là sắp đến mùa vải chín.”
Bài 1: → Đáp án: - Các từ chỉ sự vật: hoa, cây, mặt trời, gió, mây... - Các từ chỉ hoạt động: chạy, nhảy, đi, đứng, múa, hát... - Các từ chỉ đặc điểm: cao, nhỏ, thấp, tròn... Bài 2: → Đáp án: - Nhóm từ chỉ người/vật: đồng hồ, gà trống, người, tu hú, vải. - Nhóm từ chỉ thời gian: phút, giờ, mùa vải chín.
8. Tích hợp - <i>Lưu ý:</i> + <i>Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ ngữ chỉ hoạt động (Tiếng Việt 2, 3)</i> + <i>Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp HS phân biệt được các từ chỉ hoạt động.</i> + <i>Dành cho đối tượng: HS đại trà và HS khá - giỏi.</i> + <i>Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.</i> + <i>Cách thức thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cũng các bài tập trong SGK, gọi HS trả lời.</i>
Bài tập: Cho các từ sau: “chạy, nhảy, hát, múa”, hãy đặt 1 - 3 câu nêu hoạt động.

→ **Đáp án:**

- Báo săn chạy rất nhanh.
- Sóc nâu leo trèo, nhảy nhót.
- Mẹ em hát rất hay!
- Diễn viên múa múa rất đẹp!

Như vậy, nhóm bài tập hiểu nghĩa từ có vai trò quan trọng trong việc giúp HS nắm vững nội dung ngôn ngữ. Khi hiểu đúng nghĩa của từ, HS sẽ có cơ sở để sử dụng từ ngữ chính xác, góp phần nâng cao hiệu quả giao tiếp và học tập.

b. Nhóm bài tập Mở rộng vốn từ

Mỗi chúng ta đều sở hữu một vốn từ riêng biệt, được tích lũy liên tục để phục vụ cho mọi hoạt động từ suy nghĩ nội tâm đến trò chuyện hằng ngày. Chúng ta làm giàu kho báu này qua hai con đường: một là sự tiếp nhận tự nhiên khi lắng nghe mọi người xung quanh hay đọc trang sách báo; hai là thông qua quá trình học tập bài bản, có mục đích rõ ràng trên ghế nhà trường.

Trong khi việc tiếp nhận tự nhiên giúp hình thành nền tảng ngôn ngữ đời thường, thì việc học tập chủ động lại giúp HS biết cách tổ chức và phân loại từ ngữ một cách khoa học. Khi các từ vựng được sắp xếp ngăn nắp trong trí não theo từng chủ điểm hay sắc thái ý nghĩa, các em sẽ không còn lúng túng khi phải diễn đạt ý tưởng của mình. Chính nhờ quá trình tích lũy và tổng hợp này, HS có thể dễ dàng gọi tên chính xác cảm xúc, sự vật mình cần, từ đó giúp việc giao tiếp trở nên nhanh chóng, tự tin và giàu sức thuyết phục hơn. Việc mở rộng vốn từ vì thế không chỉ là học thêm từ mới, mà còn là học cách làm chủ ngôn ngữ để mở cánh cửa kết nối với thế giới xung quanh.

Nhóm bài tập mở rộng vốn từ nên được sử dụng thường xuyên trong các tiết Luyện từ và câu. Để đạt hiệu quả cao nhất, GV có thể dành khoảng 15 - 20 phút trong phần luyện tập để HS thực hiện các yêu cầu này. Quy trình bắt đầu bằng việc khơi gợi sự liên tưởng qua những chủ đề gần gũi mà các em được học trong CT SGK Tiếng Việt. Điều này khuyến khích các em huy động tối đa vốn hiểu biết sẵn có để tìm kiếm và gọi tên các từ ngữ liên quan.

Cách thực hiện cụ thể là GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm hoặc cá nhân thông qua các phiếu bài tập có tính phân hóa. Với mức độ cơ bản, các em sẽ thực hiện các thao tác như tìm từ theo ô trống hoặc ghép các thẻ chữ để

tạo thành nhóm từ cùng chủ điểm. Ở mức độ nâng cao hơn, GV hướng dẫn HS sáng tạo bằng cách đặt câu với từ vừa tìm được. Việc chia nhỏ thời gian và đa dạng hóa hình thức làm bài giúp mọi đối tượng HS đều có thể tham gia, từ đó giúp các em không chỉ tích lũy thêm từ mới mà còn biết cách sắp xếp vốn từ của mình một cách linh hoạt và tự tin.

Đặc biệt, dạng bài tập này có thể dùng cho mọi đối tượng HS, tức là HS cả lớp. Bài tập đưa ra yêu cầu tất cả các em đều hoàn thành được. Đây là mức tối thiểu đối với mức độ đánh giá HS của GV. Ngoài ra, với các mức độ phân hóa, GV có thể thiết kế thêm các bài tập dành cho HS khá giỏi, để các em phát huy năng lực của mình.

Các dạng bài tập cụ thể như:

**** Mở rộng vốn từ theo quan hệ ngữ nghĩa***

Để giúp HS làm giàu vốn từ một cách tự nhiên, PP sử dụng hình ảnh minh họa (trực quan) đóng vai trò rất quan trọng. GV có thể thiết kế các dạng bài tập như: nhìn tranh gọi tên sự vật, tìm từ tương ứng với nội dung hình vẽ hoặc nối từ ngữ cho sẵn với hình ảnh phù hợp. Qua việc quan sát và đối chiếu giữa chữ viết với hình ảnh thực tế, HS sẽ hiểu sâu và ghi nhớ nghĩa của từ một cách sinh động, tránh việc học vẹt.

Bên cạnh đó, việc mở rộng vốn từ theo các nhóm ý nghĩa (quan hệ ngữ nghĩa) cũng là một hướng tiếp cận hiệu quả. GV có thể xây dựng các bài tập yêu cầu HS tìm từ theo từng chủ điểm hoặc dựa trên các văn bản đã học.

- Với bài tập có từ mẫu hoặc văn bản sẵn có: GV hướng dẫn HS dựa vào mẫu đó để tìm thêm các từ cùng nhóm hoặc cùng lĩnh vực liên quan.

- Với bài tập không có từ mẫu: GV cần xác định rõ phạm vi kiến thức mà các em cần hướng tới. Để HS không bối rối, GV nên đưa ra một vài ví dụ minh họa ban đầu, giúp các em nắm bắt được quy luật và định hướng đúng yêu cầu của bài tập.

Cách làm này giúp HS không chỉ tăng thêm lượng từ vựng mà còn biết cách sắp xếp chúng thành từng nhóm kiến thức rõ ràng trong tư duy.

**** Mở rộng vốn từ theo cấu tạo từ***

Trong quá trình hướng dẫn HS mở rộng vốn từ thông qua cách cấu tạo, GV nên lấy các từ mẫu làm cơ sở. Từ đó, phân tích để HS nhận diện đó là loại từ ghép có nghĩa bao quát (tổng hợp) hay từ ghép để phân loại chi tiết, từ đó định hướng cho các em tìm thêm các từ tương tự.

Một lưu ý quan trọng là GV cần giải thích rõ mục tiêu của bài tập là tìm

từ có nghĩa, tránh nhầm lẫn với các cụm từ dài. Tuy nhiên, đối với HS lớp 2 và lớp 3 vốn chưa được làm quen nhiều với các khái niệm về từ học. Chính vì vậy GV nên có cái nhìn linh hoạt. Nếu các em tìm được những tổ hợp từ phù hợp với ngữ cảnh dù chưa hoàn toàn đúng về mặt loại hình vẫn nên ghi nhận để khích lệ tinh thần học tập.

*** Mở rộng vốn từ theo phạm vi sử dụng**

Dựa trên phân loại các lớp từ Tiếng Việt theo phạm vi sử dụng gồm: từ toàn dân, từ địa phương, thuật ngữ, từ nghề nghiệp, tiếng lóng, GV xây dựng thành các dạng bài tập khác nhau để giúp HS phân loại được các nhóm từ này. Để HS thực hiện tốt dạng bài tập này, GV cần lưu ý HS nắm vững yêu cầu của bài tập; xác định các tiêu chí phân loại từ. Sau đó, GV hướng dẫn HS sử dụng các tiêu chí này để xử lý tập hợp từ cần phân loại.

Các dạng bài tập cụ thể:

1. Trò chơi học tập

* Lưu ý:

- Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về thành thị, nông thôn. (Tiếng Việt 2)
- Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng vốn từ cho HS các từ về thành thị, nông thôn.
- Dành cho đối tượng: HS đại trà, HS khá - giỏi.
- Thời điểm: Hoạt động Khởi động.
- Cách thức thực hiện: GV tổ chức trò chơi, chia lớp thành 2 đội dành quyền trả lời, tìm các từ bí ẩn ở hàng ngang và từ khóa.

Bài tập: Tìm từ thích hợp điền vào ô theo các gợi ý dưới đây:

1		S		Ê		T				
	H				P		Ố			2
3					C			Ố		
4			N			N	H			T
5			V		A					
	X			U		T				6
T	R		O					C		7
	C				V	I				8

Gợi ý:

Hàng 1: Nơi bày bán rất nhiều hàng hóa, có xe đẩy và thanh toán tại quầy.
Hàng 2: Nơi có nhiều xe cộ ngược xuôi, đèn xanh đèn đỏ, nhà cao chọc trời.
Hàng 3: Tên gọi khác của những tòa nhà cao tầng, chọc trời.
Hàng 4: Từ chỉ sự đông đúc, có rất nhiều người và âm thanh ồn ào, tươi vui.
Hàng 5: Đường nằm sát bên đường, dành cho người bộ hành đi lại an toàn.
Hàng 6: Phương tiện giao thông công cộng chở rất nhiều người cùng lúc.
Hàng 7: Ngôi nhà thứ hai của tuổi học trò, nơi nâng cánh cho những ước mơ bay xa.
Hàng 8: Nơi rộng lớn có nhiều cây xanh, ghế đá để mọi người đến thư giãn, tập thể dục.
Từ khóa hàng dọc là gì (dành cho HS khá - giỏi)

→ Đáp án:

1		S	I	Ê	U	T	H	I		
T	H	À	N	H	P	H	Ồ			2
3					C	A	O	Ồ	C	
4			N	Á	O	N	H	I	Ê	T
5			V	Ỉ	A	H	È			
	X	E	B	U	Ý	T				6

→ Từ trong khóa hàng dọc (GV đưa ra gợi ý: Thêm dấu thanh để tìm ra ô chữ hàng dọc. Từ khóa là: **Thành thị**)

2. Vấn đáp

Bài tập 1:

* Lưu ý

- Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về nhà trường (Tiếng Việt 3)
- Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp HS mở rộng các từ về nhà trường.
- Dành cho đối tượng: HS đại trà (câu 1); HS khá - giỏi (câu 2)
- Thời điểm: Hoạt động Khởi động.
- Cách thực hiện: Đầu giờ, GV đưa ra một số câu hỏi, gọi HS trả lời để kiểm tra bài cũ.

Câu 1: Khi nhắc đến “trường học”, em nghĩ về hình ảnh nào đầu tiên?

Câu 2: Hãy dùng một từ để tả về giờ ra chơi ở trường em.

Câu 1: → Đáp án: lớp học, sân trường, hàng cây, thầy cô, bạn bè...

Câu 2: → Đáp án: nô nức, náo nhiệt...

Bài tập 1: Khoanh vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng.

* Lưu ý - Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về thiên nhiên (Tiếng Việt 3). - Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS các từ về thiên nhiên. - Dành cho đối tượng: HS đại trà (câu 1); HS khá-giỏi (câu 2) - Thời điểm: Hoạt động Vận dụng - Cách thực hiện: GV đưa ra một số câu hỏi trắc nghiệm để HS vận dụng và củng cố kiến thức.
Câu 1: Em hãy chọn từ chỉ đặc điểm phù hợp nhất để điền vào chỗ trống: “Dòng sông quê em chảy quanh co, giữa hai bờ cỏ ...”. A. chăm chỉ B. xanh mướt C. hiền lành D. vàng rực Câu 2: Tại sao rừng lại được gọi là “lá phổi xanh” của con người? A. Vì rừng có rất nhiều hoa đẹp. B. Vì rừng là nơi chúng ta đi du lịch. C. Vì rừng có nhiều sông ngòi chảy qua. D. Vì cây xanh giúp làm sạch không khí để chúng ta được hít thở bầu không khí trong lành.
Câu 1: → Đáp án: B Câu 2: → Đáp án: D
Bài tập 2: Khoanh vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng. * Lưu ý - Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về thư viện (Tiếng Việt 3) - Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ về thư viện. - Dành cho đối tượng: HS đại trà (câu 1, 2); HS khá - giỏi (câu 3) - Thời điểm: Hoạt động Vận dụng - Cách thực hiện: GV đưa ra một số câu hỏi trắc nghiệm để HS vận dụng và củng cố kiến thức.
Câu 1: Đây là những sự vật thường xuất hiện trong thư viện? A. cái bảng, phấn viết, sân chơi, hộp bút. B. giá sách, bàn đọc, thẻ thư viện, sách báo. C. bếp nấu, tủ lạnh, bát đũa, nồi. D. cây bàng, quả bóng, xích đu, ghế đá.

Câu 2: Khi muốn mượn sách về nhà, em cần dùng loại giấy tờ nào sau đây?

- A. thẻ thư viện
- B. thẻ học sinh
- C. giấy khen
- D. vở bài tập

Câu 3: Dòng nào dưới đây chứa các từ ngữ chỉ đúng thái độ khi chúng ta sử dụng sách thư viện?

- A. cẩn thận, trân trọng, giữ gìn.
- B. nhanh chóng, vội vàng, qua loa.
- C. tùy ý, thoải mái, tự do.
- D. mạnh tay, ẩu đoảng, lơ là.

Câu 1: → Đáp án: B

Câu 2: → Đáp án: D

Câu 3: → Đáp án: A

3. Giải câu đố

* Lưu ý

- Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ chỉ đồ dùng học tập (Tiếng Việt 2).
- Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ về đồ dùng học tập.
- Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- Thời điểm: Hoạt động Khởi động.
- Cách thực hiện: GV đọc HS một số câu đố về đồ dùng học tập và dẫn dắt vào bài mới.

Câu 1:

Bốn chân đứng vững một nơi
Quanh năm giúp bé học bài, ngồi chơi
Chẳng đi, chẳng bước bao giờ
Mà sao bé gọi, tớ chờ bé ngay?
(Là cái gì?)

Đáp án: bàn học

Câu 2:

Mình dài lại có vạch chia
Giúp em kẻ thẳng, chẳng lìa một li
Bạn cùng bút mực, bút chì
Đó em biết được, đó là cái gì?
(Là cái gì?)

Đáp án: thước kẻ

Đề bài

* Lưu ý

- Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ chỉ đồ chơi (Tiếng Việt 2).
- Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ chỉ đồ chơi.

- Dành cho đối tượng: HS đại trà. - Thời điểm: Hoạt động Vận dụng. - Cách thực hiện: GV đưa ra một số câu hỏi trắc nghiệm để HS vận dụng và củng cố kiến thức.														
Câu 1: Mắt tròn, môi đỏ, tóc xinh Thân hình nhỏ nhắn, trông thật là yêu Các bạn gái thích chiều chiều Bé bông, thay váy, dập dìu dạo chơi. (Là cái gì?)	Câu 2: Mình tròn như chiếc bánh bao Không chân mà chạy vèo vèo trên sân Cứ hề thấy nó lại gần Người ta lại đá, chẳng ngần ngại chi. (Là cái gì?)													
Đáp án: búp bê		Đáp án: quả bóng												
4. Ghép (nối) * Lưu ý - Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng về gia đình (Tiếng Việt 2) - Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ về gia đình. - Dành cho đối tượng: HS đại trà. - Thời điểm: Hoạt động Vận dụng. - Cách thực hiện: GV đưa ra một số câu hỏi trắc nghiệm để HS vận dụng và củng cố kiến thức.														
Bài tập: Em hãy nối các tiếng ở cột trái với tiếng ở cột phải để tạo thành các từ chỉ Tình cảm gia đình:														
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tiếng</th><th>Tiếng</th><th>Từ nối</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1, yêu</td><td>a, thảo</td><td>1 -</td></tr> <tr> <td>2, kính</td><td>b, trọng</td><td>2 -</td></tr> <tr> <td>3, hiếu</td><td>c, quý</td><td>3 -</td></tr> </tbody> </table>	Tiếng	Tiếng	Từ nối	1, yêu	a, thảo	1 -	2, kính	b, trọng	2 -	3, hiếu	c, quý	3 -		
Tiếng	Tiếng	Từ nối												
1, yêu	a, thảo	1 -												
2, kính	b, trọng	2 -												
3, hiếu	c, quý	3 -												
→ Đáp án: 1-c, 2-b, 3-a														
* Lưu ý - Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng về tình cảm gia đình (Tiếng Việt 2). - Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ về tình cảm gia đình. - Dành cho đối tượng: HS đại trà. - Thời điểm: Hoạt động Vận dụng. - Cách thực hiện: GV đưa ra một số câu hỏi trắc nghiệm để HS vận dụng và củng cố kiến thức.														
Đề bài: Em hãy nối từ chỉ tình cảm ở cột A với hành động tương ứng ở cột														

B.

A	B	Nói
1, quan tâm	a, nghe lời chỉ bảo của ông bà, cha mẹ và chăm chỉ học tập.	
2, kính trọng	b, luôn hỏi han, chăm sóc khi người thân bị mệt hoặc gặp chuyện buồn.	
3, hòa thuận	c, nhường nhịn, yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau giữa anh chị em.	

→ Đáp án: 1-b, 2-a, 3-c

5. Nhìn tranh, trả lời câu hỏi

* Lưu ý

- Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ chỉ hoạt động (Tiếng Việt 2).
- Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ chỉ hoạt động.
- Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.
- Cách thực hiện: GV đưa ra một số câu hỏi trắc nghiệm để HS vận dụng và củng cố kiến thức.

Đề bài: Nhìn tranh kể tên các sự vật và hoạt động của các nhân vật.



→ **Đáp án:**



- Sự vật: cây cối, cỏ, ngôi nhà, trời, xích đu...
- Hoạt động: đọc sách, vẽ, đá bóng, nhò, đu xích đu...



- Sự vật: tủ lạnh, bếp ga, máy giặt, giỏ, rau, cà chua, thớt...
- Hoạt động: nấu ăn, nói chuyện, cười nói...

6. Ghép (nối)

* Lưu ý

- Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về bảo vệ môi trường (Tiếng Việt 2).
- Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ về bảo vệ môi trường.
- Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.
- Cách tiến hành: GV thực hiện lồng ghép với các bài tập trong SGK.

Bài tập: Em hãy phân loại các hành động sau vào hai nhóm thích hợp: trồng cây, xả rác bừa bãi, tiết kiệm nước, bẻ cành cây, quét dọn đường phố, săn bắt chim, nhặt rác ở bãi biển, lãng phí điện.

Hành động bảo vệ môi trường	Hành động gây hại môi trường

→ **Đáp án:**

Hành động bảo vệ môi trường	Hành động gây hại môi trường
trồng cây, tiết kiệm nước, quét dọn đường phố, nhặt rác ở bãi biển	xả rác bừa bãi, bẻ cành cây, săn bắt chim, lãng phí điện

* Lưu ý

- Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về cây cối (Tiếng Việt 2).
- Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ về cây cối.
- Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.
- Cách tiến hành: GV thực hiện lồng ghép với các bài tập trong SGK.

Đề bài: Em hãy xếp các loài cây dưới đây vào 3 khu vườn tương ứng: cây phượng, cây nhãn, cây cải, cây hoa hồng, cây mít, cây rau muống, cây bằng lăng, cây lúa.

Vườn cây ăn quả	Vườn cây làm cảnh/lấy bóng mát	Vườn cây lấy rau, thực phẩm

→ **Đáp án:**

Vườn cây ăn quả	Vườn cây làm cảnh/lấy bóng mát	Vườn cây lấy rau, thực phẩm
cây nhãn, cây vải, cây mít	cây phượng, cây bằng lăng	cây cải, cây rau muống, cây lúa

7. Tích hợp

* *Lưu ý*

- Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ người thân (Tiếng Việt 2).
- Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ về người thân.
- Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.
- Cách tiến hành: GV thực hiện lồng ghép với các bài tập trong SGK.

Bài tập: Em hãy nêu các từ về người thân, đặt câu có sử dụng một trong các từ đó.

→ **Đáp án:**

- Các từ chỉ người thân: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị...
- Đặt câu: Bà em rất hiền từ

Như vậy, nhóm bài tập mở rộng vốn từ góp phần quan trọng trong việc phát triển khả năng diễn đạt của HS. Vốn từ phong phú giúp HS tự tin hơn trong giao tiếp và học tập, đồng thời là nền tảng để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác.

c. Nhóm bài tập Hệ thống hóa vốn từ

Bài tập hệ thống hóa vốn từ có thể hiểu đơn giản là cách giúp HS sắp xếp lại những từ ngữ mình đã biết vào từng nhóm một cách chính xác. Thay vì ghi nhớ các từ một cách rời rạc, dạng bài tập này giúp các em nhìn thấy mối liên kết giữa các từ ngữ với nhau. Khi vốn từ được sắp xếp rõ ràng theo từng nhóm, HS sẽ không còn cảm thấy lúng túng mà có thể nhanh chóng tìm đúng từ mình cần để diễn đạt ý tưởng một cách tự tin và trôi chảy.

Cách phổ biến nhất là giúp các em sắp xếp nhóm từ ngữ theo những chủ đề quen thuộc hằng ngày. Chẳng hạn, với chủ đề về “Trường học”, các em sẽ biết cách tập hợp các từ chỉ con người như thầy cô, bạn bè đi cùng với các từ chỉ hoạt động như học bài, ra chơi. Bên cạnh đó, việc sắp xếp từ dựa trên sự giống nhau hoặc trái ngược về ý nghĩa cũng là một cách rất hay và hiệu quả. Việc này không chỉ giúp các em hiểu sâu sắc hơn về từng từ mà còn

biết cách chọn lọc từ ngữ khéo léo, giúp lời nói và câu văn trở nên sinh động, rõ ý hơn.

Đối với HS lớp 2 và 3, các bài tập này giống như một trò chơi rèn luyện trí não. Khi tham gia phân loại, so sánh hoặc tìm ra những từ không cùng nhóm, các em sẽ học được cách quan sát và suy luận nhanh. Việc này giúp các em thêm yêu môn Tiếng Việt, đồng thời tạo nền tảng vững chắc để các em biết cách dùng từ hay, viết văn giỏi và giao tiếp tự nhiên trong cuộc sống.

Để tiến hành, GV nên triển khai hoạt động này trong những phút cuối tiết Luyện từ và câu cho tất cả HS trong lớp. Đây là thời điểm vàng để các em ôn chuốt lại kiến thức, đảm bảo mọi em đều nắm được cách sắp xếp từ ngữ một cách trật tự và khoa học.

Cách làm cụ thể bắt đầu bằng việc GV đưa ra một từ khóa chính và dành thời gian cho HS thảo luận nhóm để tìm các từ liên quan. Tiếp theo, các em sẽ thực hiện trên phiếu học tập với các yêu cầu vừa sức như nối từ vào nhóm phù hợp hoặc tìm từ khác nghĩa. Đối với những bạn làm nhanh, GV có thể khuyến khích các em tự vẽ một sơ đồ đơn giản để thể hiện mối liên hệ giữa các từ ngữ vừa tìm được.

Tương tự nhóm bài tập mở rộng, nhóm bài tập này cũng hướng đến đối tượng là mọi HS trong lớp. Tuy nhiên, để phân hóa đối tượng HS, GV nên thiết kế thêm các bài tập nâng cao để các em khá - giỏi có thể phát huy khả năng và năng lực của mình.

Ở dạng bài tập này, có thể thiết kế theo dạng sau:

1. Trò chơi học tập							
<i>- Lưu ý</i>							
+ <i>Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về gia đình (Tiếng Việt 2).</i>							
+ <i>Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ về gia đình.</i>							
+ <i>Dành cho đối tượng: HS đại trà, HS khá - giỏi.</i>							
+ <i>Thời điểm: Hoạt động Khởi động.</i>							
+ <i>Cách thực hiện: GV tạo không khí hứng khởi bằng trò chơi ô chữ, kiểm tra bài cũ trước khi vào tiết học.</i>							
Đề bài: Tìm các từ thích hợp điền vào hàng ngang sau:							
1				G			
2					Á		

3				B	A		B		
4						Ồ			
5	N				Á				
6									
7		H			H				C

Gợi ý:

Hàng 1: Người phụ nữ sinh ra mẹ của mình thì gọi là gì?

Hàng 2: Nơi gia đình trở về, sum họp.

Hàng 3: Từ chỉ sự che chở, nuôi nấng, bảo vệ quá mức cho người khác.

Hàng 4: Hành động hỗ trợ, tương trợ là gì?

Hàng 5: Từ gì chỉ lòng yêu thương con người, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn?

Hàng 6: Khi những người đi xa trở về bên gia đình gọi là gì?

Hàng 7: Cảm giác vui sướng tột độ khi đạt được điều mong muốn gọi là gì?

Từ khóa hàng dọc là gì?

→ **Đáp án:**

1				B	A	N	G	O	A	I
2					M	Á	I	Á	M	
3						B	A	O	B	Ọ
4										
5	N									
6										
7										

→ Từ khóa hàng dọc (GV đưa ra gợi ý dành cho HS khá - giỏi: Thêm dấu thanh để tìm ra ô chữ hàng dọc. Từ khóa: **gia đình**)

2. Vấn đáp

Đề bài 1:

- Lưu ý

+ Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ chỉ sự vật (Tiếng Việt 2, 3).

+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng vốn từ cho HS về các từ chỉ sự vật.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà.

+ Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.

+ Cách thực hiện: GV lồng ghép cùng các bài tập trên lớp.

Câu hỏi 1: Khi nhắc đến “thành phố”, em liên tưởng đến những đặc điểm nào?	→ Đáp án gợi ý: tấp nập, ồn ào, náo nhiệt, hiện đại...
Câu hỏi 2: Em ấn tượng với những đặc điểm nào của vùng nông thôn?	→ Đáp án gợi ý: yên bình, trong lành, thoáng đãng...
Đề bài 2: - Lưu ý + Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về lễ hội (Tiếng Việt 3). + Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ về lễ hội. + Dành cho đối tượng: HS đại trà + Thời điểm: Hoạt động Vận dụng. + Cách thực hiện: GV hỏi HS sau khi học bài mới.	
Câu hỏi 1: Sau Tết Nguyên Đán, tại Ninh Bình diễn ra lễ hội lớn nào để tưởng nhớ công đức của Đinh Tiên Hoàng Đế và Lê Đại Hành Đế?	→ Đáp án: Lễ hội Hoa Lư (trước đây gọi là lễ hội Trường Yên).
Câu hỏi 2: Trong các lễ hội xuân ở quê, trò chơi dân gian nào thường thu hút đông đảo thanh niên trai tráng tham gia trên các dòng sông?	→ Đáp án: Lễ hội đua thuyền.
3. Trắc nghiệm khách quan - Lưu ý + Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ có nghĩa giống nhau (Tiếng Việt 3). + Mục tiêu xây dựng bài tập: Luyện tập, giúp HS nhận diện, ghi nhớ các từ có nghĩa giống nhau. + Dành cho đối tượng: HS đại trà. + Thời điểm: Hoạt động Vận dụng. + Cách thực hiện: GV hỏi HS sau khi học bài mới.	
Đề bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng. Để cơ thể luôn khỏe mạnh, chúng ta cần ăn uống đầy đủ và tập thể dục thường xuyên. A. chất lượng B. chất dinh dưỡng C. đồ bỏ D. thực phẩm	

→ **Đáp án: B**

4. Ghép nối

Bài tập 1:

- Lưu ý

- + Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ chỉ sự vật, đặc điểm (Tiếng Việt 2, 3)
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng, luyện tập cho HS ghi nhớ các từ chỉ sự vật, đặc điểm.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà
- + Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.
- + Cách thực hiện: GV hỏi HS sau khi học bài mới.

Câu 1: Em hãy nối các sự vật ở cột A với đặc điểm phù hợp nhất ở cột B.

Cột A (Sự vật)	Cột nối	Cột B (Đặc điểm)
1. Cánh đồng lúa		a. trắng muốt
2. Ngọn núi		b. xanh rờn
3. Dòng sông		c. chót vót
4. Những đám mây		d. trong mát

→ **Đáp án:** 1-b, 2-a, 3-d, 4-c.

5. Nhìn tranh và trả lời

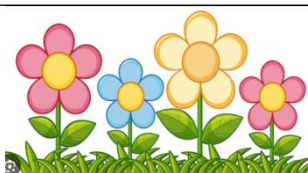
Bài tập: Nhìn tranh, tìm từ chỉ đặc điểm, tính chất

- Lưu ý

- + Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Từ chỉ đặc điểm (Tiếng Việt 2, 3).
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng, luyện tập cho HS ghi nhớ các từ chỉ đặc điểm.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- + Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.
- + Cách thực hiện: GV thực hiện lồng ghép cùng các bài tập trong SGK.



.....
.....



.....
.....

→ **Gợi ý đáp án:**

Hình 1: đỏ, vàng, xanh, tươi ngon, chín...

Hình 2: hồng, vàng, xanh, tươi thắm, xanh tốt, đẹp...

6. Phân loại

Đề bài 1

- Lưu ý

+ Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Từ chỉ sự vật, đặc điểm (Tiếng Việt 2, 3).

+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng, luyện tập cho HS ghi nhớ các từ chỉ sự vật, đặc điểm.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà.

+ Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.

+ Cách thực hiện: GV thực hiện lồng ghép cùng các bài tập trong SGK.

Bài 1: Em hãy sắp xếp các từ sau đây vào đúng nhóm trong bảng dưới đây: mèo con, chạy bộ, thông minh, ngủ khi, bút chì, quét nhà, xanh ngắt, lo lắng, bàn học, nhảy dây, hiền hậu, vui sướng, hoa hồng, đọc sách, tròn xoe, buồn bã, bác sĩ, múa hát, cao lớn.

Từ chỉ sự vật	Từ chỉ đặc điểm	Từ chỉ trạng thái	Từ chỉ hoạt động
M: mèo con	M: thông minh	M: lo lắng	M: chạy bộ

→ **Đáp án:**

+ Từ chỉ sự vật: mèo con, hoa hồng, bác sĩ, bút chì, bàn học

+ Từ chỉ đặc điểm: thông minh, xanh ngắt, hiền hậu, tròn xoe, cao lớn

+ Từ chỉ trạng thái: lo lắng, vui sướng, buồn bã

+ Từ chỉ hoạt động: chạy bộ, ngủ khi, quét nhà, nhảy dây, đọc sách, múa hát

Bài tập 2

- Lưu ý

+ Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Từ chỉ đặc điểm, hoạt động (Tiếng Việt 2, 3)

+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng, luyện tập cho HS ghi nhớ các từ chỉ đặc điểm, hoạt động. Giúp HS biết sắp xếp từ thành câu đúng ngữ pháp và ngữ nghĩa.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà.

+ Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.

+ <i>Cách thực hiện: GV thực hiện lồng ghép cùng các bài tập trong SGK.</i>
Bài 1: Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu đúng: a. đang/ học bài/ chăm chỉ/ bé/ trong phòng b. cánh đồng/ lúa/ chín vàng/ mênh mông/ trông như/ một/ biển vàng c. em/ giúp/ mẹ/ việc nhà/ đi học về/ khi
→ Đáp án: a. Bé đang học bài chăm chỉ trong phòng. b. Cánh đồng lúa chín vàng trông như một biển vàng mênh mông. c. Em giúp mẹ việc nhà khi đi học về.
7. Tích hợp * <i>Lưu ý</i> - Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Mở rộng vốn từ về núi rừng (Tiếng Việt 3). - Mục tiêu xây dựng bài tập: Mở rộng cho HS vốn từ về cây cối. - Dành cho đối tượng: HS đại trà. - Thời điểm: Hoạt động Luyện tập. - Cách tiến hành: GV thực hiện lồng ghép với các bài tập trong SGK.
Bài tập: Em hãy nêu ít nhất ba từ về núi rừng. Đặt một câu có sử dụng một trong các từ vừa tìm được
→ Đáp án: - Từ về núi rừng: hùng vĩ, đồ sộ, trập trùng. - Gợi ý đặt câu: Núi rừng Trường Sơn rất hùng vĩ.

2.3.2. Nhóm bài tập về câu và giao tiếp

Ở lớp 2 và 3, các bài tập về câu giúp HS hiểu rằng một câu trọn vẹn luôn cần có hai bộ phận chính. Bộ phận thứ nhất là chủ ngữ, thường trả lời cho câu hỏi “Ai?”, “Cái gì?” hoặc “Con gì?”, dùng để chỉ đối tượng được nói đến. Bộ phận thứ hai là vị ngữ, trả lời cho câu hỏi “Làm gì?”, “Thế nào?” hoặc “Là gì?”, dùng để nêu hoạt động, đặc điểm hoặc giới thiệu về đối tượng đó. Các bài tập thường yêu cầu các em tìm hoặc tách biệt hai thành phần này để bước đầu làm quen với cấu trúc câu tiếng Việt.

Dạng bài tập phổ biến nhất là đặt câu theo mẫu dựa trên các kiểu câu cơ

bản. Chẳng hạn, với kiểu câu “Ai làm gì?”, HS phải tìm được chủ ngữ chỉ người hoặc con vật và chọn một vị ngữ chỉ hoạt động tương ứng. Việc luyện tập này giúp các em biết cách kết hợp từ ngữ một cách logic, đảm bảo câu văn luôn rõ ràng và đầy đủ ý nghĩa. Thay vì đặt những câu cụt ngủn, các em sẽ học được cách mở rộng câu bằng cách thêm vào những chi tiết sinh động từ đặc điểm, hoạt động của đối tượng.

Ngoài ra, các em còn được làm quen với dạng bài tập ghép hoặc sắp xếp từ ngữ bị đảo lộn. Qua việc tìm cách sắp xếp trật tự các từ cho trước, HS sẽ nhận ra mối liên hệ chặt chẽ về nghĩa giữa các thành phần trong câu. Những hoạt động này không chỉ giúp các em nắm vững ngữ pháp một cách tự nhiên mà còn tạo nền tảng quan trọng để các em viết được những đoạn văn mạch lạc và tự tin hơn trong giao tiếp hằng ngày.

2.3.2.1. Mục tiêu xây dựng bài tập

Mục tiêu chính của các bài tập về câu là giúp HS biết cách kết nối những từ ngữ đã học thành một ý hoàn chỉnh, đúng cấu trúc câu. Thay vì ghi nhớ máy móc, các em được rèn luyện cách dùng câu trong những tình huống giao tiếp thực tế như trò chuyện với người lớn hay chia sẻ cùng bạn bè. Việc thực hành này không chỉ giúp các em sử dụng tiếng Việt linh hoạt, tự tin mà còn tạo nền tảng vững chắc để các em viết được những đoạn văn mạch lạc và giàu cảm xúc hơn mỗi ngày.

2.3.2.2. Đặc điểm bài tập

Điểm nổi bật nhất của dạng bài tập này là tập trung vào thực thành, giúp HS không chỉ dừng lại ở việc nhận biết mặt chữ mà phải thực sự bắt tay vào tạo lập ngôn ngữ. Thay vì những lý thuyết khô khan về các kiểu câu, các em được yêu cầu tự mình đặt câu. Quá trình này giúp các em làm quen với việc sắp xếp ý nghĩ sao cho mạch lạc, đồng thời rèn luyện cách dùng dấu câu và viết hoa đúng quy định ngay từ những bước đầu tiên.

Nội dung của các bài tập luôn được lồng ghép khéo léo vào những tình huống giao tiếp quen thuộc hằng ngày của các em. Chẳng hạn, GV có thể đưa ra các bối cảnh như: “Em hãy đặt một câu để chào hỏi thầy cô” hoặc “Viết một câu kể về một người bạn mà em yêu quý”. Khi được đặt vào những tình huống gần gũi như ở trường học, gia đình hay khu vui chơi, HS sẽ cảm thấy việc đặt câu trở nên thật dễ dàng và tự nhiên, không còn cảm giác đang phải thực hiện một nhiệm vụ học tập nặng nề.

Việc gắn bài tập với đời sống thực tế còn giúp HS phát triển khả năng sử

dụng tiếng Việt một cách linh hoạt. Thay vì học thuộc lòng các câu mẫu, các em được khuyến khích thay đổi các thành phần trong câu để diễn đạt những cảm xúc và ý kiến riêng của mình. Chính sự đa dạng trong cách đặt vấn đề của bài tập đã khích lệ các em sáng tạo, từ đó hình thành thói quen sử dụng ngôn ngữ và phù hợp với từng đối tượng, hoàn cảnh giao tiếp khác nhau.

2.3.2.3. Các dạng bài tập cụ thể

Trước hết, nhóm bài tập này tập trung giúp các em biết cách sắp xếp câu chữ sao cho rõ ràng để tự tin trò chuyện hằng ngày. Trong đó, quan trọng nhất là các bài tập giúp HS nhận biết các thành phần, cấu trúc trong câu. Việc nắm chắc nền tảng cốt lõi này sẽ giúp các em viết câu đúng chuẩn, không bị thiếu ý hay lủng củng.

Tiếp theo, HS sẽ được làm quen với cách dùng câu tùy theo mục đích khi nói chuyện. Thay vì chỉ học lý thuyết, các em được tập dùng câu kể để kể chuyện, câu hỏi khi muốn thắc mắc, hay các câu dùng để yêu cầu và bày tỏ cảm xúc. Việc luyện tập này giúp các em biết cách chọn câu chữ phù hợp với từng hoàn cảnh, từ đó biết cách cư xử lễ phép và tự nhiên hơn với mọi người xung quanh.

Cuối cùng, để giúp các em nói và viết hay hơn, GV sẽ hướng dẫn các bài tập thay đổi và mở rộng câu. Thay vì chỉ viết những câu ngắn, đơn giản, các em được khuyến khích thêm vào những từ ngữ gợi tả sinh động để câu văn giàu hình ảnh hơn. Quá trình này không chỉ giúp các em diễn đạt ý tưởng một cách lời cuốn mà còn là bước chuẩn bị tuyệt vời để các em viết được những đoạn văn giàu cảm xúc sau này.

Quy trình xây dựng các dạng bài tập về câu cụ thể như sau:

- Bước 1. Xác định mục tiêu của bài tập về câu và giao tiếp

GV cần xác định rõ mục tiêu của bài tập nhằm giúp HS: Nhận biết được cấu trúc cơ bản của câu; Biết đặt câu đúng cấu trúc; Sử dụng câu phù hợp với mục đích giao tiếp; Phát triển khả năng diễn đạt bằng lời nói và bài viết. Cùng với đó, mục tiêu bài tập cần bám sát nội dung CT Tiếng Việt lớp 2, 3 và hướng tới việc hình thành năng lực giao tiếp cho HS.

- Bước 2. Xác định kiểu, loại và hình thức bài tập

Dựa vào mục tiêu đã xác định, GV lựa chọn các dạng bài tập phù hợp như: Sắp xếp từ ngữ thành câu hoàn chỉnh; Đặt câu theo mẫu; Đặt và trả lời câu hỏi; Mở rộng câu; Chọn kiểu câu phù hợp với tình huống giao tiếp. Ngoài ra, GV có thể tổ chức bài tập dưới nhiều hình thức như hoạt động nhóm, trò

chơi đóng vai, nhìn tranh - đặt câu hoặc giao tiếp theo cặp nhằm tạo hứng thú và giúp HS mạnh dạn sử dụng tiếng Việt trong thực tế.

- Bước 3. Lựa chọn ngữ liệu

Ngữ liệu sử dụng trong bài tập cần gần gũi với đời sống của HS như gia đình, trường học, bạn bè, thầy cô hoặc các hoạt động sinh hoạt hằng ngày. GV có thể sử dụng tranh ảnh, đoạn hội thoại ngắn, tình huống giao tiếp hoặc các đoạn văn đơn giản để giúp HS dễ hình dung và vận dụng. Ngữ liệu phù hợp sẽ giúp HS hiểu rõ ý nghĩa của câu trong từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, từ đó sử dụng câu linh hoạt và tự nhiên hơn.

- Bước 4. Xây dựng lệnh bài tập

Lệnh bài tập cần rõ ràng, ngắn gọn và dễ hiểu đối với HS lớp 2, 3. Câu lệnh nên mang tính gợi mở, khuyến khích HS suy nghĩ và thực hành giao tiếp. Từ đó HS càng tập trung vào thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 5. Điều chỉnh bài tập phù hợp với HS và điều kiện dạy học

Sau khi xây dựng bài tập, GV cần điều chỉnh mức độ và hình thức bài tập phù hợp với từng đối tượng HS. Với HS còn hạn chế, GV có thể cho sẵn từ gợi ý hoặc mẫu câu; với HS khá giỏi, có thể yêu cầu mở rộng câu hoặc xây dựng đoạn hội thoại ngắn.

Bên cạnh đó, GV cần linh hoạt thay đổi hình thức tổ chức nhằm tạo môi trường giao tiếp tự nhiên, giúp HS tự tin hơn khi sử dụng tiếng Việt trong học tập và đời sống hằng ngày.

a. Dạng bài tập Nhận diện thành phần câu

Dạng bài tập đầu tiên và cũng là nền tảng chính là giúp các em tập nhận diện các bộ phận câu tạo nên một câu văn. Ở lứa tuổi lớp 2 và 3, các em bắt đầu làm quen với việc phân tích để thấy rằng một câu nói hay câu viết đầy đủ thường có cấu trúc rõ ràng theo mẫu đã học. Các bài tập này thường yêu cầu HS phân loại các câu theo mẫu câu, ghép nối tạo câu hoàn chỉnh hay đặt câu theo yêu cầu, giúp các em hiểu rõ đâu là phần chỉ đối tượng và đâu là phần kể về hoạt động hay đặc điểm của đối tượng đó.

Quan trọng nhất, mục tiêu của dạng bài tập này không phải là bắt các em học thuộc lòng định nghĩa mà là hình thành thói quen kiểm tra câu chữ. Khi đã quen với việc nhận diện cấu trúc câu, các em sẽ tự biết cách soi chiếu vào bài viết của chính mình. Điều này giúp các em tự tin hơn khi đặt bút, đảm bảo mỗi câu văn các em viết ra đều trọn vẹn, mạch lạc và giúp người đọc, người nghe dễ dàng hiểu được tâm tư mà các em muốn thể hiện.

Vì dạng bài tập này dành cho HS lớp 2 và 3, nên được triển khai ngay sau các bài học về từ trong khoảng thời lượng gian từ 10 đến 15 phút. Để các em dễ tiếp thu, GV cần bắt đầu từ việc làm mẫu bằng những câu văn gần gũi, sau đó hướng dẫn các em đặt câu hỏi như “Ai?”, “Làm gì?” là một cách gợi ý.

Một cách làm hiệu quả là sử dụng các thẻ từ màu sắc để các em tự tay sắp xếp thành câu văn hoặc tách rời câu văn. Việc cho HS làm việc theo cặp để kiểm tra bài lẫn nhau cũng giúp các em tự nhận ra lỗi sai và học hỏi từ bạn bè. Thay vì dùng những lý thuyết khô khan, GV nên biến bài tập thành những thử thách khám phá nhẹ nhàng, giúp các em nắm vững cấu trúc câu một cách tự nhiên và đầy hứng thú.

Một số dạng cụ thể:

1. Trò chơi học tập

- Lưu ý:

+ Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học.

+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp các HS biết cách vận dụng, sử dụng câu trong giao tiếp.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà.

+ Thời điểm: Hoạt động Khởi động,

+ Cách thực hiện: GV kiểm tra bài cũ trước khi vào bài mới.

- Trò chơi: “Giải cứu khu vườn ngôn ngữ”

+ Chuẩn bị

• Thẻ từ: Chuẩn bị 3 chiếc giỏ (hoặc 3 cái hộp) dán nhãn: “Ai?”, “Làm gì?”, “Thế nào?”.

• Cây từ vựng: Những mẫu giấy hình trái cây hoặc bông hoa, mặt sau ghi các từ/cụm từ như: chú mèo, đang vờn chuột, xanh ngắt, bầu trời, đang quét nhà, hiền lành, bác bảo vệ...

+ Cách chơi (Luật chơi)

• GV nêu cốt truyện: “Khu vườn ngôn ngữ bị một cơn gió mạnh làm rơi hết trái cây xuống đất. Các em hãy giúp bác làm vườn nhặt trái cây và bỏ đúng vào chiếc giỏ tương ứng nhé!”

+ Thực hiện:

• Chia lớp thành 2-3 đội (như một cuộc thi tiếp sức).

• Khi có hiệu lệnh Bắt đầu, bạn đầu tiên sẽ chạy lên nhặt một trái cây (thẻ

từ), đọc to từ đó lên và bỏ vào giỏ trả lời cho câu hỏi phù hợp. • Chạy về vỗ tay cho bạn tiếp theo. • Đội nào hoàn thành nhanh nhất và đặt đúng vị trí nhất sẽ là đội chiến thắng. + Nhận xét: GV nhận xét và chốt đội thắng
2. Vấn đáp - Lưu ý: + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3). + Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học. + Dành cho đối tượng: HS đại trà. + Thời điểm: Hoạt động Khởi động + Cách thực hiện: Trước khi vào bài mới, GV kiểm tra bài cũ bằng cách đặt ra một số câu hỏi và gọi HS trả lời.
Câu 1: Câu cầu khiến dùng để làm gì? Câu 2: Câu hỏi dùng để làm gì?
→ Đáp án: + Câu 1: Yêu cầu, đề nghị. + Câu 2: Hỏi, tìm kiếm câu trả lời.
3. Trắc nghiệm khách quan Đề bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng. Lưu ý: + Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: câu giới thiệu, câu nêu hoạt động (Tiếng Việt 3) + Mục tiêu xây dựng bài tập: Luyện tập và khắc sâu cho HS các kiểu câu giới thiệu, câu nêu hoạt động. + Dành cho đối tượng: HS đại trà + Thời điểm: Hoạt động Vận dụng + Cách thực hiện: Sau khi HS hoàn thành bài tập trong SGK, GV đưa ra một số câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và gọi HS trả lời.
Câu 1: Trong câu “Chú mèo đang tắm nắng trên sân.”, sự vật nào trả lời cho câu hỏi “Con gì?” A. chú mèo B. tắm nắng C. đang tắm nắng D. trên sân Câu 2: Câu nào dưới đây được cấu tạo theo mẫu “Ai là gì?”

A. Bông hoa hồng rất thơm.		C. Lan là học sinh giỏi nhất lớp.	
B. Em đi học bằng xe đạp.		D. Mẹ em đang nấu cơm	
Câu 1: A		Câu 2: C	
Đề bài 2: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.			
- Lưu ý:			
+ Bài tập hỗ trợ cho nhóm bài tập: Câu nêu đặc điểm (Tiếng Việt 2, 3).			
+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Luyện tập, giúp HS vận dụng và sử dụng câu nêu đặc điểm trong cuộc sống.			
+ Dành cho đối tượng: HS đại trà (câu 1), HS khá - giỏi (câu 2)			
+ Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.			
+ Cách thực hiện: GV thực hiện lồng ghép cùng các bài tập trong SGK.			
Câu 1: Trong các câu dưới đây, câu nào là câu nêu đặc điểm?			
A. Bạn Nam đang quét sân.			
B. Quyển vở của em còn thơm mùi giấy mới.			
C. Chị gái em là sinh viên sư phạm.			
D. Những chú chim hót líu lo trên cành.			
Câu 2: Để miêu tả đặc điểm của một chú thỏ, em nên chọn câu nào?			
A. Chú thỏ đang chạy nhanh vào rừng.			
B. Chú thỏ thích ăn cà rốt.			
C. Chú thỏ có bộ lông trắng muốt, mềm mại.			
D. Thỏ là loài vật hiền lành.			
Câu 1: B		Câu 2: C	
4. Ghép nối			
- Lưu ý:			
+ Bài tập hỗ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học. (Tiếng Việt 3)			
+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học.			
+ Dành cho đối tượng: HS đại trà.			
+ Thời điểm: Hoạt động Luyện tập, kết hợp lồng ghép thực hiện cùng các bài tập trong SGK.			
Câu 1: Hãy nối bộ phận ở cột A với bộ phận ở cột B để tạo thành câu đúng.			
Cột A	Cột B	Nối	
1. Cô giáo em	a. đang hót líu lo trên cành.		
2. Chú chim sâu	b. rất yêu thương học sinh.		
3. Quyển sách này	c. đua nhau tỏa sắc.		

4. Bầy ong	d. là kho tàng tri thức quý giá.	
5. Những bông hoa	e. chăm chỉ tìm mật trong vườn.	

Câu 2: Nối câu văn ở cột trái với câu hỏi phù hợp ở cột phải trả lời cho bộ phận được in đậm trong câu văn.

Câu văn	Câu hỏi tương ứng	Nối
1. Mẹ em là bác sĩ.	a. Làm gì?	
2. Đàn kiến đang tha mồi về tổ.	b. Cái gì?	
3. Chiếc bút chì nằm gọn trong hộp.	c. Ai?	
4. Những vì sao lấp lánh trên trời cao.	d. Thế nào?	

Câu 1: 1-b, 2-a, 3-d, 4-e, 5-c

Câu 2: 1-c, 2-a, 3-b, 4-d

5. Nhìn tranh

- Lưu ý:

+ Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Câu nêu hoạt động (Tiếng Việt 3)

+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Kích thích khả năng tư duy của HS, giúp các em hứng thú trong việc suy nghĩ, tạo câu.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà

+ Thời điểm: Hoạt động Luyện tập

+ Cách thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cùng các bài tập trong SGK, khi đưa ra bài tập, GV phát phiếu bài tập hoặc chiếu trên slide để HS trả lời.

Câu 1: Nhìn tranh, đặt câu theo mẫu

		
Mẫu: Mẹ đang cuốc đất.		

Câu 2: Nhìn tranh, điền thành phần còn thiếu

	 đang tỏa nắng.
---	----------------------



Các bạn học sinh

Câu 1: → **Đáp án gợi ý:**

Hình 2: Các con vật đang vui chơi.

Hình 3: Mọi người đang quét rác.

Câu 2: → **Đáp án gợi ý:**

Hình 1 - Ông mặt trời

Hình 2 - đang quét dọn trường lớp.

6. Phân loại

- Lưu ý:

+ Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm (Tiếng Việt 3)

+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Kích thích khả năng tư duy của HS để sắp xếp và phân loại các nhóm câu.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà.

+ Thời điểm: Hoạt động Vận dụng

+ Cách thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cũng các bài tập trong SGK, gọi HS lên bảng trả lời.

Bài 1: Hãy xếp các câu sau vào nhóm câu tương ứng

- (1). Em là học sinh lớp 2A.
- (2). Đàn bò đang gặm cỏ trên đồi.
- (3). Chú thỏ có bộ lông trắng muốt.
- (4). Mẹ em là giáo viên.
- (5). Bé đang tập viết bài.
- (6). Cánh đồng lúa rộng mênh mông.
- (7). Chú cún nhỏ rất tinh nghịch.

Ai là gì?	Ai làm gì?	Ai thế nào?

→ **Đáp án:**

+ Ai là gì: (1), (4)

+ Ai làm gì: (2), (5)

+ Ai thế nào: (3), (6), (7)

Bài 2: Em hãy xếp các từ/cụm từ sau vào cột thích hợp trong bảng để trả lời cho câu hỏi: *con công, xòe đuôi múa, rục rờ, Bác bảo vệ, đánh trống, rất*

ng nghiêm nghị.

Ai/Con gì?	Làm gì?	Thế nào?

→ **Đáp án:**

- + Ai/Con gì: con công, bác bảo vệ.
- + Làm gì: xòe đuôi múa, đánh trống.
- + Thế nào: rục rĩ, rất nghiêm nghị.

7. Đặt câu

Bài tập 1:

- Lưu ý:

- + Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm (Tiếng Việt 3)
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: Kích thích khả năng tư duy của HS và vận dụng kiến thức đã học để đặt câu theo yêu cầu và trong giao tiếp.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- + Thời điểm: Hoạt động Vận dụng
- + Cách thực hiện: Sau khi hoàn thành các bài tập trong SGK, GV đưa ra bài tập bổ trợ và gọi HS trả lời.

Bài 1: Đặt câu theo mẫu câu đã học.

- Nói về mẹ em: Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào?
- Nói về một con vật: Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào?

→ **Đáp án** (Ở bài tập này, HS đa dạng, linh hoạt trả lời, yêu cầu đúng cấu trúc và làm đúng theo đề bài đưa ra)

Bài 2: Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm.

1, **Trời** hôm nay rất xanh.

.....

2, **Mẹ** em là bác sĩ.

.....

3, **Nam** là lớp trưởng lớp em.

.....

→ **Đáp án:**

- 1, Trời hôm nay thế nào?
- 2, Mẹ em là ai?
- 3, Nam là ai?

Bài tập 2:

- Lưu ý:

+ Bài tập dạy bổ trợ cho nhóm bài: Biện pháp so sánh (Tiếng Việt 3)

+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Kích thích khả năng tư duy của HS và vận dụng kiến thức đã học để đặt câu theo yêu cầu và trong giao tiếp.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà.

+ Thời điểm: Hoạt động Vận dụng

+ Cách thực hiện: Tương tự đề bài 1

Bài 1: Gạch dưới các sự vật được so sánh với nhau trong các câu sau:

- Trẻ em như búp trên cành.

- Tiếng suối trong như tiếng hát xa.

- Những đám mây trắng xấp như bông.

→ **Đáp án:**

- Trẻ em như búp trên cành.

- Tiếng suối trong như tiếng hát xa.

- Những đám mây trắng xấp như bông.

Bài 2: Đặt câu theo mẫu:

Mẫu: Trắng như tuyết.

Đen như => Đặt câu:

Nhát như => Đặt câu:

Chậm như => Đặt câu:

→ **Đáp án gợi ý:**

Đen như gỗ mun => Đặt câu: Mái tóc của em bé như gỗ mun.

Nhát như thỏ => Đặt câu: Anh ấy là người nhát như thỏ.

Chậm như rùa => Đặt câu: Anh ta làm việc chậm như rùa.

Bài 3: Chuyển các câu sau đây thành câu văn có sử dụng biện pháp so sánh:
(dành cho HS khá giỏi)

Những ngôi sao sáng trên bầu trời.

=>

Tán lá bàng rộng và xanh.

=>

→ **Đáp án gợi ý:**

- Những ngôi sao sáng trên bầu trời như những ngọn nến lung linh.

- Tán lá bàng rộng và xanh như một chiếc ô khổng lồ che mát cả sân trường.

8. Tích hợp

* *Lưu ý*

- Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Câu nêu đặc điểm (Tiếng Việt 3).
- Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS câu nêu đặc điểm.
- Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.
- Cách tiến hành: GV thực hiện lồng ghép với các bài tập trong SGK.

Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn khoảng 3 – 5 câu, trong đó có sử dụng câu nêu đặc điểm.

→ **Đáp án gợi ý:** Nhà em có nuôi một chú rùa nhỏ rất đáng yêu. Mai của chú cứng như một chiếc áo giáp. Chú rùa này có tính cách vô cùng hiền lành. Mỗi khi thấy người lạ đến gần, chú lại nhút nhát rút đầu vào trong mai.

b. Dạng bài tập Phân loại câu

Dạng bài tập phân loại câu giúp HS nhận biết rằng mỗi câu nói ra đều mang một mục đích riêng, từ đó biết cách dùng từ ngữ sao cho phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp. Ở CT lớp 2 và lớp 3, các em sẽ học cách phân biệt bốn kiểu câu cơ bản: câu dùng để kể (câu kể), câu dùng để hỏi (câu hỏi/câu nghi vấn), câu dùng để yêu cầu, đề nghị (câu khiến) và câu dùng để bộc lộ cảm xúc (câu cảm). Thay vì chỉ học lý thuyết, HS sẽ được thực hành qua việc nhận diện các dấu hiệu nhận biết như dấu chấm hỏi, dấu chấm than hay các từ ngữ đặc trưng ở đầu và cuối câu.

Để triển khai hiệu quả, GV nên tổ chức bài tập dưới dạng các tình huống thực tế trong khoảng 15 phút của tiết học. GV có thể đưa ra một đoạn hội thoại ngắn giữa các nhân vật quen thuộc và yêu cầu HS tìm xem câu nào dùng để hỏi đường, câu nào dùng để khen ngợi bạn. Việc gắn kiến thức với những mẫu chuyện nhỏ giúp các em hiểu rằng việc chọn đúng kiểu câu sẽ giúp người nghe hiểu rõ suy nghĩ, cảm xúc của mình hơn, từ đó hình thành thói quen giao tiếp lịch sự và tự nhiên.

Trong quá trình thực hiện, GV có thể dùng các bộ thẻ hình biểu cảm hoặc trò chơi Đóng vai để tăng tính sinh động. Ví dụ, khi nhận được thẻ hình “ngạc nhiên”, HS phải đặt một câu cảm phù hợp. Cách làm này giúp các em không chỉ nhận diện câu trên trang giấy mà còn biết cách điều chỉnh giọng điệu và thái độ khi nói. Việc khuyến khích HS tự tìm lỗi sai và sửa lại các câu

dùng sai mục đích trong bài tập nhóm cũng là cách tuyệt vời để các em làm chủ ngôn ngữ và tự tin hơn trong các tình huống giao tiếp hằng ngày.

Một số dạng vận động cụ thể:

1. Trò chơi học tập

- *Lưu ý:*

+ *Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm (Tiếng Việt 3).*

+ *Mục tiêu xây dựng bài tập:*

+ *Dành cho đối tượng: HS đại trà.*

+ *Thời điểm: Hoạt động Khởi động.*

+ *Cách thực hiện:*

- Trò chơi “*Truyền điện tìm câu khác kiểu*”.

+ Chuẩn bị: GV đưa ra các nhóm câu, mỗi nhóm sẽ có một câu không cùng kiểu câu với các câu còn lại.

+ Luật chơi:

• GV hô “*Truyền điện, truyền điện*” và HS đáp “*Truyền ai? Truyền ai?*”

• GV truyền điện cho một HS bất kì, HS đó phải chỉ ra câu không cùng kiểu câu với các câu còn lại trong nhóm.

• HS nào tìm đúng sẽ được khen, HS nào tìm chưa đúng sẽ nhắc lại câu trả lời sau khi có sự trợ giúp.

+ Nhận xét: GV nhận xét các đội thực hiện và chốt đội thắng.

2. Vấn đáp

- *Lưu ý:*

+ *Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Câu nêu hoạt động (Tiếng Việt 3).*

+ *Mục tiêu xây dựng bài tập: Luyện tập và giúp HS ghi nhớ, biết cách sử dụng câu nêu hoạt động.*

+ *Dành cho đối tượng: HS đại trà.*

+ *Thời điểm: Hoạt động Khởi động.*

+ *Cách thực hiện: GV kiểm tra bài cũ trước khi vào bài mới.*

Câu hỏi 1: Trong câu: “*Mặt trời tỏa ánh nắng rực rỡ.*”, bộ phận nào trả lời cho câu hỏi *Làm gì?*

Câu hỏi 2: Khi em muốn giới thiệu tên mình với một người bạn mới, em sẽ dùng mẫu câu nào?

Câu 1: tỏa ánh nắng rực rỡ.	Câu 2: Ai là gì?
3. Trắc nghiệm khách quan - Lưu ý: + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Câu giới thiệu (Tiếng Việt 3). + Mục tiêu xây dựng bài tập: Giúp HS ghi nhớ và biết cách sử dụng câu giới thiệu trong cuộc sống. + Dành cho đối tượng: HS đại trà. + Thời điểm: Hoạt động Khởi động. + Cách thực hiện: GV kiểm tra bài cũ trước khi vào bài mới.	
Câu 1: Câu nào dưới đây được cấu tạo theo mẫu “Ai là gì?” A, Bạn Mai đang quét sân trường. B, Tiếng hót của chim sơn ca rất hay. C, Em là học sinh lớp 2A. D, Đàn cá bơi lội dưới chân cầu Câu 2: Câu “Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.” thuộc kiểu câu nào? A. Ai là gì? C. Cái gì thế nào? B. Cái gì làm gì? D. Con gì làm gì?	
Câu 1: C	Câu 2: A
4. Giải đố - Lưu ý: + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3). + Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học. + Dành cho đối tượng: HS đại trà. + Thời điểm: Hoạt động Vận dụng, + Cách thực hiện: GV củng cố kiến thức sau khi học bài mới.	
Câu 1: Mặt trời thức dậy sớm mai, Tỏa muôn tia nắng ban mai rực hồng. Đố bạn đây là kiểu câu nào? (Đáp án: Ai thế nào?)	Câu 2: Bút chì, thước kẻ nằm ngang Đang cùng bé học hàng hàng chữ xinh. Đố bạn đây là kiểu câu nào? (Đáp án: Ai làm gì?)
5. Ghép nối - Lưu ý: + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3). + Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học.	

- + *Dành cho đối tượng: HS đại trà.*
- + *Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.*
- + *Cách thực hiện: GV củng cố kiến thức sau khi tiết học.*

Bài 1: Em hãy nối từ hoặc cụm từ ở cột A với cột B để tạo thành câu có nghĩa.

Cột A	Nối	Cột B
1. Bó em		a. rất hiền lành và chăm chỉ.
2. Chú mèo mướp		b. là người trụ cột trong gia đình.
3. Những quyển sách		c. đang rình bắt chuột ngoài sân.
4. Cô giáo em		d. là kho tàng tri thức của nhân loại.

Bài 2: Em hãy nối câu văn ở cột trái với mẫu câu tương ứng ở cột phải.

Câu văn	Nối	Mẫu câu
1. Chim sâu là bạn của nhà nông.		a. Ai làm gì?
2. Những bông hoa cúc nở vàng rực.		b. Ai là gì?
3. Đàn trâu đang gặm cỏ trên đồng.		c. Ai thế nào
4. Bầu trời mùa thu xanh trong.		d. Cái gì thế nào

Bài 1: 1-b, 2-c, 3-d, 4-a

Bài 2: 1-b, 2-c, 3-a, 4-d

Bài 3: Hãy ghép bộ phận được in đậm với câu hỏi phù hợp để tìm ra thành phần đó.

1. **Mẹ em** là bác sĩ. • • A. Làm gì?
2. Hoa hồng **đỏ thắm**. • • B. Ai?
3. Đàn kiến **đang tha mồi**. • • C. Cái gì?
4. **Chiếc cặp này** rất bền. • • D. Thế nào?

→ **Đáp án:** 1-B, 2-D, 3-A, 4-C

6. Nhìn tranh và trả lời câu hỏi

- Lưu ý:

- + *Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3).*
- + *Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học.*
- + *Dành cho đối tượng: HS đại trà.*
- + *Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.*
- + *Cách thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cùng các bài tập trong SGK.*

Bài 1: Nhìn tranh đặt câu thích hợp theo yêu cầu

	- Ai làm gì: - Ai thế nào:
	- Ai làm gì: - Ai thế nào:

→ **Đáp án:** HS có thể có nhiều cách đặt câu, ví dụ:

Hình 1: - Ai làm gì: Bác thợ xây đang xây nhà.

- Ai thế nào: Bác thợ xây làm việc rất chăm chỉ.

Hình 2: - Ai làm gì: Cô giáo đang chỉ bài cho HS

- Ai thế nào: Cô giáo rất ân cần với HS.

Bài 2: Nhìn tranh, viết câu vào chỗ trống sao cho phù hợp

		
..... 		

→ **Đáp án:** Các em có thể viết các câu đa dạng, linh hoạt nhưng cần đúng cấu trúc và nghĩa, gợi ý:

- Hình 1: Các bạn đang đá cầu.

- Hình 2: Hàng cây phượng đỏ rực.

- Hình 3: Các bạn vui đến trường.

7. Phân loại

Đề bài 1:

- Lưu ý:

+ Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3).

+ Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà.

+ Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.

+ *Cách thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cùng các bài tập trong SGK.*

Bài 1: Cho những câu sau, hãy phân loại xem chúng thuộc những kiểu câu nào bằng cách đánh dấu X.

Câu	Ai là gì?	Ai làm gì?	Ai thế nào?
1, Mẹ em làm giáo viên.			
2, Em đang quét nhà.			
3, Mái tóc của bà bạc trắng.			
4, Bạn ấy là học sinh.			

Trong mỗi câu hãy gạch chéo (/) giữa hai bộ phận của câu. (Dành cho HS khá - giỏi)

→ **Đáp án:**

Câu	Ai là gì?	Ai làm gì?	Ai thế nào?
1, Mẹ em làm giáo viên.		X	
2, Em đang quét nhà.		X	
3, Mái tóc của bà bạc trắng.			X
4, Bạn ấy là học sinh.	X		

*** Đáp án phần dành cho học sinh khá – giỏi:**

- 1, Mẹ em / làm giáo viên.
- 2, Em / đang quét nhà.
- 3, Mái tóc của bà / bạc trắng.
- 4, Bạn ấy / là học sinh.

8. Đặt câu

Đề bài 1:

- Lưu ý:

- + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3).
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho Hs các kiểu câu đã học.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- + Thời điểm: Hoạt động Luyện tập
- + Cách thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cùng các bài tập trong SGK.

Bài 1: Sử dụng mỗi từ sau đây để đặt một câu theo mẫu tương ứng.

- xanh rờn (mẫu Ai thế nào?):
- quét sân (mẫu Ai làm gì?):
- học sinh (mẫu Ai là gì?):

→ **Đáp án:** HS có thể viết nhiều kiểu câu khác nhau, đa dạng nhưng cần đúng ngữ pháp và ngữ nghĩa, gợi ý:

- xanh rờn: Những đám cỏ xanh rờn đùa vui trong gió.
- quét sân: Bà em đang quét sân.
- học sinh: Học sinh tung tăng đến trường.

Bài 2: Em hãy đặt các câu văn đúng theo yêu cầu dưới đây:

- Đặt 1 câu mẫu Ai là gì? để giới thiệu về người bạn thân nhất của em.

.....

- Đặt 1 câu mẫu Ai làm gì? kể về một việc em thường giúp mẹ vào buổi tối.

.....

- Đặt 1 câu mẫu Ai thế nào? để miêu tả mái tóc hoặc đôi mắt của bà em.

.....

- Đặt 1 câu mẫu Cái gì thế nào? để nói về thời tiết ngày hôm nay.

.....

→ **Đáp án:** HS có thể viết nhiều kiểu câu khác nhau, đa dạng nhưng cần đúng ngữ pháp và ngữ nghĩa, gợi ý:

- Bạn thân của em là lớp trưởng.
- Em rửa bát giúp mẹ buổi tối.
- Đôi mắt bà em rất hiền từ.
- Bầu trời xanh, trong vắt.

Bài 3: Đặt câu theo các tình huống sau:

Tình huống 1: Em đi học về và thấy một món quà rất đẹp đặt trên bàn học của mình. Hãy đặt 1 câu hỏi để hỏi mẹ về nguồn gốc của món quà đó.

Tình huống 2: Trong giờ ra chơi, em thấy một bạn nam đang vứt vỏ kẹo ra sân trường. Hãy đặt 1 câu khiến để nhắc nhở bạn bỏ rác vào thùng.

Tình huống 3: Chủ nhật, bố đưa em đi thăm vườn bách thú. Lần đầu tiên em tận mắt thấy một chú công đang xòe đuôi rực rỡ. Hãy đặt 1 câu cảm để thể hiện sự ngạc nhiên trước vẻ đẹp đó.

→ **Đáp án gợi ý:**

- Tình huống 1: “Mẹ ơi, ai tặng quà cho con thế ạ?” hoặc “Quà này ở đâu ra vậy mẹ?”
- Tình huống 2: “Bạn hãy bỏ vỏ kẹo vào thùng rác đi!” hoặc “Chúng mình cùng nhặt rác bỏ vào thùng nhé!”
- Tình huống 3: “Ôi, chú công xòe đuôi đẹp quá!” hoặc “Chao ôi, bộ lông

của chú công mới rục rồ làm sao!”
Đề bài 2: - Lưu ý: + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Câu nêu đặc điểm (Tiếng Việt 2, 3). + Mục tiêu xây dựng bài tập: Luyện tập và giúp HS biết cách sử dụng câu nêu đặc điểm trong cuộc sống. + Dành cho đối tượng: HS đại trà. + Thời điểm: Hoạt động Luyện tập. + Cách thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cùng các bài tập trong SGK.
Bài 1: Em hãy đặt một câu về không khí ngày Tết ở Cổ đô Hoa Lư? Mẫu: Không khí ngày Tết ở Hoa Lư thật tĩnh mịch và trang nghiêm. Bài 2: Em hãy đặt một câu về hình ảnh Cờ lau tập trận của Vua Đinh Tiên Hoàng.
→ Đáp án gợi ý: Bài 1: Không khí ngày tết ở Cổ đô Hoa Lư thật náo nhiệt. Bài 2: Hình ảnh Cờ lau tập trận của Vua Đinh Tiên Hoàng thật hào hùng và khí thế.

c. Dạng bài tập Biến đổi câu

Dạng bài tập biến đổi và mở rộng câu được xem là mức độ rèn luyện cao hơn, giúp HS lớp 2 và 3 không chỉ viết đúng mà còn viết hay. Mục tiêu của dạng bài này là giúp các em biết cách xoay xở linh hoạt với ngôn ngữ, chẳng hạn như chuyển một câu kể bình thường thành một câu hỏi tò mò hoặc một câu cảm thán đầy cảm xúc. Qua đó, HS hiểu rằng cùng một nội dung nhưng với cách sắp xếp khác nhau, chúng ta có thể tạo ra những sắc thái tình cảm khác nhau trong giao tiếp.

Để triển khai bài tập này hiệu quả, GV nên dành khoảng từ 10 đến 15 phút trong các tiết luyện tập tổng hợp. Việc mở rộng câu như thế này giúp các em làm giàu vốn từ và làm quen với việc miêu tả chi tiết.

Bên cạnh đó, GV có thể hướng dẫn HS thực hành chuyển đổi giữa các kiểu câu thông qua các tình huống đóng vai. Chẳng hạn, từ một câu khẳng định về thời tiết, các em tập chuyển sang câu hỏi hoặc câu khen ngợi. Trong quá trình làm, GV cần chỉ dẫn cụ thể về cách thay đổi dấu câu và các từ ngữ đi kèm để đảm bảo câu mới vẫn chính xác về ngữ pháp. Những bài tập này

giúp các em thoát khỏi cách viết văn khô khan, giúp lời nói và bài viết của các em trở nên linh hoạt, giàu hình ảnh và truyền cảm hứng hơn.

Một số dạng cụ thể sau:

1. Trò chơi học tập <i>- Lưu ý:</i> + <i>Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3)</i> + <i>Dành cho đối tượng: HS đại trà.</i> + <i>Thời điểm: Hoạt động Khởi động.</i> + <i>Cách thực hiện:</i>
<i>- Trò chơi: “Xúc sắc đặt câu”</i> + Chuẩn bị: Xúc xắc mẫu câu: Một viên xúc xắc tự làm, các mặt ghi: [Là gì?], [Làm gì?], [Thế nào?]. + Luật chơi: GV gọi một bạn bất kỳ, HS đó lên trước lớp tung xúc sắc và đặt câu theo mẫu câu tung được từ mặt xúc sắc. HS nào không có câu trả lời hoặc đưa ra câu trả lời quá thời gian quy định thì phải thử lại ở lần xúc sắc tiếp theo. + Nhận xét: GV nhận xét quá trình chơi trò chơi và tuyên dương.
2. Vấn đáp <i>- Lưu ý:</i> + <i>Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3).</i> + <i>Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học.</i> + <i>Dành cho đối tượng: HS đại trà.</i> + <i>Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.</i> + <i>Cách thực hiện: GV lồng ghép cùng các bài tập trong SGK.</i>
Câu 1: Khi thấy bạn Lan đang giúp đỡ một bà cụ, em hãy khen bạn Lan một câu? Câu 2: Hãy biến câu sau thành câu kể: “Cánh đồng lúa chín vàng.”?
Câu 1: → Đáp án gợi ý: Bạn Lan tốt bụng quá! Câu 2: → Đáp án gợi ý: Cánh đồng lúa chín vàng đẹp quá!
3. Trắc nghiệm khách quan <i>- Lưu ý:</i> + <i>Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3).</i> + <i>Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiể câu đã học.</i>

- + *Dành cho đối tượng: HS đại trà.*
- + *Thời điểm: Hoạt động Khởi động.*
- + *Cách thực hiện: GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm kiểm tra bài cũ trước khi vào bài mới.*

Bài tập: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Câu văn “Chao ôi, chú mèo mướp mới đáng yêu làm sao!” được biến đổi từ câu kể nào dưới đây?

- A. Chú mèo mướp rất đáng yêu.
- B. Chú mèo mướp có đáng yêu không?
- C. Chú mèo mướp đang chơi đùa.
- D. Chú mèo mướp là vật nuôi trong nhà.

Câu 2: Biến câu kể sau thành câu hỏi: “Bé học bài.”.

- A. Bé học bài đi!
- B. Bé có học bài không?
- C. Bé học bài chăm chỉ quá!
- D. Bé đang học bài.

Câu 3: Chuyển câu “Bạn Lan là lớp trưởng lớp em.” sang mẫu câu “Ai làm gì?”:

- A. Bạn Lan rất gương mẫu.
- B. Bạn Lan đang tổ chức cho lớp sinh hoạt.
- C. Bạn Lan là một người bạn tốt.
- D. Bạn Lan học giỏi nhất lớp.

Câu 1: A

Câu 2: B

Câu 3: B

4. Giải đố

- *Lưu ý:*

- + *Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3).*
- + *Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học.*
- + *Dành cho đối tượng: HS đại trà.*
- + *Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.*
- + *Cách thực hiện: GV đố HS sau khi hoàn thành các bài tập trên lớp.*

Câu 1:

Tớ điềm đằm nhất trong nhà
Có chuyện gì lạ tớ liền báo ngay
Kết thúc dấu chấm đặt đây

Câu 2:

Tớ hay thắc mắc đủ điều
“Tại sao?” hỏi nhiều chẳng thôi
Trên đầu đội mũ cong rồi

Đố bạn đoán được tớ là kiểu câu? (Đáp án: câu kể)	Có chẳng đoán được tớ là kiểu câu? (Đáp án: câu hỏi)
Câu 3: Thấy đẹp, thấy lạ, thấy vui Tớ liền thốt thốt lên lời xuýt xoa Dấu chấm gạch dưới nảy ra Là tớ đang cảm, hay là đang khen? (Đáp án: câu cảm)	Câu 4: Muốn nhờ bạn giúp một tay Hay muốn ra lệnh: “Làm ngay đi nào!” Cuối câu dấu chấm đặt vào Châm than tùy giọng cứ là đúng thôi. (Đáp án: câu khiến)

+ Dành cho đối tượng HS khá - giỏi: Em hãy đặt câu có sử dụng một trong những dấu vừa tìm được.

9. Ghép nối

- Lưu ý:

- + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3).
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- + Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.
- + Cách thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cùng các bài tập trong SGK.

Bài 1: Nối câu văn ở cột A với câu biến đổi của nó ở cột B sao cho đúng.

Cột A	Cột B	Nói
1, Hàng cây phượng đỏ rực.	a, Em học bài đi!	
2, Em học bài.	b, Hàng cây phượng đỏ đẹp quá!	
3, Nam đi đá bóng.	c, Trời mưa to quá!	
4, Trời mưa rất to.	d, Nam có đi đá bóng không?	

→ **Đáp án: 1-b, 2-a, 3-d, 4-c**

10. Phân loại

- Lưu ý:

- + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3).
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- + Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.
- + Cách thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cùng các bài tập trong SGK.

Đề bài: Em hãy phân loại các câu sau dựa vào mục đích nói và dấu câu.

(1). Nam có đi đá bóng không?

- (2). Bạn hãy giữ trật tự nhé!
- (3). Chao ôi, bông hoa đẹp quá!
- (4). Hôm nay trời nắng rực rỡ.
- (5). Đừng đùa nghịch trong lớp học!
- (6). Mấy giờ rồi nhỉ?

Câu kể	Câu cảm	Câu khiến	Câu hỏi

→ **Đáp án:**

- Câu kể: (4) - Câu khiến: (2), (5)
- Câu cảm: (3) - Câu hỏi: (1), (6)

Đề bài: Hãy điền số thứ tự của câu vào ô phù hợp trong bảng.

- (1). Lan học giỏi quá!
- (2). Em hãy làm bài tập đi!
- (3). Bố có phải là bác sĩ không?
- (4). Con mèo đang bắt chuột.

Mẫu câu Kiểu câu	Ai là gì?	Ai làm gì?	Ai thế nào?
Câu kể			
Câu hỏi			
Câu khiến			
Câu cảm			

→ **Đáp án:**

Mẫu câu Kiểu câu	Ai là gì?	Ai làm gì?	Ai thế nào?
Câu kể		(4)	
Câu hỏi	(3)		
Câu cảm			(1)
Câu khiến		(2)	

11. Đặt câu

- *Luxu ý:*

- + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3).
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- + Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.

+ <i>Cách thực hiện: GV chiếu mẫu hoặc phát hiểu bài tập sau khi hoàn thành các bài tập trên lớp.</i>
Bài 1: Câu dưới đây đang dùng sai dấu câu hoặc thiếu từ ngữ. Em hãy đặt lại cho đúng kiểu câu yêu cầu. - Câu gốc: Bạn Nam học giỏi quá? (Yêu cầu đặt lại thành câu cảm)
→ Đáp án: - Sửa lại: Bạn Nam học giỏi quá!
Đề bài: Em hãy nói một câu để cảm ơn khi được bạn giúp đỡ.
→ Đáp án gợi ý: Cảm ơn cậu đã giúp đỡ tớ!
12. Tích hợp <i>* Lưu ý</i> - Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các kiểu câu đã học (Tiếng Việt 3). - Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các kiểu câu đã học. - Dành cho đối tượng: HS đại trà. - Thời điểm: Hoạt động Luyện tập. - Cách tiến hành: GV thực hiện lồng ghép với các bài tập trong SGK.
Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn khoảng 3 – 5 câu, trong đó có sử dụng câu cảm, câu kể.
→ Đáp án gợi ý: Mỗi mùa xuân tới, vườn đào nhà em lại đua nhau khoe sắc. Khắp khu vườn chìm trong màu hồng dịu dàng, tươi sáng mà mẹ em thường bảo là sắc màu của mùa xuân. Khu vườn kéo đến biết bao nhiêu là chim chóc. Em rất yêu vườn đào nhà em!

2.3.3. Nhóm bài tập về dấu câu

Nhóm bài tập về dấu câu đóng vai trò vô cùng quan trọng giúp HS lớp 2 và 3 viết câu vừa đúng quy tắc, vừa mạch lạc và giàu cảm xúc. Việc làm chủ các dấu câu cơ bản không chỉ giúp các em biết cách ngắt nghỉ đúng chỗ khi đọc mà còn giúp người đọc hiểu chính xác suy nghĩ, tình cảm mà các em muốn truyền đạt. Qua nhóm bài tập này, vốn ngôn ngữ của các em sẽ trở nên có trật tự, có tính thẩm mỹ và sinh động hơn rất nhiều.

Trước hết, HS sẽ làm quen với dạng bài tập điền dấu câu phù hợp vào chỗ trống. GV thường đưa ra những đoạn văn ngắn bị lược bỏ dấu câu và yêu cầu các em dựa vào ngữ cảnh để chọn dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi hay

dấu chấm than cho đúng. Dạng bài này rèn luyện cho các em khả năng quan sát và tư duy logic, giúp các em hiểu rằng mỗi dấu câu đều có nhiệm vụ riêng: dấu chấm để kết thúc một ý, dấu phẩy để ngăn cách các thành phần trong câu, còn dấu hỏi và dấu than giúp bộc lộ rõ mục đích nói và cảm xúc.

Bên cạnh đó, để nâng cao kỹ năng, GV có thể triển khai dạng bài tập phát hiện và sửa lỗi dùng dấu sai. Qua việc đóng vai người sửa bài, HS được trực tiếp tìm ra những chỗ ngắt câu vô lý hoặc dùng dấu chưa đúng mục đích, từ đó rút kinh nghiệm cho chính bài viết của mình. Quá trình này giúp các em hiểu sâu hơn về vẻ đẹp và sự tinh tế của tiếng Việt. Một khi đã nắm vững cách dùng dấu, câu văn của các em sẽ không còn khô khan mà trở nên giàu hình ảnh, giúp đoạn văn kể chuyện hay miêu tả của HS lớp 2, 3 trở nên cuốn hút và truyền cảm hơn.

2.3.3.1. Mục tiêu xây dựng bài tập

Mục tiêu của nhóm bài tập về dấu câu là giúp HS nắm vững cách sử dụng các dấu cơ bản để viết câu đúng quy tắc và rõ nghĩa. Qua việc thực hành, các em sẽ biết cách ngắt nghỉ đúng chỗ, hiểu rõ lúc nào cần dùng dấu chấm để kết thúc ý hay dùng dấu hỏi, dấu than để bộc lộ cảm xúc. Điều này không chỉ rèn luyện tính cẩn thận, giúp câu văn mạch lạc mà còn giúp lời văn trở nên sinh động, truyền cảm, từ đó giúp các em tự tin hơn khi viết những đoạn văn kể chuyện hay miêu tả.

2.3.3.2. Đặc điểm

Đặc điểm nổi bật của nhóm bài tập về dấu câu là tính thực hành gắn liền với ngữ cảnh. Thay vì chỉ học thuộc lòng các quy tắc khô khan, HS sẽ được trực tiếp làm việc với những câu văn, đoạn văn cụ thể. Qua đó, các em tự khám phá ra rằng dấu câu không phải là những ký hiệu đứng độc lập mà là thành phần không thể thiếu để làm rõ nghĩa của câu. Việc đặt dấu câu vào trong các câu chuyện hay tình huống giao tiếp giúp các em hiểu được mối liên hệ mật thiết giữa dấu chữ viết và nhịp điệu của lời nói, từ đó biết cách ngắt nghỉ tự nhiên khi đọc và viết.

Ngoài ra, nhóm bài tập này còn có tính linh hoạt và phân hóa theo mức độ tư duy. Các dạng bài được sắp xếp khéo léo từ dễ đến khó, bắt đầu từ việc nhận diện và điền dấu vào chỗ trống theo mẫu, sau đó nâng cao dần lên việc phát hiện và tự sửa lỗi sai. Đặc điểm này không chỉ giúp HS lớp 2, 3 củng cố kiến thức một cách bền vững mà còn rèn luyện tính cẩn thận, khả năng quan sát tỉ mỉ. Nhờ vậy, bài tập về dấu câu trở thành công cụ đắc lực giúp các em

rèn luyện tư duy logic.

2.3.3.3. Các dạng bài tập cụ thể

Việc xây dựng nhóm bài tập về dấu câu cho HS lớp 2, 3 cần được thực hiện qua 5 bước cụ thể nhằm giúp các em sử dụng dấu câu như một công cụ điều khiển nhịp điệu và cảm xúc của văn bản:

- Bước 1. Xác định mục tiêu của bài tập về dấu câu

Đầu tiên, GV cần xác định rõ mục tiêu của bài tập nhằm giúp HS: Nhận biết được chức năng của các dấu câu cơ bản; Biết sử dụng dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than đúng vị trí; Biết ngắt nghỉ hợp lý khi đọc và viết; Hình thành thói quen viết câu rõ nghĩa, mạch lạc và đúng quy tắc chính tả. Mục tiêu bài tập cần phù hợp với nội dung CT Tiếng Việt lớp 2, 3 và khả năng nhận thức của HS tiểu học.

- Bước 2. Xác định kiểu, loại và hình thức bài tập

Dựa vào mục tiêu đã xác định, GV lựa chọn các dạng bài tập phù hợp như: Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống; Chọn dấu câu phù hợp; Phát hiện và sửa lỗi dùng dấu câu; Ngắt đoạn văn thành câu hoàn chỉnh; Đặt câu có sử dụng dấu câu theo yêu cầu. Bên cạnh đó, GV có thể tổ chức bài tập dưới hình thức trò chơi học tập, hoạt động nhóm hoặc thi tìm lỗi sai nhằm tạo hứng thú và tăng khả năng ghi nhớ cho HS.

- Bước 3. Lựa chọn ngữ liệu

Ngữ liệu sử dụng trong bài tập cần ngắn gọn, dễ hiểu và gần gũi với đời sống của HS như các câu chuyện, đoạn hội thoại, bài văn ngắn hoặc tình huống giao tiếp quen thuộc. GV nên lựa chọn ngữ liệu có nội dung rõ ràng để HS dễ xác định vị trí và chức năng của từng dấu câu. Việc sử dụng ngữ liệu phù hợp sẽ giúp HS hiểu được vai trò của dấu câu trong việc biểu đạt ý nghĩa và cảm xúc của câu văn.

- Bước 4. Xây dựng lệnh bài tập

Lệnh bài tập cần rõ ràng, ngắn gọn và phù hợp với trình độ của HS lớp 2, 3. Câu lệnh nên hướng dẫn cụ thể để HS dễ thực hiện và tránh nhầm lẫn. Ví dụ như “Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống.” hoặc “Tìm và sửa lỗi dùng dấu câu trong đoạn văn sau.”

- Bước 5. Điều chỉnh bài tập phù hợp với HS và điều kiện dạy học

Sau khi xây dựng bài tập, GV cần điều chỉnh nội dung và mức độ bài tập phù hợp với từng đối tượng HS. Với HS còn hạn chế, GV có thể sử dụng câu văn ngắn và cho sẵn gợi ý; với HS khá giỏi, có thể yêu cầu tự viết đoạn

văn ngắn và sử dụng nhiều loại dấu câu khác nhau. GV cần linh hoạt thay đổi hình thức tổ chức nhằm tạo không khí học tập tích cực, giúp HS hứng thú hơn trong quá trình rèn luyện kỹ năng sử dụng dấu câu.

a. Dạng bài tập điền dấu

Dạng bài tập điền dấu câu là bước đầu tiên giúp HS lớp 2 và 3 làm quen với việc tổ chức văn bản một cách ngăn nắp. Ở dạng này, GV thường đưa ra các câu rời hoặc một đoạn văn đã bị lược bỏ các dấu hiệu ngắt nghỉ, yêu cầu các em chọn lựa dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than sao cho phù hợp. Việc thực hành này giúp các em nhận ra rằng dấu câu không chỉ là những ký hiệu vô hình, mà chúng chính là người dẫn đường giúp người đọc biết khi nào cần nghỉ hơi và hiểu đúng ý nghĩa của từng câu văn.

Để triển khai hiệu quả, GV nên dành khoảng 10 đến 12 phút trong tiết học để các em thực hiện thử thách này. Thay vì chỉ làm trên giấy, GV có thể biến bài tập thành một trò chơi, chia lớp thành các đội và yêu cầu các em nhanh tay gắn các thẻ dấu câu vào bảng đúng vị trí. Cách làm này không chỉ tạo không khí vui vẻ mà còn giúp HS ghi nhớ sâu sắc công dụng của từng loại dấu, ví dụ như dấu chấm dùng khi kết thúc một ý trọn vẹn gồm đủ chủ ngữ và vị ngữ, hay dấu chấm hỏi dùng khi muốn tìm hiểu một điều gì đó.

Trong quá trình chỉ dẫn, GV cần lưu ý HS cách đọc thành tiếng đoạn văn để cảm nhận nhịp điệu. Khi đọc đến chỗ cần ngắt hơi ngắn, các em sẽ biết cần điền dấu phẩy; khi kết thúc một thông tin, các em sẽ chọn dấu chấm. Việc hướng dẫn HS tự kiểm tra lại bằng cách đọc to như vậy sẽ giúp các em rèn luyện tính cẩn thận và khả năng cảm thụ ngôn ngữ tốt hơn. Đây là nền tảng quan trọng giúp các em tự tin hơn khi tự mình viết những đoạn văn kể chuyện hay miêu tả sau này.

Các dạng cụ thể:

1. Trò chơi học tập

- Trò chơi: “Tiếp sức đồng đội”

+ Chuẩn bị: Phấn, đoạn văn chưa đầy đủ dấu câu.

+ Luật chơi: Mỗi đội chơi xếp thành hàng dọc, khi có khẩu hiệu bắt đầu, các thành viên của đội lần lượt điền dấu còn thiếu vào các ô trống để hoàn thiện đoạn văn. Đội nào hoàn thành nhanh và đúng nhất sẽ dành chiến thắng.

+ Cách chơi:

• GV chia đội (3 đội), mỗi đội 3-4 thành viên xếp thành hàng dọc trước bảng treo đoạn văn • GV bắt đầu trò chơi, HS tiến hành. + Nhận xét: GV nhận xét, chữa đáp án của mỗi đội và tìm ra đội nhanh nhất. GV chốt đội thắng.
2. Vấn đáp - Lưu ý: + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3) + Mục tiêu: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học. + Dành cho đối tượng: HS đại trà. + Thời điểm: Hoạt động Khởi động. + Cách thực hiện: GV đưa ra một số câu hỏi để kiểm tra bài cũ HS.
Câu 1: Các em đã được học những loại dấu nào? Câu 2: Em hãy nêu tác dụng của dấu hai chấm, dấu gạch ngang và dấu ngoặc kép. Câu 3: Khi hỏi, chúng ta thường sử dụng dấu gì cuối câu?
→ Đáp án: Câu 1: - Lớp 2: dấu chấm (.), dấu phẩy (,), dấu chấm hỏi (?), và dấu chấm than (!) - Lớp 3: dấu hai chấm (:), dấu gạch ngang (-), và dấu ngoặc kép (“ ”) Câu 2: - Dấu hai chấm: Báo hiệu bộ phận đứng sau là lời nói của nhân vật (thường đi với dấu gạch ngang hoặc ngoặc kép) hoặc sự liệt kê, giải thích. - Dấu gạch ngang: Đặt đầu dòng để đánh dấu lời đối thoại của nhân vật hoặc đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê. - Dấu ngoặc kép: Dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc đánh dấu từ ngữ có ý nghĩa đặc biệt. Câu 3: dấu chấm hỏi.
3. Trắc nghiệm khách quan - Lưu ý: + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3) + Mục tiêu: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học. + Dành cho đối tượng: HS đại trà. + Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.

+ *Cách thực hiện: GV lồng ghép với các bài tập trên lớp.*

Câu 1: Dấu câu nào phù hợp nhất để điền vào cuối câu: “Bạn Lan đang làm gì đấy...”?

- A. Dấu chấm (.)
B. Dấu chấm than (!)
C. Dấu chấm hỏi (?)
D. Dấu phẩy (,)

Câu 2: Cho câu văn: “Chao ôi, chú mèo mướp mới đáng yêu làm sao...”.
Em nên chọn dấu câu nào để kết thúc câu bộc lộ cảm xúc này?

- A. Dấu chấm than (!)
B. Dấu chấm hỏi (?)
C. Dấu chấm (.)
D. Cả A và B đều đúng.

Câu 3: Trong các câu sau, câu nào bị dùng **SAI** dấu câu?

- A. Mẹ em là giáo viên.
- B. Ôi, bông hoa đẹp quá?
- C. Bạn có thích ăn táo không?
- D. Em hãy giúp bà qua đường nhé!

Câu 1: C

Câu 2: A

Câu 3: B

4. Giải đồ

- *Lutu* ý:

+ Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3)

+ *Mục tiêu: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học.*

+ *Dành cho đối tượng: HS đại trà.*

+ Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.

+ *Cách thực hiện: GV lồng ghép với các bài tập trên lớp.*

Câu 1:

Tớ là hai chấm nhỏ xinh
Đứng chồng lên nhau như mình với ta
Đằng sau tớ dẫn lời ra
Hoặc là liệt kê câu cho rõ ý.
Tớ là dấu gì?

(Đáp án: Dấu hai chấm)

Câu 2:

Tớ nằm ngang ở đầu dòng
Báo cho bạn biết có người nói năng
Đánh dấu lời thoại rõ ràng
Hoặc là liệt kê từng ý nhỏ xinh.
Tớ là dấu gì?

(Đáp án: Dấu gạch ngang)

Câu 3:

Tớ là hai cặp phẩy xinh
Ôm lấy lời nói giữ gìn bên trong
Trích lời nhân vật xong dòng
Nhớ đừng quên tớ kéo lòng bắn khoản.
Tớ là dấu gì?

(Đáp án: Dấu ngoặc kép)

Câu 4:

Tớ không đứng cuối bao giờ
Chỉ nằm lửng lơ, đợi chờ giữa câu
Ngăn cách các ý cùng nhau
Giúp người đọc ngắt câu giữa dòng.
Tớ là dấu gì?

(Đáp án: Dấu phẩy)

5. Ghép nối

- Lưu ý:

+ Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3)

+ Mục tiêu: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà.

+ Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.

+ Cách thực hiện: GV lồng ghép với các bài tập trên lớp.

Bài 1: Nối loại dấu câu ở cột trái với tác dụng đúng của nó ở cột phải.

Loại dấu câu	Tác dụng	Nối
1, dấu phẩy	a, dùng để kết thúc một câu kể lại sự việc.	
2, dấu chấm	b, ngăn cách các sự vật, đặc điểm được liệt kê trong câu	
3, dấu gạch ngang	c, báo hiệu bộ phận đứng sau là lời nói của nhân vật.	
4, dấu hai chấm	d, đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp.	

Bài 2: Em hãy nối câu văn ở cột A với dấu câu phù hợp nhất ở cột B.

Cột A	Cột B	Nối
1. Ôi, bông hoa này thơm quá...	a. Dấu chấm hỏi	
2. Em đang giúp mẹ quét sân...	b. Dấu chấm	
3. Bạn đã làm bài tập xong chưa...	c. Dấu chấm than	
4. Lan hãy đi học bài đi...		

Bài 1: 1-b, 2-a, 3-d, 4-c

Bài 2: 1-c, 2-b, 3-a, 4-c.

6. Phân loại

- Lưu ý:

+ Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3)

+ Mục tiêu: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà.

+ Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.

+ Cách thực hiện: GV chiếu câu hỏi hoặc phát phiếu bài tập sau khi HS hoàn thành các bài tập trên lớp.

Bài 1: Em hãy phân loại các dấu gạch ngang và hai chấm trong các câu dưới đây vào nhóm tác dụng đúng.

(1). Mẹ bảo: “Con đi tắm đi!”

(2). Cửa hàng bán: gạo, muối, đường.

(3). - Chào bạn!

(4). Hà Nội - Thủ đô của Việt Nam.

Dẫn lời nói trực tiếp	Liệt kê hoặc giải thích

Bài 2: Em hãy đọc các câu sau và xếp chúng vào hai nhóm sao cho đúng.

(1). Lan học giỏi không.

(2). Trời ơi, nóng quá!

(3). Em là HS lớp 3?

(4). Đừng đùa nghịch trong lớp học!

(5). Bạn có thích ăn táo không?

Dùng dấu đúng	Dùng dấu sai

Bài 1: → **Đáp án:**

- Dẫn lời nói trực tiếp: (1), (3)

- Liệt kê hoặc giải thích: (2), (4)

Bài 2: → **Đáp án:**

- Dùng dấu đúng: (2), (4), (5)

- Dùng dấu sai: (1), (3)

7. Đặt câu

- Lưu ý:

+ Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3)

+ Mục tiêu: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học.

+ Dành cho đối tượng: HS đại trà.

+ Thời điểm: Hoạt động Luyện tập.

+ Cách thực hiện: GV lồng ghép với các bài tập trên lớp.

Bài 1: Em hãy đặt 3 câu, trong đó có câu cảm, câu khiến, câu hỏi.

Bài 2: Cho câu kể “Trời nắng.”. Hãy đặt lại câu này theo 3 yêu cầu sau:

- Thêm dấu phẩy và trạng ngữ (Chỉ nơi chốn/thời gian).

- Biến thành câu hỏi (dùng dấu ?).

- Biến thành câu cảm (dùng dấu !).

Bài 1: → **Đáp án:**

- Câu cảm: Bông hoa này đẹp quá!

- Câu khiến: Bạn hãy đóng cửa sổ giúp mình!

- Câu hỏi: Hôm nay là ngày bao nhiêu?

Bài 2 → **Đáp án:**

- Ngoài sân, trời nắng rực rỡ.

- Trời có nắng không nhỉ?

- Trời nắng gắt quá!
8. Điền dấu - Lưu ý: + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3) + Mục tiêu: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học. + Dành cho đối tượng: HS đại trà. + Thời điểm: Hoạt động Vận dụng. + Cách thực hiện: GV chiếu câu hỏi hoặc phát phiếu bài tập sau khi HS hoàn thành các bài tập trên lớp. Đề bài: Điền dấu thích hợp vào □ trong mỗi đoạn văn sau: 1, Trường em rất đẹp □ Có hàng cây xanh mát rượi có bồn hoa rực rỡ sắc màu. Vào giờ chơi chúng em thường chạy nhảy vui đùa dưới bóng mát □ Bạn có yêu ngôi trường của mình không □ 2, Mùa hè đã đến thật rồi□ Trên bầu trời ông mặt trời tỏa nắng chói chang□ Dưới hồ sen mấy chú ếch con kêu ộp ộp□ Một chú ếch nhìn bạn rồi hỏi□ □ Bạn có thấy mát không □ Ếch kia trả lời: □ Mát lắm bạn ơi. → Đáp án: 1, Trường em rất đẹp. Có hàng cây xanh mát rượi, có bồn hoa rực rỡ sắc màu. Vào giờ chơi, chúng em thường chạy nhảy, vui đùa dưới bóng mát. Bạn có yêu ngôi trường của mình không? 2, Mùa hè đã đến thật rồi! Trên bầu trời, ông mặt trời tỏa nắng chói chang. Dưới hồ sen, mấy chú ếch con kêu ộp ộp. Một chú ếch nhìn bạn rồi hỏi: Bạn có thấy mát không? Ếch kia trả lời: Mát lắm bạn ơi!

b. Dạng bài tập Sửa lỗi dùng dấu

Dạng bài tập sửa lỗi dùng dấu là mức độ rèn luyện giúp HS lớp 2 và 3 nâng cao khả năng quan sát và tính cẩn thận khi viết. Thay vì chỉ điền dấu vào chỗ trống, các em sẽ đóng vai người sửa bài để tìm ra những dấu câu bị đặt sai vị trí hoặc dùng sai mục đích trong một đoạn văn cho trước. Việc đối diện với những lỗi sai thường gặp như ngắt câu khi chưa đủ ý, thiếu dấu phẩy ngăn

cách các sự vật, hay dùng nhằm dấu chấm hỏi cho câu kể giúp các em hiểu rõ hơn tầm quan trọng của việc dùng dấu đúng quy tắc để câu văn không bị hiểu lầm ý nghĩa.

Để triển khai dạng bài này một cách thú vị, GV có thể dành khoảng 10 phút để tổ chức hoạt động. GV có thể đưa ra những câu văn có dùng dấu sai và yêu cầu các em sửa bằng cách thay thế dấu câu phù hợp. Chẳng hạn, với một câu có phần vị ngữ bị ngắt rời ra bằng một dấu chấm vô lý, GV sẽ hướng dẫn HS cách nối lại để câu văn được liền mạch. Việc trực tiếp sửa lỗi giúp các em ghi nhớ kiến thức một cách chủ động và sâu sắc hơn nhiều so với việc chỉ nghe giảng lý thuyết suông.

Trong quá trình hướng dẫn, GV nên khuyến khích HS thảo luận nhóm để giải thích vì sao dấu câu đó lại sai. Khi các em tự nói ra được lý do, ví dụ như: “câu này là một câu hỏi nên không thể dùng dấu chấm được”, nghĩa là các em đã thực sự làm chủ được kiến thức. Chỉ dẫn cụ thể của GV về cách đọc lên để kiểm tra độ ngắt nghỉ sẽ là chìa khóa giúp HS tự chấn chỉnh bài viết của mình. Đây là thói quen cực kỳ tốt giúp các em viết lách chín chu, mạch lạc và chuyên nghiệp hơn ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

Các dạng cụ thể:

1. Trò chơi học tập

- *Lưu ý:*

+ *Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3) .*

+ *Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học.*

+ *Dành cho đối tượng: HS đại trà.*

+ *Thời điểm: Hoạt động Khởi động.*

+ *Cách thực hiện: GV tổ chức trò chơi, kiểm tra bài cũ.*

- Trò chơi: “Ai nhanh ai đúng”

+ Chuẩn bị: Đoạn văn đánh dấu sai một số chỗ.

+ Luật chơi: Chia lớp thành 2 đội, cử người đại diện, các thành viên còn lại của mỗi đội nhìn đoạn văn trên bảng, tìm dấu điền sai. Sau mỗi hiệu lệnh, người đại diện nhấn chuông dành quyền trả lời cho đội mình. Mỗi câu trả lời đúng sẽ được cộng điểm tích lũy. Kết thúc, đội nào nhiều điểm nhất là đội chiến thắng.

+ Cách chơi:

• GV chia 2 đội, cử người đại diện nhân chuông. • GV lần lượt chiếu đoạn văn có dấu sai, phát hiệu lệnh cho người đại diện nhân chuông giành quyền trả lời. • GV cộng điểm tích lũy sau mỗi câu trả lời đúng. + Nhận xét: GV nhận xét và chốt đội thắng, tuyên dương. - Trò chơi: “Thẻ Plicker dấu đúng” + Chuẩn bị: Thẻ Plickers, đoạn văn có đánh dấu sai. + Luật chơi: Khi GV chiếu đoạn văn có đánh dấu sai, HS quan sát, ghi nhớ đáp án và giơ thẻ Plickers để GV tổng hợp đáp án. HS nào đưa ra đáp án chính xác sẽ phải trả lời lại. + Cách chơi: • GV chiếu đoạn văn, yêu cầu HS đọc. • GV hướng dẫn cách dùng thẻ Plickers. • GV yêu cầu HS giơ thẻ, quét đáp án. • GV chiếu những HS có câu trả lời đúng, yêu cầu HS trả lời chưa đúng trả lời lại. + Nhận xét: GV nhận xét, tuyên dương.
2. Vấn đáp - Lưu ý: + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3). + Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học. + Dành cho đối tượng: HS đại trà. + Thời điểm: Hoạt động Khởi động. + Cách thực hiện: GV hỏi một số câu hỏi trước khi vào bài mới.
Câu 1: Tại sao câu khiến đôi khi dùng dấu chấm, đôi khi lại dùng dấu chấm than kết thúc câu? Câu 3: Một câu có thể có cả dấu phẩy và dấu hai chấm cùng lúc không? Hãy nêu ví dụ.
→ Đáp án: Câu 1: - Dùng dấu chấm: Khi lời yêu cầu, đề nghị nhẹ nhàng, mang tính chất khuyên nhủ hoặc tâm tình. - Dùng dấu chấm than: Khi lời yêu cầu, mệnh lệnh mạnh mẽ, dứt khoát hoặc có tính chất hối thúc, ra lệnh.

Câu 2:

- Có thể. Một câu hoàn toàn có thể chứa cả hai loại dấu này khi chúng đảm nhiệm các vai trò khác nhau.
- Ví dụ: Trên bàn học, em bày sẵn các đồ dùng: bút, thước và compa.

3. Trắc nghiệm khách quan

- Lưu ý:

- + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3).
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- + Thời điểm: Hoạt động Khởi động.
- + Cách thực hiện: GV đưa ra một số câu hỏi trắc nghiệm kiểm tra bài cũ.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Câu văn nào dưới đây đang dùng SAI dấu câu?

- A. Sáng nay, em đi học sớm.
- B. Bạn đã ăn cơm chưa?
- C. Ôi, con mèo này xinh quá.
- D. Em hãy giữ trật tự nhé!

Câu 2: Cho câu văn: “Mẹ hỏi Lan: Bạn đã làm xong bài tập chưa!”. Cần thay dấu chấm than ở cuối câu bằng dấu gì cho đúng?

- A. Dấu chấm (.)
- B. Dấu chấm hỏi (?)
- C. Dấu phẩy (,)
- D. Dấu hai chấm (:)

Câu 3: Câu văn nào sau đây đã được sửa dấu câu ĐÚNG từ câu gốc: “Hôm nay trời đẹp quá?”

- A. Hôm nay trời đẹp quá.
- B. Hôm nay trời đẹp quá?
- C. Hôm nay trời đẹp quá,
- D. Hôm nay trời đẹp quá!

Câu 1: C

Câu 2: B

Câu 3: D

4. Giải đố

- Lưu ý:

- + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3).
- + Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học.
- + Dành cho đối tượng: HS đại trà.
- + Thời điểm: Hoạt động Vận dụng.
- + Cách thực hiện: GV đố HS một số câu đố trước sau khi hoàn thành xong các bài tập trong SGK.

<i>Câu 1:</i> Mẹ bảo: Con ơi đi học bài đi! Mà sao chẳng thấy gạch ngang gì? Lời nói nằm im trong dòng chữ Đố bạn thêm dấu, mẹ cười hi. (Đáp án: dấu gạch ngang)	<i>Câu 2:</i> câu kể chuyện vui, kể việc làm Thế mà bạn nhỏ nở lòng tham Cắm ngay Dấu hỏi vào đuôi ấy Đố bạn sửa lại cho bớt hàm oan? (Đáp án: dấu chấm)
5. Sửa dấu - Lưu ý: + Bài tập bổ trợ cho nhóm bài: Ôn tập các dấu câu đã học (Tiếng Việt 3). + Mục tiêu xây dựng bài tập: Ôn tập cho HS các dấu câu đã học. + Dành cho đối tượng: HS đại trà. + Thời điểm: Hoạt động Luyện tập. + Cách thực hiện: GV lồng ghép thực hiện cùng các bài tập trong SGK.	
Đề bài: Chỉ ra các dấu câu dùng chưa đúng trong đoạn văn sau: (1) Góc học tập của em rất ngăn nắp? (2) Trên bàn em bày đủ thứ đồ dùng bút mực thước kẻ và tập vở mới! (3) Mỗi khi học bài xong em đều xếp dọn gọn gàng. (4) Em rất yêu góc học tập của mình?	
→ Đáp án: 1, (?) → (.) 2, (!) → (.) 3, Đúng. 4, (?) → (!)	

2.4. Lưu ý sư phạm khi xây dựng và sử dụng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3

2.4.1. Lưu ý sư phạm khi xây dựng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3

Để xây dựng các bài tập bổ trợ phù hợp và phát huy hiệu quả trong dạy học Luyện từ và câu, GV cần chú ý đến những yêu cầu sư phạm nhất định trong quá trình thiết kế bài tập. Những lưu ý này giúp bài tập đảm bảo tính khoa học, phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS lớp 2, 3, đồng thời góp phần nâng cao hứng thú học tập và phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt cho HS. Vì vậy, khi xây dựng bài tập bổ trợ, GV cần quan tâm đến một số lưu ý sư phạm sau đây.

- Đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung CT

Khi xây dựng bài tập bổ trợ, GV lưu ý cần bám sát yêu cầu cần đạt của CT GDPT 2018 và nội dung trong SGK Tiếng Việt lớp 2, 3. Các bài tập được xây dựng phải phù hợp với từng mạch kiến thức về từ, câu và dấu câu, tránh đưa nội dung quá khó hoặc vượt quá khả năng tiếp nhận của HS.

- Đảm bảo tính vừa sức và phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS

HS lớp 2, 3 có tư duy trực quan, khả năng tập trung vẫn còn hạn chế nên bài tập cần ngắn gọn, rõ ràng và có mức độ từ dễ đến khó, đặc biệt các câu lệnh đưa ra phải dễ hiểu, đúng trọng tâm. Ngữ liệu nên gần gũi với đời sống hằng ngày như gia đình, trường học, bạn bè hay thiên nhiên để HS dễ liên hệ và tiếp nhận kiến thức.

- Đa dạng hóa hình thức bài tập

GV cần thiết kế bài tập với nhiều hình thức khác nhau như trò chơi học tập, trắc nghiệm khách quan, giải đố, nhìn tranh, nối từ hoặc bài tập tình huống nhằm tạo hứng thú cho HS. Việc đa dạng hóa hình thức không chỉ giúp tiết học sinh động hơn mà còn phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS trong quá trình học tập, kích thích tư duy cũng như khả năng vận dụng.

- Chú trọng tính hệ thống và tính kế thừa

Các bài tập cần được sắp xếp theo trình tự hợp lí từ nhận biết đến vận dụng, từ đơn giản đến nâng cao. Nội dung bài tập cần có sự liên kết giữa các bài học và giữa các lớp học nhằm giúp HS củng cố kiến thức cũ và hình thành kiến thức mới một cách bền vững.

- Đảm bảo tính thực tiễn và khả thi

Bài tập bổ trợ cần gắn với các tình huống giao tiếp thực tế để HS có cơ hội vận dụng tiếng Việt vào đời sống hằng ngày. Đồng thời, GV cần chú ý đến thời lượng tiết học, điều kiện cơ sở vật chất và trình độ HS để điều chỉnh bài tập phù hợp, đảm bảo khả năng thực hiện trong thực tiễn dạy học.

2.4.2. Lưu ý sư phạm khi sử dụng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3

Để các bài tập bổ trợ phát huy hiệu quả trong dạy học Luyện từ và câu, GV cần chú ý đến cách thức tổ chức và sử dụng bài tập trong từng hoạt động học tập. Việc sử dụng bài tập một cách linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của HS lớp 2, 3 không chỉ giúp các em củng cố kiến thức mà còn tạo hứng thú, phát triển năng lực ngôn ngữ và khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt. Vì vậy, trong quá trình sử dụng bài tập bổ trợ, GV cần lưu ý một số vấn đề sư phạm

sau đây.

- Lựa chọn thời điểm sử dụng phù hợp

GV cần linh hoạt sử dụng bài tập bổ trợ ở các hoạt động như khởi động, khám phá, luyện tập hay vận dụng tùy theo mục tiêu khi xây dựng bài tập vào bài học cụ thể. Trong đó, bài tập bổ trợ thường phát huy hiệu quả rõ nhất ở hoạt động luyện tập và vận dụng vì giúp HS củng cố và thực hành kiến thức ngay sau khi học.

- Tổ chức hoạt động học tập phù hợp với HS

Khi sử dụng bài tập bổ trợ, GV cần kết hợp linh hoạt các hình thức cá nhân, cặp đôi và hoạt động nhóm để tạo cơ hội cho HS được trao đổi, hợp tác và phát triển năng lực giao tiếp. Đồng thời, GV cần quan tâm hỗ trợ những HS còn hạn chế để các em tham gia học tập tích cực hơn.

- Tăng cường yếu tố trực quan và tạo hứng thú học tập

Đối với HS lớp 2, 3, các bài tập có tranh ảnh, trò chơi hoặc tình huống gần gũi thường tạo được sự hứng thú cao. Vì vậy, GV cần chú ý sử dụng các phương tiện trực quan và hình thức tổ chức sinh động nhằm giúp HS chủ động tham gia vào hoạt động học tập.

- Chú trọng phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS

Việc sử dụng bài tập bổ trợ không nên chỉ dừng lại ở mục đích ghi nhớ kiến thức mà cần hướng đến phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt cho HS. GV cần tăng cường các bài tập vận dụng, đặt câu, tình huống giao tiếp hoặc sửa lỗi để HS biết sử dụng từ ngữ và câu văn cũng như dấu phù hợp trong thực tế.

- Kịp thời nhận xét, động viên và điều chỉnh

Trong quá trình tổ chức hoạt động, GV cần thường xuyên nhận xét, động viên và sửa lỗi cho HS nhằm giúp các em tự tin hơn khi sử dụng tiếng Việt. Đồng thời, GV cần linh hoạt điều chỉnh mức độ và hình thức bài tập để phù hợp với năng lực và hứng thú học tập của từng đối tượng HS.

2.5. Đánh giá hiệu quả các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3

2.5.1. Mục đích, đối tượng, nội dung và phương pháp đánh giá

a. Mục đích đánh giá

Sau khi xây dựng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt lớp 2, 3, chúng tôi thực hiện bước đánh giá hiệu quả của các bài tập này nhằm kiểm định giá trị khoa học và khả năng ứng dụng của bài

tập hỗ trợ đã được xây dựng.

b. Nội dung đánh giá

- Các bài tập đã được xây dựng ở mục 2.3.
- Hoạt động đánh giá tập trung vào hai nội dung chính:
 - + Tính hiệu quả sư phạm của hệ thống bài tập trong việc hỗ trợ phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 2, 3.
 - + Tính khả thi khi triển khai các bài tập trong bối cảnh thực tiễn dạy học Luyện từ và câu ở tiểu học.

c. Đối tượng đánh giá

Chúng tôi xin ý kiến đánh giá của 30 chuyên gia, là GV dạy lớp 2, 3 ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

d. Phương pháp đánh giá

Chúng tôi sử dụng phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia thông qua công cụ khảo sát là bảng hỏi, đồng thời kết hợp với xử lý số liệu bằng thống kê mô tả.

Cách tiếp cận này cho phép đảm bảo sự thống nhất giữa cơ sở lý luận và khả năng vận dụng thực tiễn – một nguyên tắc quan trọng trong nghiên cứu giáo dục theo định hướng phát triển năng lực.

2.5.2. Kết quả đánh giá của chuyên gia về hiệu quả của các bài tập hỗ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3

Tỉ lệ thu hồi phiếu đánh giá đạt 100%, đảm bảo tính đầy đủ của dữ liệu. Công cụ khảo sát là bảng hỏi về sự đánh giá của chuyên gia đối với từng tiêu chí. Hệ thống tiêu chí được cấu trúc thành hai nhóm: tính hiệu quả và tính khả thi. Bên cạnh đó, chúng tôi còn ý kiến của chuyên gia để nâng cao hiệu quả xây dựng và sử dụng bài tập hỗ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3.

Kết quả xử lý số liệu cho thấy có sự thống nhất tương đối cao trong đánh giá của các chuyên gia. Ở bình diện tính hiệu quả sư phạm, hầu hết các tiêu chí đều đạt mức 4, 5. Trong đó, tiêu chí 1. *Bài tập giúp HS củng cố kiến thức Luyện từ và câu*, tiêu chí 2. *Bài tập góp phần mở rộng vốn từ cho HS*, tiêu chí 3. *Bài tập hỗ trợ phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho HS* có 100% GV đánh giá ở mức độ 4, 5. Kết quả này cho thấy hệ thống bài tập không chỉ dừng lại ở việc củng cố tri thức mà còn góp phần phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt trong các tình huống giao tiếp.

Ở bình diện tính khả thi, tiêu chí 1. *Bài tập dễ tổ chức trong thực tiễn giảng dạy*, tiêu chí 3. *Bài tập phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông*

2018 được 100% GV đánh giá ở mức 4, 5. Tuy nhiên, tiêu chí 2. *Thời lượng thực hiện bài tập phù hợp* có 45% GV đánh giá ở mức độ 2. Điều này phần nào cho thấy tồn tại những khó khăn nhất định trong việc phân bổ thời gian khi triển khai các dạng bài tập đa dạng.

Bên cạnh việc thu thập đánh giá tính hiệu quả sư phạm và tính khả thi, chúng tôi còn phân tích dữ liệu định tính từ góp ý của GV. Kết quả cho thấy nhiều nhận định có giá trị bổ sung và làm sâu sắc kết quả nghiên cứu. Về ưu điểm, đa số GV (khoảng 80%) đánh giá cao tính đa dạng về hình thức của hệ thống bài tập, đặc biệt là sự kết hợp giữa các dạng bài như ghép nối, phân loại, đặt câu và nhìn tranh – những hình thức phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học. Một GV nhận xét: *“Hệ thống bài tập được thiết kế theo hướng mở, tạo điều kiện cho học sinh vận dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh cụ thể, phù hợp với định hướng phát triển năng lực”*. Bên cạnh đó, khoảng 75% ý kiến cho rằng nội dung bài tập bám sát chương trình và có sự liên kết chặt chẽ với các mạch kiến thức về từ, câu và dấu câu, góp phần củng cố và mở rộng tri thức một cách có hệ thống. Khoảng 70% GV cũng nhấn mạnh khả năng tạo hứng thú học tập cho học sinh thông qua việc sử dụng hình ảnh, tình huống và ngữ liệu gần gũi với đời sống.

Tuy nhiên, các chuyên gia cũng chỉ ra một số hạn chế cần khắc phục. Khoảng 25% ý kiến cho rằng một số bài tập có mức độ yêu cầu còn tương đối cao đối với học sinh trung bình, đặc biệt là các bài tập đòi hỏi vận dụng tổng hợp. Một GV nhận xét: *“Một số bài tập yêu cầu học sinh phải kết hợp nhiều thao tác cùng lúc, điều này có thể gây khó khăn cho học sinh chưa vững kiến thức nền.”* Ngoài ra, khoảng 30% ý kiến cho rằng việc tổ chức một số dạng bài, đặc biệt là các bài tập mang tính hoạt động nhóm hoặc sử dụng tranh ảnh, có thể gặp trở ngại về thời gian và điều kiện lớp học. Bên cạnh đó, một số GV đề xuất cần bổ sung hướng dẫn sử dụng cụ thể hơn cho từng dạng bài tập nhằm hỗ trợ GV tiểu học trong quá trình triển khai, nhất là đối với GV có ít kinh nghiệm.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng các ý kiến định tính của GV có sự tương thích cao với kết quả đánh giá tính hiệu quả và khả thi, qua đó củng cố độ tin cậy của nghiên cứu. Hệ thống bài tập bổ trợ được đánh giá có ưu thế về tính sư phạm, tính hệ thống và khả năng kích thích hoạt động học tập, đồng thời vẫn tồn tại một số điểm cần điều chỉnh liên quan đến mức độ phân hóa và điều kiện triển khai. Việc tiếp thu và điều chỉnh theo các góp ý

của GV sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống bài tập theo hướng tối ưu hơn.

Tổng hợp các kết quả đánh giá cho phép khẳng định rằng hệ thống bài tập hỗ trợ trong dạy học Luyện từ và câu ở lớp 2, 3 đạt mức độ hiệu quả và khả thi. Điều này chứng minh rằng hệ thống bài tập có tiềm năng ứng dụng rộng rãi trong thực tiễn dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, đặc biệt trong bối cảnh triển khai CT GDPT 2018 theo định hướng phát triển năng lực. Tuy nhiên, để phát huy tối đa hiệu quả, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống bài tập theo hướng tăng cường tính phân hóa, tối ưu hóa cấu trúc bài tập và bổ sung hướng dẫn sử dụng cụ thể. Đồng thời, cần có các nghiên cứu thực nghiệm trên diện rộng hơn nhằm kiểm chứng tác động của hệ thống bài tập đối với kết quả học tập của học sinh trong những bối cảnh dạy học khác nhau.

Tiểu kết chương 2

Dựa trên cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn đã được nghiên cứu ở chương 1, chương 2 của khóa luận đã tập trung xây dựng bài tập hỗ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt lớp 2, 3 theo định hướng phát triển năng lực. Đây chính là cơ sở khoa học quan trọng giúp việc xây dựng bài tập đảm bảo tính phù hợp, khả thi và hiệu quả trong thực tiễn dạy học.

Trong chương này, đề tài đã đề xuất quy trình xây dựng bài tập hỗ trợ gồm các bước cơ bản như: *xác định mục tiêu, lựa chọn kiểu bài tập, lựa chọn*

ngữ liệu, xây dựng câu lệnh và điều chỉnh bài tập phù hợp với HS. Từ đó xây dựng các nhóm bài tập cụ thể về từ, câu và giao tiếp, dấu câu cùng một số lưu ý sư phạm trong quá trình sử dụng bài tập. Chúng tôi đã xin ý kiến chuyên gia là GV tiểu học để đánh giá hiệu quả của bài tập đã xây dựng và chỉnh sửa một số bài tập theo góp ý của chuyên gia để hoàn thiện hơn.

Như vậy, những nội dung được triển khai trong chương 2 không chỉ góp phần cụ thể hóa cơ sở lí luận và thực tiễn đã được nghiên cứu ở chương 1 mà còn tạo cơ sở để vận dụng hiệu quả bài tập bổ trợ vào thực tiễn dạy học Luyện từ và câu ở tiểu học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc xây dựng và sử dụng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt lớp 2, 3 là một yêu cầu cần thiết nhằm góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp cho HS theo định hướng của CT GDPT 2018. Đề tài *Xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3* được thực hiện với mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả dạy học Luyện từ và câu ở

tiểu học, đồng thời tạo thêm nguồn tài liệu tham khảo cho GV trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập cho HS.

Qua quá trình nghiên cứu lí luận, khảo sát thực tiễn và xây dựng các bài tập bổ trợ, đề tài đã đạt được một số kết quả cơ bản sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lí luận về bài tập bổ trợ và việc sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt lớp 2, 3.

- Tìm hiểu và phân tích thực trạng xây dựng, sử dụng bài tập bổ trợ của GV trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Đề xuất được các nguyên tắc và quy trình xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt lớp 2, 3 theo hướng phát triển năng lực HS.

- Xây dựng được các bài tập bổ trợ theo ba mạch kiến thức chính: bài tập về từ, bài tập về câu và giao tiếp, bài tập về dấu câu. Các bài tập được thiết kế theo hướng gần gũi, trực quan, phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS lớp 2, 3 và có khả năng vận dụng trong thực tiễn dạy học.

- Đưa ra một số lưu ý sư phạm trong quá trình xây dựng và sử dụng bài tập nhằm giúp GV vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện lớp học và các đối tượng HS.

- Lấy ý kiến chuyên gia về đánh giá hiệu quả các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3.

Từ kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định rằng việc xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3 là hoàn toàn cần thiết và có tính khả thi. Nếu được sử dụng hợp lí, các bài tập này không chỉ giúp HS củng cố kiến thức về từ, câu và dấu câu mà còn góp phần phát triển tư duy ngôn ngữ, khả năng giao tiếp và tạo hứng thú học tập cho HS tiểu học.

Tuy nhiên, do điều kiện thời gian và phạm vi nghiên cứu còn hạn chế, đề tài mới chỉ tập trung xây dựng các bài tập bổ trợ cho một số nội dung tiêu biểu trong CT Tiếng Việt lớp 2, 3 mà chưa có điều kiện tiến hành thực nghiệm trên diện rộng. Đây cũng sẽ là hướng phát triển tiếp theo để đề tài được hoàn thiện hơn.

2. Kiến nghị

- Đối với GV tiểu học: GV cần chú trọng xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ phù hợp, linh hoạt đổi mới hình thức tổ chức nhằm phát huy hứng thú và năng lực sử dụng tiếng Việt của HS.

- Đối với nhà trường: Nhà trường cần tạo điều kiện để GV trao đổi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm và đổi mới phương pháp dạy học.
- Đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học: Sinh viên cần chủ động rèn luyện kỹ năng xây dựng bài tập bổ trợ và vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn dạy học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của

Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), Hà Nội.

3. Lê Hải Huỳnh Chi (2024), “Cách thức xây dựng bài tập bổ trợ môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực sử dụng từ ngữ cho học sinh tiểu học”, Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ.
4. Nguyễn Thị Hạnh (2015), Xây dựng hệ thống bài tập phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh trong dạy học Tiếng Việt ở lớp 2 và lớp 3, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Phan Thị Hồng (2022), “Thiết kế bài tập Tiếng Việt lớp 2, 3 dựa trên hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ”, Tạp chí Giáo dục.
6. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2023), Tiếng Việt 2, tập 1, 2, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
7. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2020), Tiếng Việt 3, tập 1, 2, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
8. Nguyễn Công Khanh (Chủ biên) (2019), Kiểm tra, đánh giá lớp học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
9. Nguyễn Công Khanh (2018), “Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh”, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam.
10. Nguyễn Thị Liên (2020), Thiết kế bài tập bổ trợ môn Tiếng Việt lớp 3 nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Đại học Thái Nguyên.
11. Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) (2021), Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 1, 2, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
12. Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) (2022), Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập 1, 2, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
13. Hoàng Thị Mai (2015), Thiết kế phiếu bài tập bổ trợ môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 5 ở các trường chất lượng cao, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
14. Lê Phương Nga (2016), Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở Tiểu học, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
15. Lê Phương Nga (2001), Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. Lê Phương Nga (2019), Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
17. Lê Phương Nga (2019), Xây dựng hệ thống bài tập thực hành trong dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Tạp

chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

18. Lê Phương Nga, Dương Hằng (2025), 40 đề phát triển năng lực Tiếng Việt (Sách tham khảo), Nxb Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội.

19. Trần Thị Tuyết Oanh (2018), Giáo trình Giáo dục học, Tập 1, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

20. Nguyễn Trần Như Ý, Xây dựng hệ thống bài tập làm giàu vốn từ theo chủ điểm cho học sinh lớp 3 thông qua Luyện từ và câu, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Quảng Nam.

21. Lê Hoàng Phê (Chủ biên) (2024), Từ điển Tiếng Việt, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

22. Đặng Thị Phấn (2017), Xây dựng hệ thống bài tập mở rộng vốn từ theo chủ điểm trong Luyện từ và câu lớp 2, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

23. A.V. Petrovsky (Chủ biên), Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

24. Trần Việt Thắng (2021), Thiết kế bài tập dạy học Tiếng Việt lớp 2 theo hướng phát triển năng lực cho học sinh, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Đinh Thị Thủy (2008), Xây dựng bài tập bổ trợ làm giàu vốn từ cho học sinh lớp 4, 5, Luận văn Thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm.

26. Bùi Minh Toán, Nguyễn Minh Thuyết (2005), Luyện từ và câu Tiếng Việt (Sách tham khảo), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

27. Nguyễn Trí (2012), Một số vấn đề về dạy học Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học, NXB Giáo dục Việt Nam.

2/Tiếng Anh

28. Okon, Y. (1985), “Azospirillum as a potential inoculant for agriculture”, Trends Biotechnol, 3, tr.223-228.

29. Richards, Jack C., Schmidt, Richard (2010), Longman Dictionary of Language Teaching and Applied Linguistics (4th edition), Routledge.

30. Perotto, S., Bonfante, P. (1997), “Bacterial associations with mycorrhizal fungi: close and distant friends in the rhizosphere”, Trends Microbiol, 5, tr.496-501.

3/Website

31. <https://fr.slideshare.net/slideshow/xy-dng-h-thng-bi-tp-m-rng-vn-t-theo-ch-im-cho-hc-sinh-lp-3/55735355>, ngày truy cập: 13/05/2026.

32.<https://luatminhkhue.vn/bai-tap-luyen-tu-va-cau-mon-tieng-viet-lop-2.aspx>, ngày truy cập: 13/05/2026.

33.<https://vuihoc.vn/tin/tro-choi-o-chu-tieng-viet-lop-3-196.html>, ngày truy cập: 13/05/2026.

PHỤ LỤC
PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG XÂY DỰNG BÀI TẬP BỔ TRỢ TRONG DẠY HỌC
LUYỆN TỪ VÀ CÂU, MÔN TIẾNG VIỆT 2, 3

Phiếu khảo sát này nhằm tìm hiểu thực trạng xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3, trên cơ sở đó chúng tôi đề xuất quy trình, cách thức và thực hiện xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy

học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3. Kính mong Quý thầy (cô) vui lòng cho biết ý kiến về một số vấn đề dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống hoặc trả lời ngắn vào chỗ chấm. Mọi thông tin mà Quý thầy (cô) cung cấp sẽ hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

Xin chân thành cảm ơn!

I. THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT

1. Họ và tên:..... Tuổi:.....
2. Đơn vị công tác:.....
3. Hiện tại đang dạy lớp:
4. Số điện thoại:
5. Email:
6. Số năm công tác trong ngành:

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Thầy (Cô) hiểu thế nào là bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu ở tiểu học?

- ☐ Là hệ thống các nhiệm vụ học tập bổ sung, được thiết kế nhằm củng cố, mở rộng kiến thức về từ và câu, đồng thời phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt của học sinh theo hướng dạy học phân hoá và phát triển năng lực.
- ☐ Là các bài tập được thiết kế nhằm củng cố và mở rộng kiến thức về từ và câu, chủ yếu dùng để kiểm tra mức độ ghi nhớ nội dung bài học của học sinh.
- ☐ Là các bài tập bổ sung nhằm luyện tập thêm kiến thức về từ và câu, giúp học sinh thực hành nhiều hơn sau khi học bài mới.
- ☐ Là các bài tập được giáo viên sử dụng để tăng cường hoạt động thực hành ngôn ngữ và nâng cao hiệu quả giờ học Luyện từ và câu.

Khác:

Câu 2. Thầy (Cô) đánh giá mức độ cần thiết của việc sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu như thế nào?

Rất cần thiết

Cần thiết

Bình thường

Không cần thiết

Câu 2. Thầy (Cô) có thường xuyên XÂY DỰNG các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu không?

Rất thường xuyên

Thường xuyên

Bình thường

Không thường xuyên

Câu 3. Thầy (Cô) thường xây dựng các dạng bài tập bổ trợ nào trong dạy học Luyện từ và câu cho học sinh lớp 2, 3?

- ☐ Nhóm bài tập Luyện viết và nhận diện từ (nghe - viết, tìm từ theo mẫu).
- ☐ Nhóm bài tập Hiểu nghĩa của từ (giải nghĩa, tìm từ đồng nghĩa/trái nghĩa).
- ☐ Nhóm bài tập Mở rộng vốn từ (theo chủ điểm, theo cấu tạo từ).
- ☐ Nhóm bài tập Tích cực hóa vốn từ (đặt câu, hoàn thiện văn bản, thực hành giao tiếp).

Khác:

Câu 4. Theo thầy (cô), việc xây dựng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu cho học sinh lớp 2, 3 cần dựa trên những cơ sở nào?

- ☐ Mục tiêu và yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018.
- ☐ Nội dung các bài học trong Sách giáo khoa Tiếng Việt.
- ☐ Đặc điểm tâm lí, nhận thức của học sinh lớp 2, 3.
- ☐ Yêu cầu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp cho học sinh lớp 2, 3.

Khác:

Câu 5. Khi xây dựng bài tập, thầy cô tuân thủ các nguyên tắc sau theo mức độ nào?

(Đánh giá theo mức độ:

1-Không tuân thủ; 2-Thỉnh thoảng; 3-Thường xuyên; 4-Tuyệt đối)

- | | | | | |
|--|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Đảm bảo tính tích hợp (gắn với bài đọc, chủ điểm): | 1 ☐ | 2 ☐ | 3 ☐ | 4 ☐ |
| Đảm bảo tính hệ thống và tính vừa sức: | 1 ☐ | 2 ☐ | 3 ☐ | 4 ☐ |
| Phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh: | 1 ☐ | 2 ☐ | 3 ☐ | 4 ☐ |
| Đảm bảo tính thực tiễn và khả thi: | 1 ☐ | 2 ☐ | 3 ☐ | 4 ☐ |

Câu 6. Thầy (Cô) có thường xuyên SỬ DỤNG các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu không?

Rất thường xuyên

Thường xuyên

Bình thường

Không thường xuyên

Câu 7. Thầy (Cô) sử dụng các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu ở các hoạt động dạy học nào?

- ☐ Hoạt động Khởi động
- ☐ Hoạt động Khám phá
- ☐ Hoạt động Vận dụng

☐ Hoạt động Luyện tập

Khác:

Câu 8. Theo thầy (cô), thời điểm nào sử dụng bài tập bổ trợ mang lại hiệu quả cao nhất?

☐ Đầu giờ (Khởi động, kiểm tra bài cũ).

☐ Giữa giờ (Thực hành, khám phá kiến thức mới).

☐ Cuối giờ (Củng cố, vận dụng).

☐ Hoạt động ở nhà hoặc hoạt động trải nghiệm ngoài giờ.

Câu 9. Thầy (Cô) đánh giá mức độ hứng thú của học sinh khi thực hiện các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu như thế nào?

Rất hứng thú

Hứng thú

Bình thường

Không hứng thú

Câu 10. Theo thầy (cô), hiệu quả khi sử dụng bài tập bổ trợ đối với việc dạy học Luyện từ và câu cho học sinh lớp 2, 3 là:

☐ HS ghi nhớ từ vựng và cấu trúc câu tốt hơn.

☐ HS biết vận dụng từ ngữ vào đúng ngữ cảnh giao tiếp.

☐ Tăng cường khả năng tư duy logic (so sánh, phân loại).

☐ Kích thích sự sáng tạo và tự tin trong giao tiếp.

Khác:

Câu 11. Thầy (Cô) gặp khó khăn gì trong việc XÂY DỰNG bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu?

☐ Việc xác định mục tiêu và mức độ bài tập còn chưa hiệu quả.

☐ Việc thiết kế bài tập còn chưa phù hợp với đối tượng học sinh.

☐ Hạn chế về thời gian thiết kế bài tập do khối lượng công việc của giáo viên nhiều.

☐ Hạn chế về nguồn tài liệu hướng dẫn xây dựng.

☐ Hạn chế về ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế các bài tập đa phương tiện, có tính tương tác.

☐ Chưa đảm bảo tính thực tiễn và hấp dẫn.

☐ Chưa đảm bảo tích hợp phát triển năng lực người học.

☐ Việc đánh giá hiệu quả của bài tập bổ trợ còn chưa hiệu quả.

Khác:

Câu 12. Thầy (Cô) gặp khó khăn gì trong việc TỔ CHỨC thực hiện bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu?

- ☐ Khó bố trí thời gian hợp lý để cho học sinh thực hiện bài tập bổ trợ.
- ☐ Sự chênh lệch trình độ học sinh khiến khó khăn khi giao nhiệm vụ phù hợp cho tất cả học sinh.
- ☐ Khó khăn trong việc đánh giá hiệu quả của bài tập bổ trợ.

Khác:

Câu 13. Thầy (cô) có đề xuất gì để nâng cao hiệu quả xây dựng và sử dụng bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu lớp 2, 3?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Thầy (cô)!

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA BÀI TẬP BỔ TRỢ TRONG
DẠY HỌC LUYỆN TỪ VÀ CÂU, MÔN TIẾNG VIỆT 2, 3
(Phiếu dành cho chuyên gia)**

Nhằm kiểm định giá trị khoa học và khả năng ứng dụng của các bài tập bổ trợ trong dạy học Luyện từ và câu, môn Tiếng Việt 2, 3, chúng tôi tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hiệu quả của chuyên gia. Trên cơ sở đó,

chúng tôi hoàn thiện, điều chỉnh bài tập cho phù hợp với thực tiễn dạy học. Kính mong Quý chuyên gia vui lòng cho biết ý kiến đánh giá một số vấn đề dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô trống hoặc trả lời ngắn vào chỗ chấm. Mọi thông tin mà Quý chuyên gia cung cấp sẽ hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

Xin chân thành cảm ơn!

I. THÔNG TIN CHUYÊN GIA

1. Họ và tên:..... Tuổi:.....
2. Đơn vị công tác:.....
3. Hiện tại đang dạy lớp:
4. Số điện thoại:
5. Email:

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

A. Tính hiệu quả sư phạm của hệ thống bài tập trong việc hỗ trợ phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh lớp 2, 3.

(Ý nghĩa của mức độ đánh giá: 1 – Rất không đồng ý; 2 – Không đồng ý
3 – Bình thường; 4 – Đồng ý; 5 – Rất đồng ý)

STT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Bài tập giúp HS củng cố kiến thức Luyện từ và câu.					
2	Bài tập góp phần mở rộng vốn từ cho HS.					
3	Bài tập hỗ trợ phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho HS.					
4	Bài tập tạo hứng thú học tập cho HS.					
5	Bài tập phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS lớp 2, 3.					

B. Tính khả thi khi triển khai các bài tập trong bối cảnh thực tiễn dạy học luyện từ và câu ở tiểu học

(Ý nghĩa của mức độ đánh giá: 1 – Rất không đồng ý; 2 – Không đồng ý
3 – Bình thường; 4 – Đồng ý; 5 – Rất đồng ý)

STT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá
-----	-------------------	-----------------

		1	2	3	4	5
1	Bài tập để tổ chức trong thực tiễn giảng dạy.					
2	Thời lượng thực hiện bài tập phù hợp.					
3	Bài tập phù hợp với chương trình Giáo dục phổ thông 2018.					
4	Bài tập có thể áp dụng linh hoạt trong nhiều điều kiện dạy học.					

C. Góp ý của chuyên gia để nâng cao hiệu quả xây dựng và sử dụng bài tập hỗ trợ trong dạy học Luyện từ và câu lớp 2, 3

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý chuyên gia!